

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

CÁCH NÓI CHUYỆN (1)

Thưa các Ngài,

Tôi lâu nay không diễn-thuyết ở Hội Trí-tri, không phải là vô-tình mà quên chốn cũ. Tôi còn nhớ có đọc một bộ tiểu-thuyết tây, có người trong truyện nói một câu rằng: « Ta bình-sinh quen biết đàn-bà cũng lắm, đàn-diù tình-duyên cũng nhiều, nhưng mà không bao giờ quên người con gái ta mới yêu lần đầu nhất. Cái ái-tình thứ nhất là cái ái-tình đậm-thắm hơn cả. » — Tôi đối với Hội Trí-tri này, cũng có cái cảm-tình riêng như thế. Dù đi đâu thì đi, dù nói đâu thì nói, cũng không bao giờ quên nơi nhà Hội này là chỗ mới bắt đầu diễn-thuyết lần thứ nhất. Vả lại tôi cũng là người có phần việc trong Hội, chẳng gì bây giờ cũng là một tay tạm-thời-Hội-trưởng, chứ có vừa đâu! Có lẽ nào lại không nhớ đến việc Hội? Song từ khi ở Tây về đến giờ, những bận công việc, có nhiều nơi cần phải nói trước, không thể từ được, còn ở đây thời vẫn rấp rế có dịp sẽ hay. Từ đó, Hội cũng đã mời được mấy quý-quan thông-thái diễn-thuyết về vệ-sinh, về địa-dư, toàn là những chuyện ích-lợi cả. Gần đây tôi cũng muốn tiếp-tục cho cuộc diễn-thuyết khỏi gián-đoạn, nhưng trời hè nóng-nực mà nhà Hội chật-hẹp, tự nghĩ chẳng biết nói có hay-ho gì mà đề các thánh-giả phải ngồi chen - chúc trong hơn một giờ đồng-hồ, tưởng cũng không đang. Bởi thế nên mãi ngày nay mới đến đây nói chuyện với các ngài.

Nay nói chuyện gì bây giờ?

Nói chuyện thiên-hạ-sự, có kẻ cho là vu-khoát; nói chuyện nghĩa-lý, có người bảo là cao-kỳ; nói chuyện ả-dào, có người cho là phóng-tung; nói chuyện đi Tây, có kẻ nói đi chơi có vài tháng, về nói đến mấy năm! Biết nói gì bây giờ cho vừa ý đủ mọi người, vì các ngài có lạ chi, người nước mình khó tính lắm, thế nào cũng chê được:

*Cao chê ngông, thấp chê lùn,
Lớn chê béo trọc béo tròn,
Gầy chê xương sống xương sườn
bày ra... ,*

không sao cho thiên-hạ khỏi chê, chỉ có một cách, là ngồi yên một chỗ, đừng làm gì hết, thế là ổn hơn cả...

Nghĩ như thế mà muốn chọn một đầu bài diễn-thuyết cho ổn, thật cũng khó quá. Thôi thì bất-nhược ta nói ngay về cách nói chuyện có được không? Chọn cái đầu đề như thế, có lẽ cũng hơi xuẩn thật, và không khỏi có người lại chê là vô-vị: nói về cách nói chuyện thì nói làm sao cho thành câu chuyện được? Nhưng dễ thường vô - vị mà lại hay, vì có vô-vị mới không sợ sùc-phạm ai. Song, cũng vị-tất...

Vậy bữa nay tôi diễn-thuyết đây là nói về « cách nói chuyện ». Đã gọi là nói chuyện, không khỏi nói dồng-dài một chút, nên trước khi vào đề phải có mấy câu « dạo đầu » như thế, đề gọi là vui câu chuyện.

(1) Diễn-thuyết ở Hội Trí-tri Hà-nội ngày thứ năm 27 tháng 9 năm 1923.

Sự nghênh-tiếp quan Toàn-quyền Merlin



Cliché S. Photographique

Các quan đại-thần ở Huế đứng đón quan
Toàn-quyền ở thềm dinh Khâm-sứ

* *

Ta thường nghe nói: « Người này khéo nói, nhỉ ! » Trong tiếng « khéo nói » ấy, có ý khen mà cũng có ý chê. Khen là khen cái tài nói được khéo, — vì nói khéo cũng là một cái tài riêng, — nhưng chê là có ý ngờ người nói khéo thường không phải là người tốt. Sao lại có bụng ngờ như thế ? Thánh-nhân đã dạy: « *Xảo ngôn lệnh sắc tiền hĩ nhân*, 巧言令色鮮矣仁. Nói khéo, làm dáng, là người ít lòng nhân. » Cỗ-nhân ta không truông người hay nói, lấy sự thật-thà ít nói làm hay, cho người trang-sức lời nói cũng như người trang-sức nét mặt là người không thành-thực, tựa-hồ như có ý muốn lừa kẻ khác. Các cụ sống ở đời trọng đạo-dức, cho những sự phù-hoa là không nên cả. Nói khéo cũng là một sự phù-hoa, mà trong sự phù-hoa ấy các cụ lại ngờ có một cái ý bất-thiện. Nói là để tỏ cái bụng của mình, thời bụng mình thế nào tự-nhiên lộ ra lời nói như thế, hà-tất phải sửa-sang lời nói cho nó hay nó đẹp thêm lên, mà hà-tất phải nói nhiều cho quá cái bụng của mình ?

Bởi thế nên các cụ không những không ưa người hay nói, mà lại có ý sợ, là sợ dùng lời nói khéo mà hoặc lòng người ta, làm cho lẫn-loạn cái trật-tự trong xã-hội. Kinh *Dịch* nói: « *Loạn chi sở sinh dã, ngôn-ngữ dĩ vi giai*, 亂之所生也 言語以爲階. Loạn mà sinh ra là lấy lời nói làm bậc thang. »

Tra trong kinh sách cũ, thiếu gì những lời răn sự hay nói. Như kinh *Dịch* lại có câu nói rằng: « *Cát-nhân chi từ quả, nhược hàm kiếm nhận bất cảm động dã*, 吉人之辭寡若含劍刃不敢動也. Người hay thì ít nói, như ngậm lưỡi gươm, không dám động vậy. » — Sách *Hoài-nam-tử* nói rằng: « *Nhân hữu đa ngôn giả, bách thiệt chi*

thanh, 人有多言者百舌之聲. Người mà nói lắm, không khác gì con yêng. » — Chính đức Khổng-tử cũng đã nói rằng: « *Dư dục vô ngôn... Thiên hà ngôn tai?* 予欲無言... 天何言哉. Ta muốn không nói... Trời kia có nói đâu? » Sách chép rằng ngài đi chơi ở đất Chu, vào xem miếu Hậu-Tắc. Ở phía trước thềm bên hữu miếu có người vàng buộc miệng ba lần mà khắc chữ ở sau lưng rằng: « Đây là người đời xưa cần-thận lời nói vậy. Nên lấy đấy làm răn. Chớ đa-ngôn, chớ đa-sự ; đa-ngôn đa-bại, đa-sự đa-hoạn : muốn cho được yên vui thì phải biết răn mình đừng làm điều hối. Chớ nói rằng chẳng hề gì, cái họa nó sắp đến đấy ; chớ nói rằng chẳng hại gì, cái họa nó tày đình đấy ; chớ nói rằng không ai nghe thấy, thần-minh thường dò người ta đấy. Bùng-bùng lửa cháy, hăng-hái biết bao ! Cuồn-cuộn không tắt, cũng đến chảy ra sông ra ngòi ; dằng-dặc chẳng dứt, có khi thành cái giàm cái lưới. Tư-bảo không giữ, búa rìu đến nơi. »

Nghe lời răn ấy mà những người hay sinh nói, những kẻ mắc phải cái « dịch dít-cua » như trong các báo ta thường nói, tưởng cũng rùng mình sờn tóc, hình như sấm-sét sắp tới nơi. Xem như thế thì biết cỗ-nhân coi sự hay nói như một cái tai-vạ và úy-kỵ biết dường nào.

Đó là lời răn của những bậc cò-thánh-hiền ; xét đến cách nói thường trong dân-gian ta, cũng thấy có cái ý kiêng-kỵ sự hay nói như thế. Gần đây, tôi sưu-tập những tục-thoại ca-dao để làm tài-liệu cho bộ « *Việt-Âm Tự-diễn* », xét một mục « *Ngôn-ngữ* » thấy toàn những câu răn kẻ hay nói cả, như : *Nói viễn nói vông* ; — *Nói hươu nói vượn* ; — *Nói khôn nói ngoan* ; — *Nói thánh nói tướng* ; — *Nói tràn cung*

máy; — Nói dối như cuội; — Nói cho trót bài; — Nói những dãi-bôi; — Nói mất nước thối cổ; — Nói một tắc đến trời; — Nói mới chẳng bèn đến mếp; — Nói rần trong lỗ bỏ ra; — Nói thời hay vỗ tay thời lỗi; — Nói với sư thì từ-bi hi-xả, ra đến chợ thì vơ năm gấp mười. — Nói tóm lại là: Nói hay chẳng tầy làm được, và: Nói dở nói hay cũng phải lay dầu lười trước.

Cứ bình-tĩnh mà xét, nói nhiều không phải là một sự hay, và các cụ sợ kể hay nói cũng là phải thật. *Lười không xương nhiều đường lắt-léo*, thật có thể. Dầu không lắt-léo mà lừa người, nhưng nói nhiều tất quá thực, mà « *ngôn quá kỳ thực bất khả đại-dụng* » (言過其實不可大用). Các cụ rần sự nói nhiều cũng là phải.

Nhưng mà cái gì cũng không nên quá. Giữ-gìn lời ăn tiếng nói là phải lắm, nhưng cần-thận quá đến coi sự biện-luận như một cái yêu-thuật, cho rằng « *đại biện nhược nột* 大辯若訥, biện-luận giỏi không hơn gì nói ấp-ung », thì cũng quá thật. Vẫn biết rằng người quân-tử muốn nói vụng mà làm giỏi (君子欲訥於言而敏於行), nhưng mà vừa làm giỏi mà vừa nói khéo cũng không hại gì, hai bên không tất-nhiên là phản-trái nhau. Tiền-nhân ta giữ kỹ câu « *thận-ngôn* » quá, đến đem sự ngôn-ngữ phản-dối với sự hành-vi, tưởng là một điều làm to. Các cụ không biết trọng khoa ngôn-ngữ, nên khoa ngôn-ngữ không phát-dạt được. Ở nước ta cũng như ở nước Tàu, người hiền-triết có, kẻ văn-hào có, mà tay hùng-biện thật ít lắm. Mạnh-tử, Trang-tử chắc là có tài khẩu-biện, nhưng không có môn-đồ nhiều, không lập thành một phái biện-thuyết như ở Hi-lạp, La-mã đời xưa. Về đời Xuân-thu Chiến-quốc, có những tay du-thuyết, thuyết-

khách, nhưng chẳng qua là những kẻ quyền-mưu đem cái tài biện-luận mà vận-động việc chính-trị cho các vua chư-hầu. Còn thì tra trong sử-sách thỉnh-thoảng mới thấy nói, thấy khen đến một người có tài hùng-biện. Tỉ như về đời Hán có Bùi Ngỗi 裴龜 có tiếng là « *ngôn-dàm chi lâm-lâm* 言談之林藪 », Phan Kinh 潘京 được khen là « *nhất đại chi dàm-tôn* 一代之談宗 »; về đời Nam-Tề có Trương Tự 張緒 sách khen là « *khéo nói một cách rất phong-lưu, người nghe đến quên cả đói, quên cả mệt, ngồi lắng-lặng mà nghe như ở giữa nơi tôn-miếu vậy* »; đời Hậu-Ngụy có Thôi Hiếu-Phân 崔孝芬 là « *người kiến-thức rộng, khẩu-biện tài, nói chuyện khéo, hay yêu-mến kẻ hậu-tiến, thường suốt ngày vui-vẻ mà bàn-bạc so-sánh việc cổ-kim, lại pha thêm những giọng trào-hước, khiến cho người nghe quên cả mệt* »; Trương Cửu-Linh 張九齡 nhà Đường thời « *thường cùng với tân-khách nghị luận về nghĩa kinh, nói cuồn-cuộn không dứt, mà trôi-chảy như quả lăn chạy trên con đường dốc vậy, ai cũng phục là tay tuấn-biện* »; v. v. — Nhưng mà những bậc « *năng ngôn chi lưu* 能言之流 » ấy, trong sử-sách chép ít lắm, dầu có khen mà thường phê cho chữ *thanh-dàm* 清談, nghĩa là nói chuyện suông, tựa-hồ như không bổ-ích gì cho đời. Người đời vẫn không biết trọng cái tài của kẻ năng-ngôn, và hình như vẫn nơm-nớp sợ những lời răn của các bậc cổ-thánh-hiền như trên kia đã thuật. Đời Tấn có Tôn Sở 孫楚 tức về cái chuyện người vàng buộc miệng ba lần của Đức Khổng-tử, có làm một bài *minh* phản-dối lại, đại-khải nói rằng: « *Thái-miếu nhà Tấn có người bằng đá, miệng há to ra mà ở bụng thời khắc chữ rằng: Đây là người đời xưa hay nói vậy.* »

Nói cũng nhiều, làm cũng nhiều, vì nói ít làm ít thì kẻ hậu-sinh biết theo vào đâu? Ở đời chỉ có lập-ngôn là danh-tiếng mới được bền. Việc gì mà lại đứng lì-lì ra đấy, sống mà phải cầm phải buộc miệng? Kẻ phàm-phu tham của, người chí-sĩ tham tiếng. Ai cũng phải biết quý lấy cái tiếng trong-sạch ở đời. Vả đời xưa vua Nghiêu vua Thuấn đều đề cho thiên-hạ tự-do nói cả, sau rồi lễ-giáo suy-vi, nhà vua mới cấm người ta không được nghịch ý mình, nói trái thời phải giết phải tội, nên bịa đặt ra truyện người vàng ở miếu nhà Chu để răn người, người quân-tử phải biết mà chữa lại».

Ấy cũng có lẽ bởi cái chính-sách quân-chủ áp-chế mà ngăn-trở đường ngôn-luận của người ta. Người ta có cái lưỡi để mà nói mà cổ ngăn-cầm, đến buộc miệng ba lần cho không nói được, tuy gọi là thận-ngôn, chớ thực là cấm-ngôn, áp-chế đến thế, thật cũng quá vậy.

Dù thế nào mặc lòng, nước Tàu đã ít tay hùng-biện, nước ta lại hiếm kẻ năng-ngôn hơn nữa. Khoa ngôn-ngữ của người mình thật là sút kém người ta nhiều lắm. Gần đây, tuy các báo - trương có cảnh-cáo về cái dịch « đit-cua » như tôi vừa nói trên kia, nhưng mà bệnh ấy chẳng qua cũng là tự ở ngoài truyền-nhiễm vào, và cũng chỉ có một hạng người « dở hơi » mắc phải, làm cái mây lưu-thanh cho thiên-hạ cười mà thôi, chứ cũng may chưa phải là cái thông-bệnh của quốc-dân. Thông-tính của người mình lại là tính ít lời ít điều. Người trí-thức thời theo cái chủ-nghĩa « thận-ngôn » của cổ-nhân, giữ-gìn lời nói quá. Vả ngôn-luận phải có tự-do mới phấn-phát; nước ta ở dưới quyền quân-chủ chuyên-chế trong mấy mươi đời, quyền ngôn-luận hầu như không có, mở miệng ra nói phi tán-tụng nhà vua

thời nịnh-hót Triều-đình, muốn nói một lời khảng-khái, phải ngó trước dòm sau, lăm-lét như người sợ-hãi, thời ngôn-luận còn có hứng-thú gì! Hoặckh khi giảm ba anh em đồng-chí họp mặt nhau mà nghị-luận về thời-thế, thời phi nói xa nói xói, nói bóng nói gió, tất nói chua nói cay, nói than nói thở, không nói mát thời nói cay, bao giờ cũng có giọng ngậm-ngùi uất-ức, câu truyện không mấy khi được thư-sướng. Các cụ chí-sĩ ta ngày xưa họp mặt nhau, thường thỏ ra những lời than-thở như Chu Khải nhà Tấn: « *Phong-cảnh y-nhiên, cử-mục đồ sơn-hà chi dị* 風景依然舉目觀山河之異, Phong-cảnh vẫn thế mà mở mắt trông thấy núi sông khác hẳn », khiến người ngồi nghe trông nhau mà rỏ nước mắt. Khi vui chơi nói chuyện thường thời nhấp chén rượu nhạt, chén chè thơm, phi-pháo giảm ba điều thuốc thở nghe, cách mấy phút mới thùng-thắng nói một câu mát-mẻ hay xa-xôi, kẻ cũng thú thật, nhưng phải cái thừa lời quá. Lúc nào thật vui-vẻ thích-chí thời lấy giọng cười ha-hả diêm cho câu chuyện lơ-thơ, thế là rất mực khoái-lạc. Cái cười của các cụ thật là một cái cười đặc-biệt, tưởng không nước nào có. Giọng cười ấy cũng như tiếng trống hát ả-đào, cười lấp cả câu chuyện cũng như trống lấp cả giọng hát, xa nghe chỉ thấy một mớ om-xòm. Ấy là nói bậc thượng-lưu trí-thức. Còn bậc trung-lưu thì trình-độ thấp-kém quá, ngoài câu chuyện về nghề-nghiệp làm ăn, không có gì gọi là ngôn-luận; đối với người trên thì khúm-núm quá thành như dè-tiền, gãi đầu gãi tai, vàng vắn dạ dạ, như đại như ngáy; đối với kẻ dưới thời kiêu-căng hống-hách, cả miệng to tiếng, dọa hăm dọa hiu. Một cái

xã-hội trên dưới chỉ muốn khuynh-loát lẫn nhau thời nghề nói chuyện quyết không thịnh-hành được. Còn kẻ hạ-lưu thời bần-tiện quá, những mưu đường sinh-kế còn chưa rồi, vả lại nôm-na mách-quẻ, còn biết cái thú đàm-luận là cái chi.

Gần đây, phong - hội mở - mang, những người thức-giả trong nước đã biết họp-tập nhau lại, nay mở hội này, mai lập hội kia, những khi công-đồng, khi yến-tiệc, cần phải lấy câu chuyện làm đầu, nhưng xét ra cách nói chuyện vẫn còn vụng-lắm. Khi hội-đồng thì một người nói, hai người nói, ba bốn người nói, người này đương nói người kia đâm pha vào, người nọ chưa nói dứt người này đã nói ngang, như nói lấy được, như cướp lấy lời, mà rút-cục chẳng chuyệ gì bèn được dứt-khoát cả; không khác gì họp việc làng ở nhà quê vậy. Khi yến-tiệc thời ở chỗ quyền-quí trên dưới cách-biệt, câu chuyện không thông, có ý ngượng-ngập; cùng một bàn một tiệc mà còn có người ban chuyện cho, còn có người được chịu chuyện, thời chuyện ấy chẳng qua là những lời thù-tạc vô-vị, những câu siểm - mị dè - hèn, không còn thú gì. Đến chỗ bằng vai phải lứa với nhau thời lại ra một cách khác, mà cách này chót-nhất khó kham; đàm-tiệc mà nhiều khi như đàm chợ, ồn-ào láo-nhào, kẻ mời rượu, người nói bỡn, đương câu chuyện pha mấy tiếng nói bần vào thời cử-tọa cười đến vỡ đố nhà...

Các cụ ta ngày xưa theo cổ-học không trọng khoa ngôn-ngữ, nên vụng cách nói chuyện đã đành; bọn ta ngày nay đã nhiễm Âu-phong nhiều, mà tục Á-châu lại rất trọng cách nói chuyện, vậy mà ta không tìm bắt-chước cách lịch-sự của người ta thì chẳng đáng tiếc lắm dư?

Mục-dịch bài diễn-thuyết này là

muốn xét xem cách nói chuyện ở các nước văn-minh xưa nay thế nào, và sự nói chuyện có quan-hệ đến phong-tục, đến xã-hội, đến tư-tưởng, đến văn-chương thế nào.

Đây là nói về cách nói chuyện, không nói về cách diễn-thuyết, hai đáng khác nhau hẳn. Diễn - thuyết là đem một cái vấn-đề gì mà diễn-giải trần-thuyết cho rõ-ràng tường-tận, để cho nhiều người nghe. Nói chuyện là trong một đám hoặc ít hoặc nhiều người họp nhau lại mà trao-đổi ý-kiến về các việc cổ-kim, các chuyện nghĩa-lý, để mua vui với nhau hay là để bỗ - ích lẫn nhau. Cách nói chuyện cũng không giống cách tranh-biện, cách thảo-luận. Tranh-biện, thảo-luận là hai bên cãi nhau cho vỡ lẽ. Nói chuyện không phải là cãi nhau. Nói chuyện là một cách mua vui của người lịch - sự, không phải là cuộc tranh hơn kém gì. Cho nên cách nói chuyện không những quan-hệ đến câu chuyện, mà lại quan-hệ đến người nói chuyện nữa. Cách nói chuyện là cái gương phản-chiếu của xã-hội. Muốn biết cái trình-độ văn-dã của một xã-hội, nhiều khi cứ xét cách nói chuyện của người ta là đủ biết.

Sách tây nói rằng ; « Tạo-vật chỉ cho người ta có cái tiếng nói và cái lời nói mà thôi, còn cách nói chuyện là kết-quả của sự văn-minh ». Nghĩa là không phải cứ biết nói mà biết nói chuyện đâu. Người ta biết nói đã mấy nghìn vạn năm, mà biết nói chuyện mới từ khi có xã-hội văn-minh đến giờ. Ngay ngày nay, ở những chốn quê - mùa mộc - mạc, người ta lam-lũ làm ăn, thường cũng không biết cái thú nói chuyện là gì, ngoài việc nhật - dụng-thường - đàm, như không biết dùng đến lời nói nữa. Ta thường nhận người nhà quê ít nói lắm. Những khi việc làng việc chợ,

chỉ có giảm mười kẻ lý-dịch hào-mục, cả miệng to tiếng, đánh chén vào thời lẽ-nhè be-bét, ngồi mà cãi-vã nhau, « cà-khĩa » lẫn nhau, không phải là cách nói chuyện. Không những ở nước ta, tưởng dân quê ở các nước cũng vậy. Vì cách nói chuyện chính là một cách phong-lưu, chỉ ở những hạng người nhân-hạ lọc-lỏi mới có thể thịnh-hành được. Cái thú nói chuyện không phải là cái thú của kẻ bình-dân, chính là cái thú của người lịch-sự. Câu chuyện là cái tinh-túy của người ta, cái hoa thơm của xã-hội, muốn cho gây được phải công-phu lâu lắm mới thành, cho nên chỉ thấy ở những xã-hội rất văn-minh mới nảy-nở ra một cách rực-rỡ. Như ở nước Pháp về thế-kỷ thứ 17, 18 là hồi văn-minh toàn-thịnh, bấy giờ cách nói chuyện cũng rất mực thịnh-hành, thành một cái thú phong-lưu của bậc thượng-lưu xã-hội, tưởng cổ kim không ở đâu, không bao giờ người ta biết dùng lời nói câu chuyện để mua vui với nhau một cách hào-hoa phong-nhã như thế. Đời bấy giờ có mấy nhà qui-tộc, mấy bậc phu-nhân danh-giá trong xã-hội, mở phòng tiếp-khách gọi là « sa-lông » (*salons*), tức như chữ nho gọi là « đàm-thoại-hội », để họp những kẻ danh-nhân tài-sắc một thời mà nghị-luận về nghĩa-lý văn-chương. Về thế-kỷ thứ 17 có những « sa-lông » của M^{lle} SCUDÉRY, của M^{me} de LA FAYETTE, của M^{me} de CORNUEL, của LA COMTESSE de MONT-PENSIER, của M^{me} de BRANCAS, của M^{me} de LONGUEVILLE, của M^{me} LA DUCHESSE de RICHELIEU, nhưng nổi tiếng nhất là « sa-lông » của bà RAMBOUILLET. Bà này là người tài-hoa và có nhan-sắc, lại khéo giao-thiệp, nổi danh một thời là bà chúa trong làng phong-nhã. Có thể nói bao nhiêu danh-sĩ đời bấy giờ, — mà nước Pháp về thế-kỷ thứ 17 thì thiếu gì là

danh-sĩ, — đều « xuất-thân » ở « sa-lông » của bà cả. Một người đàn-bà mà làm thế nào có được cái thế-lực lạ-lùng như vậy ? Sách chép rằng bà vốn tính thông-minh, mà lại có tài khôn-ngoaan khéo-léo vô-cùng. Lệ thường các văn-sĩ hay đổ-ky nhau ; hàng thịt ngúyt hàng cá là lẽ thường, mà thói ấy lại rất thịnh-hành trong làng văn. Bà giao-thiệp khéo đến nỗi các ông văn-sĩ đến họp ở nhà bà bỏ hết cả lòng ghen-ghét riêng và xử với nhau một cách rất hòa-thuận. Vả đời bấy giờ đương là đời quân-chủ chuyên-chế, quyền ngôn-luận chưa được tự-do. Chính-phủ thấy những kẻ danh-sĩ họp nhau cả một chỗ như thế cũng có ý ngờ. Tể-tướng RICHELIEU có sai người bảo riêng bà rằng nêi, xét trong những người đến họp ở nhà bà có người nào bình-phẩm về việc nước hay nói xấu đến tể-tướng thì mách cho tể-tướng biết. Bà trả lời rằng : « Những người đến nhà tôi đều có lòng kính-trọng tể-tướng cả, tôi không có điều gì mà mách tể-tướng. Vả tôi là đàn-bà, thật không sành nghề trinh-thám, xin đừng cử tôi việc ấy. » — Ấy bà khẳng-khải như thế và có bụng bênh-vực cho bè-bạn như thế, nên « sa-lông » của bà nhiều người đến họp lắm, ai cũng được ung-dung đặc-ý cả, ai cũng có bụng cảm-phục bà cả. Bao nhiêu những bậc tài-tuấn ở Paris đời bấy giờ đều đến họp chuyện ở đấy, xã-hội nước Pháp biết cái thú nói chuyện từ đấy. Kẻ văn-nhân thi-nhân thời đến để đọc thơ đọc văn, chắc có người sành biết thưởng-thức văn-chương của mình. Trong dinh Rambouillet có một cái buồng yên của bà, gọi là « phòng thiên-thanh » (*la chambre bleue*), là chỗ bà thường ngồi để nghe văn của các bậc danh-sĩ đời bấy giờ. Ông CORNEILLE đọc bài tuồng *Polyeucte* ở đây ; ông BOSSUET cũng bắt đầu diễn-thuyết ở đấy. Ngoài hạng

văn-sĩ, còn có những kẻ phong-nhã hào-hoa, gọi là hạng « giao-tế trung nhân » (*hommes du monde*), bọn này nghe văn-chương của bọn kia cũng nhiệm được ít mầu văn-học, mà bọn kia giao-thiệp với bọn này lại chuốc được cái vẻ hào-hoa. Hai bên trao đổi lẫn nhau, có vay có trả, khiến cho phần hình-thức với phần tinh-thần, sự học-vấn với sự sinh-hoạt dung-hòa hóa - hợp lẫn nhau, làm cho cái văn-minh của thế-kỷ thứ 17

Pháp được rất mực hoàn-toàn.

xã-hội khác thời sự học-vấn với sự sinh-hoạt hình như cách-biệt nhau, kẻ học-giả lập ra một đảng riêng, như nhà nho ở nước mình, có ý tự-cao, không thêm giao-thiệp với các hạng người khác, thành ra sự học không có căn - cứ ở sự thực, chỉ chuông những điều huyền-lý viển-vông hay những câu sách cổ vụn-vặt. Sự học đã cách-biệt với sự thực như thế thời kẻ học-giả ít có ảnh-hưởng đến xã-hội, phong-tục, và chính cái công học-vấn cũng khuyết mất một phần to. Ở nước Pháp về thế-kỷ thứ 17 thời không thế : nhờ có những « sa-lông », là chỗ giao-tế, chỗ đàm-thoại chung của những người lịch-sự, kẻ tài-tuấn, khách phong-lưu, mà phẩm nhà văn-học đều có tư-cách giao-thiệp, nhà giao-thiệp cũng có tư-cách văn-học cả. Điều đó rất có quan-hệ cho sự văn-minh tiến-hóa chung, và văn-minh nước Pháp sở dĩ có cái đặc-sắc phong-thú hơn văn-minh các nước khác, chính là bởi sự học-vấn với sự giao-tế không có dôi nhau mà thường hỗ-trương - ảnh - hưởng vậy. Nay bởi dân mà được cái kết-quả tốt đẹp như thế ? Chính là bởi những hội giao - tế, hội đàm - thoại gọi là các « sa-lông » đó, thứ nhất là bởi cái thế-lực người dân-bà trong các hội ấy. Các ngài đã nhận rằng bao nhiêu những « sa-lông » có tiếng đều là đứng

tên những bậc phu-nhân danh-giá cả. Những bậc ấy là tay điều-hòa trong xã-hội, tay then máy của văn-minh. Văn-minh Đông - phương với văn-minh Tây-phương khác nhau chính là ở đó, và hơn kém nhau có lẽ cũng ở đó. Người Đông-phương khinh-rẻ người dân-bà quá, coi như một giống thấp hèn, không đáng được dự vào việc giao-tế trong xã-hội. Nhân-loại có một nửa dân ông, một nửa dân bà, mà một nửa dân-bà không được dự phần vào việc xã-hội thời dẫu văn-minh đến thế nào cũng vẫn còn khuyết-điểm. Ở Tây-phương, và nhất là nước Pháp, thời không thế ; ngay từ đời Trung-cổ, cái phong trọng dân bà đã thịnh lắm : nhà võ-sĩ trước khi đi trận phải thề trước bàn thờ rằng : « Xin thờ Trời, giúp vua và yêu-quí phu-nhân. » Sách Tây chép rằng người võ-sĩ vì thương yêu một người dân-bà mà qui-trọng hết cả dân-bà. Đến thế-kỷ thứ 17, 18 thì người dân-bà thật là bà chúa trong xã-hội. Bởi thế nên bao nhiêu « sa-lông » là các bà đứng chủ-trương cả. Hợp những người tài-tuấn trong nước, lấy một vị phu - nhân phong-nhã mà giám-đốc, khiến cho đua nhau mà trở tài ra trong những khi chuyện-trò đàm-luận, ấy cái tôn-chỉ của các sa-lông nước Pháp đời xưa là thế. Mà cách nói chuyện ở các sa-lông ấy có cái phong-thú đặc-biệt, có cái ảnh-hưởng sâu-xa như thế, cũng là nhờ có dân-bà. Cái cảm-tình tự-nhiên của hai giống với nhau khiến cho câu chuyện thêm vui, thêm thú, thêm đậm-dà, phong-phú hơn. Dân ông dân bà nói chuyện với nhau phải rườm-rà câu chuyện, rậm-rạp lời nói, nói Đông nói Tây, nói xa nói gần, nói làm sao cho nhau hiểu những tình-ý mà không thể nói thẳng ra được. Phép trời đất như thế, hai giống gặp nhau không thể không có cái khuynh-hướng tự-nhiên với nhau ; cái khuynh-hướng ấy không

thể lộ ra được, phải dùng lời nói văn-vẻ, bóng-bẩy thế nào cho không nói đến mà hiểu được nhau. Vậy nói chuyện gì cũng có thể ngụ ý-tử, mà gặp dịp gì cũng có thể thành câu chuyện được. Phong-tục càng tiết-dộ, càng nghiêm-nhật bao nhiêu thời đàn ông đàn bà lại càng phải có dịp nói chuyện nhiều để tỏ tình-ý cho nhau. Sự phóng-túng hay sỗ-sàng, cách câu-trệ ít phải nói. Đàn bà ngồi riêng với nhau chắc cũng có nói chuyện, nhưng phi đồng-dài vô-vị thời bâng-bồ lẫn nhau, đem những chuyện của chuyện nhà, chuyện chồng chuyện con, chuyện ăn-mặc, chuyện của-cải mà bình-phẩm lẫn nhau. Đàn ông ngồi riêng với nhau cũng không phải là không có chuyện; nhưng người Đức thường nói chuyện triết-lý, người Anh thường nói chuyện chính-trị, mà câu chuyện lại phải điềm điếu thuốc chén rượu cho nó vui. Dạy có ở nước Pháp là cách nói chuyện chung cả đàn ông đàn bà, nhờ có đàn bà mà câu chuyện như vừa bị kích-thích mà lại vừa bị điều-độ, không đến nỗi nhột-nhèo mà không đến nỗi nồng-nàn, không phải kiềm-chế mà cũng không đến phóng-túng; cách nói chuyện như thế mới thật là hoàn-toàn, vì gồm được cả hai phần người trong xã-hội, hai bên chế-hóa lẫn nhau. Các hội đàm-thoại ở nước Pháp về thế-kỷ thứ 17, và thứ nhất là sa-lông của bà RAMBOUILLET, thật đã có công gây ra lối nói chuyện có phong-thể và có nhã-thú như thế. Cách nói chuyện ấy ảnh-hưởng rất sâu-xa: ảnh-hưởng về đường tri-thức, là vừa mở-mang, vừa tô-điểm cho tri-tuệ người ta; ảnh-hưởng về đường phong-tục, là gây ra những thói hảo-hoa phong-nhã trong xã-hội. Người nào được đến họp chuyện ở nhà hầu-tước RAMBOUILLET là tựa-hồ như được cái văn-bằng chứng-nhận là người tài-hoa phong-vận. Đàn ông thời gọi là *bel*

esprit, nghĩa là người nho-nhã phong-lưu. đàn-bà thời gọi là *précieuse*, nghĩa là người đài-các cao qui. Tuy về sau những cách phong-nhã ấy có lưu-tệ ra mà thành những thói cầu-kỳ dõm, ông MOLIERE đã phải làm một bài tuồng *Les Précieuses ridicules* để diễu bợn các bà làm bộ cao-kỳ, đài-các dõm, phong-lưu hảo, nhưng hồi bà RAMBOUILLET mới lập ra hội đàm-thoại đó thời cái ảnh-hưởng đối với xã-hội tốt lắm. Bao nhiêu những thói cục-mịch thô-bỉ dời trước mất dần đi hết; người ta có cái vẻ lịch-sự hơn xưa. Rồi sau lưu-tệ là tại người khác, không phải lỗi tại bà vậy.

Nhưng cái ảnh-hưởng của hội đàm-thoại của bà RAMBOUILLET về đường văn-chương ngôn-ngữ mới lại sâu-xa hơn nhiều. Văn-chương nước Pháp mới thành-lập tự thế-kỷ thứ 16 trước; những tiếng nôm-na mách-quẻ, những câu tục-lũu thô-bỉ còn đầy rẫy trong sách vở các nhà văn-sĩ đời bấy giờ. Sách của RABELAIS nhiều đoạn tục-tân và bần-thiểu quá, vì dùng nhiều những cách nói sỗ-sàng trong dân-gian. Là bởi đời bấy giờ chưa có sa-lông, chưa có những hội đàm-thoại họp những người đàn ông đàn bà lịch-sự để nói chuyện với nhau, đua nhau mà chải-chuốt lời nói cho có văn-vẻ ý-nghị. Không những ở nước Pháp, thường nhận các nước khác cũng vậy: phạm nước nào đàn ông đàn bà cách-biệt nhau quá, không cho người đàn-bà có địa-vị xứng-dáng trong cuộc xã-giao, thời văn-chương ngôn-ngữ không khỏi có cái vẻ tục-tân suồng-sã như thế. Văn La-mã là văn cổ-diễn của Âu-châu, hay biết thế nào, vậy mà không kiêng kỵ gì những cách nói tục, khiến ông BOILEAU đã có câu thơ rằng:

Le latin dans les mots brave l'honnêteté,
nghĩa là văn la-tinh dùng chữ không nề gì sự ố-t-na của người ta. — Người

La-mã khi làm văn, khi nói chuyện, không « nề sự nết-na của người ta », vì trong xã-hội La-mã đàn-bà không được ra giao-thiệp với đàn-ông, nên đàn ông không cần phải kiêng-ky gì; các bậc khuê-các thời ở trong cung-cấm, ít khi ra tiếp chuyện với đàn-ông, chỉ có những bọn kỹ-nữ mới tiếp khách, mà bọn này lại là một hạng người riêng, có nết-na tu-sĩ gì mà khiến người ta phải nề-nang kiêng-ky. Ở Thổ-nhĩ-kỳ, ở Ấn-độ, đàn-ông đàn-bà cách-biệt nhau nghiêm lắm, phàm đàn-ông họp nhau nói chuyện, thời câu chuyện thật là sỗ-săng câu-trẻ vô-cùng. Không phải nói đâu xa, xét ngay ở nước ta: tuy đàn ông đàn-bà không có cách nhau xa lắm như ở Thổ-nhĩ-kỳ hay ở Ấn-độ, nhưng các bà khuê-các không có thói quen ra giao-thiệp trong xã-hội, nên chỗ nào có giám bà ông họp nhau nói chuyện, thời ít khi không nói những chuyện chim-chuột trai gái, có nhiều câu tưởng người nết-na bất-nhẫn dễ tai nghe. Trong những đám họp chuyện ấy, vì có một bậc khuê-tú ngồi đấy, thời có phải các ông cũng phải giữ - gìn lời nói, nghiêm-chỉnh nết mặt, và nếu bậc khuê-tú ấy lại là một người phong-nhã tài-tinh thời các ông lại chẳng trở hết tài ngôn-luận để cho được một tiếng khen, một cái mỉm cười hay sao?...

Nước Pháp đến thế-kỷ thứ 17 mới có những hội đàm-thoại họp cả đàn ông đàn-bà như thế. Những hội này có công với văn-chương nước Pháp lắm, sau này trở nên toàn-thịnh toàn-mĩ, cũng là nhờ ở công gầy nhiều. Công ấy là công chắt-lọc tiếng nói trong nước, bỏ bớt những tiếng cặn-bã thô-tục, giữ lấy những tiếng tao-nhã tinh-túy, khiến cho lời nói chuyện, câu văn-chương có cái vẻ thanh vẻ lịch hơn trước. Về đầu thế-kỷ thứ 17, ông

MALHERBE đã luyện cho câu văn pháp có nghị-lực, có phong-thê; cách nói chuyện ở các sa-lông như sa-lông *Rambouillet*, sa-lông *Sendery*, lại luyện cho câu văn Pháp được sắc-xảo, được tinh-tế, được ưu-mĩ, được diễm-lệ hơn, khiến cho cách dấy vài ba chục năm văn-chương nước Pháp thành ra một lối văn-chương tốt đẹp nhất trong thế-giới.

Ấy cách nói chuyện quan-hệ cho văn-chương như thế, vì câu chuyện nói khéo tức là văn-chương rồi. LA BRUYÈRE là một tay văn-sĩ có tiếng ở nước Pháp về thế-kỷ thứ 17 đã có câu nói rằng: « *La conversation de bon ton, c'est la littérature parlée* », nghĩa là: cách nói chuyện lịch-sự, tức là văn-chương ở lời nói.

Các hội đàm-thoại về thế-kỷ thứ 17 có ảnh-hưởng về xã-hội, về phong-tục, về ngôn-ngữ, về văn-chương như thế. Các sa-lông về thế-kỷ thứ 18 thời lại ảnh-hưởng về tư-tưởng và chính-trị nhiều. Cũng vẫn những bậc phu-nhân danh-giá đứng chủ-trương, như MADAME DE TENCIN, MADAME DE GOEFFRIN, MADAME DU DEFFAND, MADAME DE LESPINASSE, MADAME NECKER, v. v., nhưng các sa-lông đời trước phần nhiều là những tay văn-nhân tài-tử, đời này lại là những nhà chính-trị triết-học họp nhau mà nghị-luận về việc nước việc đời một cách rất tự-do. Những nhà đại-văn-hào về thế-kỷ thứ 18, như DIDEROT, VOLTAIRE, MONTESQUIEU, ROUSSEAU, đều có đi lại các sa-lông cả, đem tài hùng-biện, tư-tưởng cao, mà cảm-hóa những bậc thượng-lưu đương-thời. Gây ra cái phong-trào đại-cách-mệnh năm 1789, là công của đảng triết-học (*les philosophes*), mà cũng là công của các sa-lông về thế-kỷ thứ 18. Các sa-lông ấy có cái tinh-cách những « hội chính-hữu » (*clubs politiques*) hơn là

những hội văn-hữu như về thế-kỷ trước.

Đến thế-kỷ thứ 19, cái phong-trào lập sa-lông đã thấy kém mạnh đi nhiều. Về tiền-diệp, trung-diệp, còn có mấy cái sa-lông nổi danh, như sa-lông của MME DE STAEL, MME RÉCAMIER, v. v. ; đến mặt-diệp thì không có cái nào có tiếng nữa, và mỗi ngày một suy dần đi. Có sao đương thịnh lại suy như thế? Xét ra thì các sa-lông bắt đầu suy từ khi các báo-quán mới lập lên. Người ta đã có thể nghị-luận trong các báo thì không cần họp nhau đề chuyện-trò nữa. Đó là một lẽ. Còn một lẽ nữa, là phạm các chế-độ, sự kiến-thiết gì của người ta, đã qua một hồi toàn-thịnh, tất phải đến buổi suy-vi, cũng như giống sinh-vật có sinh có lớn, rồi có ngày già-cỗi. Các sa-lông lập ra là giữa lúc văn-chương ngôn-ngữ hãy còn chưa định-thể, xã-hội phong-tục hãy còn sót những thói sỗ-sàng của đời trước; lại là giữa lúc quân - chủ chuyên - chế, không có quyền được ngôn-luận tự-do. Nhờ có các sa-lông rèn-luyện cách nói chuyện mà tiếng nói câu văn được chải-chuốt lọc-lỗi hơn trước; nhờ có các sa-lông tập những thói hào-hoa phong-nhã mà phong-tục thành ra ưu-mĩ hơn xưa; lại nhờ có các sa-lông mà đương đời chuyên-chế, những người thức-giả, kẻ chí-sĩ có thể họp-tập nhau lại mà nghị-luận về thời-thế. Trong khi ấy thì các sa-lông rất thịnh-hành, vì đối-phó với một sự cần-dùng trong xã-hội. Nhưng đến khi văn-chương ngôn-ngữ đã tận-xảo tận-mĩ rồi, xã-hội phong-tục đã rất lịch rất lễ rồi, quyền ngôn-luận cũng đã được tự-do khai-phóng rồi, thời bấy giờ các sa-lông không cần lắm nữa. Bởi thế nên không ai lập ra nữa, và tự cuối thế-kỷ thứ 19 đến giờ, nước Pháp không có sa-lông như đời trước nữa. Người

Pháp ngày nay vẫn tiếp khách, vẫn họp chuyện, nhưng không phải như cách các sa-lông đời xưa, đâu có người hoài-cổ muốn khôi-phục lại, cũng không thể sao được nữa.

Nhưng các sa-lông tuy không còn, mà cái dư-huệ đã thấm - nhuần khắp trong xã-hội. Người Pháp ngày nay, — là nói những người về bậc thượng-lưu, — có cái thái-độ ôn-hòa, cách giao - thiệp nhã - nhặn, giọng nói-năng ôn-tồn như thế, là trong sự giáo-dục còn được hưởng cái di-phong dư-vận của các sa-lông đời trước vậy.

Ấy lịch-sử các sa-lông và cách nói chuyện ở nước Pháp như thế. Tôi thuật lại hơi tường là để các ngài biết rằng nghề nói chuyện có tập mới có hay, và người Pháp đời xưa đã dụng-công tập nghề ấy đến rất mực tinh-xảo, khiến cho không những văn-chương ngôn-ngữ, mà cả đến xã-hội phong-tục nước Pháp cũng được chịu cái ảnh-hưởng tốt mãi tới bây giờ.

Tôi nói: nghề nói chuyện; các ngài chắc lấy làm lạ: nói chuyện có lẽ cũng là một nghề hay sao? Nghề đây là mĩ-nghệ, mĩ-thuật, cũng như là nghề đàn, nghề thơ, nghề văn, nghề vẽ, hay là nghề chơi nữa, nghĩa là có tập mới biết, có tài mới hay. Nói chuyện hay, nói chuyện khéo, nói chuyện đậm-dà có duyên, nói chuyện lanh-lợi sắc-xảo, cũng là một nghề tài, mà là một nghề rất phong-nhã, thuộc về tinh-thần, không thuộc về hình-chất, một nghề khéo tập ra thời có thể tỏ-diễm cho cuộc đời được vui-vẻ, được thanh-tao, được êm-dềm, được phong-thú hơn lên.

Một cái xã-hội không biết nói chuyện thời còn gì chán bằng! Ta rất kính-trọng các cụ ta đời xưa, vì các cụ đã lấy hai chữ đạo-đức làm nền-gốc cho xã-hội, làm then-chốt cho đời người, nhưng các cụ đối với

nghe nói chuyện khi chênh-mảng quá, ta không thể không trách các cụ điều ấy. Xã-hội ta ngày xưa như một cái trường luân - lý lớn, lúc nào chỗ nào cũng chỉ thấy nét mặt nghiêm của người làm cha, kẻ làm thầy, khuyên răn điều này, ngăn-cấm điều kia, mở miệng ra nói là bắt - bẻ, ngừng mặt lên nhìn người đàn-bà cho là có tội, như vậy thời còn có dịp nào cho kẻ giai-nhân tài-tử ngồi họp mặt nhau mà đàm-thoại dễ trau-chuốt lời nói câu chuyện cho thanh-tao lịch-sự, như ở các nước văn-minh bên Thái-Tây ! Một người đàn-bà tài-tình như cô Hồ Xuân-Hương, một người đàn-bà hay chữ như bà Đoàn Thị-Điểm, há lại không làm được bà chủ sa-lông đích đáng hay sao ? Vì có một cái sa-lông của cô Hồ, một cái sa-lông của bà Đoàn, thời những ông nghệ ông cố trong nước không thể đem cái văn-chương tủ-bại nhà nho mà nạt đời được, và chỉ một câu nói mát, một cái cười nhạt của bà chủ-nhân, không phải đợi đến câu bình-phẩm chua cay nữa, cũng đủ làm cho tiệt được giống « đồ gàn » là cái tai-hại của nước ta từ xưa đến nay. Nhưng mà bởi cách giáo-dục sai lầm, bởi thói xã-hội bó-buộc, cái phong « đồ-gàn » lại thịnh lắm, làm cho những kẻ anh-tài, người khuê-tú không bao giờ chiếm được phần ưu-thắng, nhiều khi cũng không xuất-đầu lộ-diện ra được mà đem cái tài-tình cảm-hóa người trong nước, ảnh-hưởng đến phong-tục cùng văn-chương; thật đáng tiếc thay ! Nhân-tài trong nước không phải là không có, mà cái sức áp - chế của xã - hội mạnh quá, làm cho tiêu-ma đi mất cả...

Nhưng mà thôi, bình-phẩm người trước, không khỏi mang tiếng bội-bạc. Các cụ đời xưa đã khinh người biết nói, bọn ta ngày nay phải trọng kẻ năng-ngôn, là nói kẻ năng-ngôn thực,

chứ không phải giống yềng học câu nói sẵn của người ta mà đọc lại không nên thân. Muốn gây lấy kẻ năng-ngôn, thời phải tập lấy cách nói chuyện.

Cách nói chuyện quan-hệ cho ngữ-ngôn, phong-tục, xã-hội, văn-chương trong nước thế nào, trên kia đã nói rõ khi thuật về lịch-sử các sa-lông ở nước Pháp. Ta không dám tự-phụ rằng có thể bắt-chước được nước Pháp, không dám tự-phụ rằng có người mở được những sa-lông như nước Pháp. Nhưng ta cũng phải lấy qui-quốc làm gương mà cố tập lấy những thói-cách hay trong nghề nói chuyện.

O' đời này, sự ngôn - luận không những là một cái thú trong cuộc « xã-giao », lại là một sự cần trong trường tranh-cạnh. Người ta phải biết nói, mà phải nói cho khéo, lại phải nói cho có lý, mới mong giữ được quyền-lợi của mình, nếu cứ lấy câu « đại biện nhược nột » của cổ-nhân mà đem cái mặt ngây-ngô ngu-ngốc ra chỗ công-đồng, nơi hội-ng nghị, thời chỉ đủ cho chúng khinh-i hi và khuynh-loát. Đời nào cũng vậy, chẳng những gì đời này, kể ít lời ít điều là người ngu, dẫu thành-nhân nguy-biện đến thế nào cũng không cho là khôn được. Nhưng có người tự-nhiên ít lời ít điều, người ấy là thiên-bẩm ngu-dộn, không nói làm chi. Có người vì không quen nói mà thành ra ít lời ít điều, người ấy thời có thể tập mà nói được, mà hạng người ấy nước ta nhiều lắm. Vì người nước ta không hề học tiếng ta bao giờ; cho nên tiếng là tiếng của nước mình, nói từ thủa lọt lòng mẹ ra, mà ít ai nói được thông-thạo, được sành-sõi, nên câu chuyện có nghĩa-lý, có văn-chương, có phong-tình, có ý-nghị. Ngồi chỗ đám đông thử nhận những ông nào là cả miệng lớn tiếng nhất, xét kỹ câu chuyện, ít khi được nững lời có ý-tử, còn thời bá-láp cả, không

thành câu-cú gì, thật là đầu Ngô mình Sở, râu ông nọ cắm cằm bà kia, thái vô-vị ! Ấy thế mà đàm pha mấy tiếng nói bần vào thì cử-tọa cười ồ cả lên, cho là nói chuyện vui. Nói chuyện vui là nói pha trò, làm cho người ta cười. Nhưng mà nói chuyện không phải là làm hề; câu chuyện đã vô-lỗi, tiếng cười lại vô-lỗi nữa. Người lịch-sự ngồi họp mặt với nhau phải nói câu chuyện cho thanh-lịch, còn có muốn vui cười thì đã có rạp bát phường chèo đấy, chứ coi cuộc đàm-thoại như một đàm pha trò thì cũng bất-lịch-sự quá.

Thăng - hoặc cũng có người nói chuyện khéo, ta khen là nói có duyên, « nói xuê ». Nói xuê là nói nở câu chuyện, càng nói càng hay. Nói có duyên là nói đàm-dã, khiến cho người ta vui lòng khoái-trí mà nghe. Đó là một cái tài riêng, vì có người nói giỏi mà câu chuyện không nở-nang, càng nói càng tẻ-mỉ vụn-vặt, người nghe không thú ; lại có người nói khéo mà nói không có duyên, nhạt-nhẽo, nghe không vui câu chuyện. Nhưng mà những người có tài như thế cũng ít lắm, và cái tài tự-nhiên ấy không có tập-luyện thêm vào thời cũng nhiều khi sơ-suất lỗ-mỗ mà giảm giá đi nhiều. Tôi thường nhận trong dân-gian có người nói thông-hoạt lắm, thuật chuyện có đầu-đuôi, có mạch-lạc, tinh-trưởng, rành-rẻ lắm ; lại có người đàn-bà nói chuyện thật có duyên, tươi cười nói - hồ, không có toè-toét như chị cai chị quyền, mà cũng không bắc-bức như các bà đại-các. Những người ấy vì có học-thức, có giao-thiệp thời có thể cho vào bậc năng-ngộ được.

Vì người năng-ngộ không phải là người biết nói mà thôi ; lại phải là người có chuyện mà nói nữa. Một nhà làm sách kia đã nói rằng : « Nói

chuyện là một sự buôn-bán, nếu buôn mà không có vốn thì buôn làm sao được ? » (*La conversation est un commerce ; si vous y entrez sans fonds, le commerce ne peut avoir lieu* [STERNE]). Nói chuyện là bày tỏ, là trao-dôi ý-kiến với nhau về các việc cổ-kim, các điều nghĩa-lý, để mua vui, để bỏ-ích lẫn cho nhau. Vậy thời tự mình phải có ý-kiến gì mới đem ra trao-dôi cho người, được, không thời có vay mà không có trả, có nghe mà không có nói, sao cho thành cuộc đàm-thoại được ? H... vay người ta của tôi, mà trả lại bằng của xấu, nghe được những câu chuyện hay mà nói lại bằng những lời vô-vị, thời cũng không phải là cách nói chuyện chánh-dáng. Cho nên muốn nói chuyện cũng như muốn đi buôn, phải có vốn : nhiều người có tài tháo-vát mà túi vốn không thể buôn to được ; có người có tài ngôn-ngữ mà chỉ loanh-quanh trong vòng những câu ứng-đối xoàng, là vì không có cái vốn học-thức và giao-thiệp. Cho nên người nói chuyện được, ngoài cái tư-cách thông-hoạt tự-nhiên, lại phải có học-thức cho rộng, kiến-vấn cho nhiều. Có học-thức không không đủ, có kiến-vấn không cũng không đủ. Người học giỏi, có tiếng là một cái kho sách đấy, mà có khi đặt vào cuộc đàm-thoại nói chuyện rất vô-duyên, vì kẻ độc-thư-nhân hay có tính tự-đắc, nói chuyện mà hình như làm ông giáo dạy học cho người ta, thật cũng vô-lỗi. Lại người đã kinh-lịch nhiều, giang-hồ lắm, mắt thấy tai nghe thiếu gì điều hay sự lạ, có thể làm tư-liệu cho cuộc đàm-thoại, vậy mà nói chuyện rời-rạc vụn-vặt, không hứng-thú gì, là vì khó g có cái học-thức quán-xuyến, làm như cái dây buộc những sự kiến-vấn lả-tả cho thành giường, thành mối. Phải kiêm cả học-thức, cả kiến-vấn, mà lại phải có cái tài giao-thiệp nữa.

Thế nào gọi là tài giao - thiệp ? Người ta ở đời là một cuộc giao-thiệp luôn-luôn. Đã không thể sống một mình được thì phải hằng ngày đi lại, hằng ngày có chuyện với kẻ đồng-loại mình. Nhưng gọi là kẻ đồng-loại mà thật là bách nhân bách tính, không ai giống ai, có người khôn, có người dại, có kẻ độc-ác, có kẻ nhân-tử, có kẻ thông-minh, có kẻ ngu-dộn, lại có người không dại không khôn, không lành không dữ, mà dở dở ương ương, ngang như cua, gàn bát-sách, hang đó ở nước ta không phải là hiếm có. Người ta khác nhau như thế, cho nên ở đời kiếm được một người tri-kỹ khó lắm, có khi chung-thân cũng không gặp được kẻ đồng-tâm. Nếu cứ đợi được người tri-kỹ mới làm bạn thì không bao giờ có bạn. Vậy ta hằng ngày phải giao-tiếp với những kẻ khác tính ta ; ta phải làm thế nào cho không xung-khắc mà lại có bổ-ích lẫn cho nhau. Đó là cái tài giao-thiệp. Người *thiệp* là người biết mình biết người, thuộc cái tâm-lý của người ta ; trước khi ra đối-đãi với ai, tựa-hồ như đã thấu-triệt được cái tâm-lý của người ấy, nên đối-phó hợp như in, không có điều gì trắc-trở ngang-trái. Người *thiệp* không phải là người khéo nịnh đời ; kẻ nịnh đời là kẻ dành tặng bỏ cái tâm-thân mình đi để làm nô-lệ cho cái ý-muốn của kẻ khác, kẻ nịnh là kẻ hèn. Người *thiệp* là người biết, biết rằng người đời bách nhân bách tính, dầu thánh-nhân cũng không thể đồng-hóa được, và nhân vô thập toàn, dầu thánh-nhân cũng có điều khiếm-khuyết, ra giao-tiếp với đời phải biết cái sở-trường sở-doãn của người đời mà tùy-nghĩ xử-trí thế nào cho thích-hợp, dù mình có chí muốn chữa sửa cho người ta, trước hết cũng phải làm ra mặt chiều người ta đã. Ông RENAN là một bậc đại-danh-sĩ của nước Pháp về

thế-kỹ trước. Người ta nói rằng ông nói chuyện tài lắm, làm cho người thật trái ý mình mà rồi sau cũng phải đồng-y với mình. Một hôm có một người phản-đối một cái học-thuyết gì của ông mới đề-xướng ra, rắp tâm đến thảo-luận một bữa cho vỡ lẽ. Ông tiếp-dãi rất tử-tế, cứ ngồi im để cho người kia nói, người kia phản-đối rất kịch-liệt, ông chỉ mỉm - mỉm cười mà bình-thoảng điềm một câu : « Phải, ngài nói rất phải, tôi cũng nghĩ như thế. » Người kia nói xong rồi, đã hả hơi rồi, tiết được hết cái tức cái giận rồi, bấy giờ ông mới ôn-tồn đáp lại. Ông nói rằng : « Nghe ngài nói như thế thì ý ngài với ý tôi cũng giống nhau, có gì khác. Tôi cũng nghĩ như ngài vậy, v. v. » Rồi ông thuật lại những lời người kia vừa nói, nhưng thuật lại ra phương-diện ông, nói khéo cho đến nỗi ý-kiến trái hẳn với ý-kiến người kia, mà người kia không biết, vừa nghe vừa gật lấy gật để ; khi nói xong, ông hỏi rằng : « Có phải thế không, thưa ngài ? », người kia vui-vẻ mà đáp rằng : « Phải lắm, phải lắm, ngài thật đồng-y với tôi. » Về nhà hồi-tưởng lại câu chuyện mới hiểu rằng ông RENAN khéo xoay cái thuyết của mình để lại lấy lời mình phản-đối lại mình mà mình vô-tình không biết... Ấy cái thiệp trong sự nói chuyện như thế. Người ta nói trắng mà mình cứ khẳng-khăng nói đen thì cãi nhau vô-cùng-tận. Vì có người nói rằng : « Nhân chi sơ tính bôn ác », mà mình cứ giương cổ ra cãi lại rằng : « Nhân chi sơ tính bôn thiện », thời cãi mãi cũng vô-ích mà rồi đến mất lòng giận-dữ nhau. Chi bằng ta chiều đời mà đáp lại rằng : « Vâng, ngài nói phải lắm, người ta lúc khởi-thủy có lẽ có cái tính tự-nhiên ác thật. Vả cứ theo cái thuyết của ông Đạt-nhĩ - văn thì người là ở giống vượn mà ra, dầu có văn-minh tiến-

hóa mà có lẽ chưa tiết được hết cái ác-cần của giống thú. Cứ xem như người ta lúc cái dục-tính hay sự quyền-lợi xung-đột nhau thời tương-tương tương-hại nhau một cách rất khốc-liệt mà không thương, cũng đủ biết. Duy nhân-loại đã trải qua mấy nghìn vạn năm, đã xuất-hiện biết bao nhiêu kẻ nhân-nhân quân-tử đem hai chữ đạo-đức in sâu vào trong tâm trong não người ta, dần-dần cũng thành một cái thiên-tính thứ nhì, khiến người ta tự-nhiên khuynh - hướng về điều thiện. Nhà giáo-dục phải biết lợi-dụng cái thiên-tính thứ nhì ấy mà quay người ta hẳn về đường thiện. Các cô-thánh - hiền dạy rằng *linh hồn thiện* là nghĩa như thế, v. v. » — Nói ôn-hòa như thế không méch lòng ai, mà có lẽ người trái ý với mình cũng phải dịu lời và nghĩ lại cho cái thuyết của mình là phải.

Và như trên kia đã nói, cuộc nói chuyện không phải là cuộc tranh-biện; nói chuyện không phải là cãi nhau. Người thiệp không bao giờ để cho câu chuyện thành lời khích-bác, dẫu chịu nhụt đề cho bên kia hơn lời cũng không thiệt gì mà lại tỏ ra con người có nết.

Người thiệp lại khéo tùy người mà bày ra câu chuyện thích-dáng : nói chuyện văn-chương với một nhà thẫu-khoán, hay nói chuyện triết-lý với một người đi buôn, thì vô-vị cho người ta quá. Phải lựa cái người ta sở-trường mà mình gọi cho người ta nói, như thế vừa ung-dung cho người ta và có lẽ cũng ích-lợi cho mình nữa. Người nói chuyện khéo là người phải có độ-lượng lắm, phải biết cái hay của người mà phó-trương ra, cái dở của người thì mình lờ đi như không biết đến; còn cái hay của mình, không ai hỏi cũng chớ đem phô ra, mà có ai hỏi đến, không nên làm ra mặt tự-cao tự-phụ. Nếu thật

là người có tài, không cần phải khoe chuông gõ mõ, *hữu sự tự-nhiên tương*, người có tài càng kín-dáo, càng nhũn-nhặn bao nhiêu, càng được người ta phục. Cho nên trong khi nói chuyện nhất-nhất cứ giương mình ra, nào là tôi làm cái này, nào là tôi biết cái kia, là người bất lịch-sự. Tây-nho đã nói : « Cái tôi là cái đáng ghét » (*Le moi est haïssable*). Nói chuyện không nên nói đến mình lắm. Mình hay mười mười mà tự mình nói ra thì tựa-hồ như giảm giá mất một nửa vậy.

Ấy gọi là lược-cử giảm-ba điều về cách nói chuyện; còn nhiều điều khác nữa nên chú-ý, như tính hay nói xấu kẻ khác, nói xấu người vắng mặt; tính hay nói chuyện riêng ở chỗ công-đồng, như chuyện việc của việc nhà, việc làm việc ăn; lại giọng nói, có người thi-thào như nói chuyện giấu-giếm, có người bô-bô như muốn nói lấp cả người ta, v. v. . . Nhưng bài diễn-thuyết này không phải là bài dạy về cách nói chuyện. Các sách « xử-thế tu-tri » dạy về mục ấy đã tường. Chủ-ý tôi là chỉ muốn chứng rõ cách nói chuyện có quan-hệ đến phong-tục trong xã-hội, đến tư-cách của người ta, và thứ nhất là đến văn-chương ngôn-ngữ trong nước.

Trên kia đã nói rằng câu chuyện tức là văn-chương xuất ra lời nói; mà văn-chương cũng tức là câu chuyện biên vào sách-vở. Ấy cách nói chuyện lịch-sự phải như thế. Nhưng mấy người đề ý đến câu chuyện mình nói? Thường là gặp sao nói vậy, nói quấy nói quá, cho nghe được thì thôi. Điều đó rất hại. Xưa kia văn-chương với ngôn-ngữ cách-biệt nhau, văn-chương là bằng chữ nho cả, chỉ người làm văn mới phải chau-chuốt lời văn, còn lời nói thường thời nôm-na thế nào cũng được. Bởi thế nên quốc-âm ta không

tiến-bộ lên được, và cách nói-năng của ta thường luộm-thuộm lắm. Cứ nhận kỹ mười người nói chuyện, đến tám người nói « bỏ mứa », nghĩa là nói không thành câu, không dứt khoát. Bây giờ quốc-văn tức là quốc-ngữ, ta nói làm sao ta viết làm vậy, văn-chương với ngôn-ngữ không có cách-biệt nhau nữa, thời cách nói chuyện có quan-hệ với quốc-văn lắm lắm. Ông « trưởng-giả học làm sang » trong bài tuồng của MOLIÈRE, muốn học văn-chương, mời thầy đến dạy, hỏi thầy thế nào gọi là văn xuôi. Thầy trả lời : « Văn xuôi là như lời nói thường » — Ông hỏi : « Thế tôi nói : Nhài ơi, lấy cái mũ đội đêm cho ta đây, có phải là văn xuôi không? » — Thầy trả lời : « Chính là văn xuôi đó. » — Trưởng-giả sùng-sốt người lên, nói rằng : « Trời ôi, thế ra tôi làm văn xuôi đã bốn mươi năm nay mà không biết ! » — Chúng ta cũng vậy, cũng như ông trưởng-giả đó, ai cũng làm văn xuôi từ thừa lọt lòng mẹ mà không biết. Nhưng duy không biết, không để ý đến, nên nhiều khi làm văn không thông, bất-thành-cú, lại có lúc pha giọng ngoại-quốc vào, giả cầy giả cáo, thật là khó nghe. Vì hiện nay trong bọn tân-học ta có một cái tệ-tập rất đáng công-kích, là người An-nam nói chuyện với nhau mà cứ pha lẫn từng tràng tiếng tây vào, thậm-chi xưng-hô nhau cũng toàn bằng tiếng tây cả, nào là *moi, toi, vous, elle*, nào là *mon père, ma femme, mon frère*, nghe các cậu công-tử nói chuyện chỉ nhan-nhãn những tiếng như thế, thật là nhố-nhăng quá. Hay là tiếng An-nam nghèo quá mà không dịch nổi được những tiếng ấy chẳng? Nào ai có thánh tiếng tây thời những khi nghị-luận đối-đáp với người qui-quốc kia nên đem tiếng tây ra mà nói, mà nói làm sao cho người ta khỏi chê mình là giống yêng học mót, còn nói với bà con nhà bà-tất phải dùng cách « ba-dội » như thế? ...

Quốc-văn với quốc-ngữ đã là một, thời cách nói chuyện quan-hệ với văn-chương lắm. Ta có muốn cho quốc-văn ta phát-đạt nảy-nở ra, — mà cái bụng muốn ấy phạm người An-nam ai cũng phải có, trừ kẻ phi-loại không kể — thời ta phải tập cách nói chuyện cho có văn-vẻ, có ý-từ; bất-cứ nói chuyện gì việc gì, phải tìm tiếng cho đúng, đặt câu cho gọn, lời-lẽ phải cho diễn-nhĩa mà không cầu-kỳ, giản-dị mà không suông-sã, và tập nói cho gãy-gọn, dứt-khoát, cho có mạch-lạc, có manh-mối, đừng có đương chuyện nọ chọ chuyện kia, đương việc này vầy việc khác; thứ nhất là kỵ những cách nói sỗ-sàng, thô-bỉ, bác-tập, hàm-hờ. Nếu biết nói chuyện theo cách như thế thì dầu người không có tài văn-chương, đến lúc phải cầm bút viết cũng viết được câu văn gọn-gàng dễ nghe, không đến nỗi không chạy. Nói tóm lại, thời cách nói chuyện phải thế nào cho tỏ được cái nhân-phẩm xứng-dáng của mình và cho người nghe có cái cảm-giác tốt đối với mình.

Vì nói chuyện không những quan-hệ đến văn-chương, mà quan-hệ đến nhân-phẩm nữa. Tục-ngữ có câu : *Người làm sao quả chiêm-bao làm vậy*; ta cũng có thể nói : người làm sao quả câu chuyện làm vậy. Phẩm-cách người ta là lộ ra ở lời nói hơn cả. Ai tình ý thời cứ nghe một người nói trong mười phút đồng-hồ là biết được người ấy thuộc vào hạng nào và đoán được phẩm-cách con người.

Người thanh tiếng nói cũng thanh,
Chuông kêu sẽ đánh bên thành cũng
[kêu.]

Mà người thô thời mở miệng ra là nói thô-tục rồi. Có người bất-cứ nói

gi cũng chêm được tiếng chó, tiếng khi, hay tiếng dếch vào mới nghe; chính tôi đã từng nghe thấy người giàu sang hẳn-hoai mà có cái ác-tật như thế; người ấy thì dẫu làm đến ông gì bà gì mặc lòng, vẫn lộ cái bản-sắc hạ-lưu ra.

Nhưng cách nói chuyện không những quan-hệ đến văn-chương, nhân-phẩm, mà quan-hệ đến phong-tục xã-hội nữa. Trên kia đã nói: câu chuyện là cái gương phản-chiếu của xã-hội. Nếu cứ xét câu chuyện của người mình bây giờ mà đoán cái tình-trạng của xã-hội ngày nay thời thấy xã-hội nước ta thật là suông quá, mà tẻ quá, mà phù-phiếm quá, mà vô-vị quá, lại nhiều khi bỉ - tiện mà cầu-trệ quá. Những ông tối đến ra đánh cốc «kem» ngồi gẫu chuyện ở bờ Hồ, nói những chuyện gì? Những cậu nhung-nhăng ngoài đường phố, khi lên phố khi xuống phố, nói những chuyện gì? Những ngài trong quan-trường nói những chuyện gì? Các ông trong thương-giới nói những chuyện gì? Các thầy ở học-giới nói những chuyện gì? Lại các «me» tây «me» tàu trở về hưu hay đương tại-ngoại nói những chuyện gì? Thật lắm khi bất-nhẫn để tai nghe, mà hoặc có lọt đến tai thời không thể không thán-tức cho cái xã-hội vô-thú này.

Bởi xã-hội ta không có cái thú gì cao-thượng, nên đàn ông đàn bà đua nhau vào đường cờ-bạc tửu-sắc cả. Cờ sao các ông hay đi gỡ trống? Cờ sao các bà hay mê đồng-bông? Cờ sao những bàn *il-xi*, bàn *tô-tôm*, thịnh-

hành như thế? Là bởi người ta gặp mặt nhau không có chuyện gì vui, chuyện gì thú mà nói với nhau cả, phải mượn cái giời trống, bộ áo châu, hay quân bài lá để làm mối tiêu-khiến cho qua ngày giờ.

Ồi!

Nghìn năm văn-vật đất Thăng-long,
thử hỏi đất Thăng-long ngày nay còn có văn-vật gì?

Nước mình đã kém-sút đủ điều, kém về đường chính-trị, kém về đường kinh-tế, kém về đường học-vấn, kém về đường văn-chương. Đến sự giao-tế với nhau trong xã-hội, cũng không có thú-vị nữa, như thế thì làm người An-nam còn có cái sướng gì? Ta nên cùng nhau nghĩ cách thế nào mà tô-diềm cho cái cuộc đời ta được phong-thú hơn. Cách tô-diềm ấy không gì bằng cách nói chuyện. Nào những người phong-nhã, kẻ tài-tình, khách văn-nhân, bậc khuê-tú, nên ra tay mà chấn-loát cái tinh-thần của tổ-quốc, bắt chước mà gây lấy cách nói chuyện như các ông tây bà đầm về thế-kỷ thứ 17, 18 kia, đã giúp cho văn-minh nước Pháp được rực-rỡ như thế. Nước Nam ta vẫn tự-phụ là một nước văn-vật, suốt trong nước há lại không có được một bà RAMBOUILLET hay một cô SCUDERY hay sao? Tôi đây rất lấy làm mong-mỏi và xin thấp hương đề cầu-nguyện...

PHẠM QUỲNH



PHÁP-DU HÀNH-TRÌNH NHẬT-KY⁽¹⁾

XI

Thứ hai, 22 tháng 5

Lại còn một bài diễn - thuyết ở trường dạy tiếng Đông-phương nữa. Mình đã hứa tự *Marseille* đề lên đây sẽ diễn-thuyết ở trường ấy về vấn - đề tiếng An-nam, không nghĩ rằng nói về tiếng An-nam ở đây thì ai là người hiểu mà ai là người nghe. Nhưng đã nhận lời cũng phải y lời. Vậy hôm nay đến thăm ông PAUL BOYER là Chánh-đốc trường Đông-phương Bác-ngữ (*Ecole des langues orientales*) để định ngày diễn-thuyết. Nhà trường đã sắp nghỉ hè, và bài diễn-thuyết này cũng chỉ đề riêng cho mấy người học-sinh chuyên-trị tiếng An-nam mà thôi, vậy định làm ngay ngày thứ sáu 26 tháng 5 này.

Ông đốc này người đã có tuổi, coi đạo-mạo lắm, rõ ra một tay bác-học. Xét ra trường Đông-phương Bác-ngữ này là chuyên dạy cả các thứ tiếng ở Đông-phương, vừa về Cận-Đông, vừa về Viễn - Đông. Trường lập từ năm 1795, xưa nay có tiếng lắm, bao nhiêu những tay chuyên - trị tiếng Đông-phương giỏi ở nước Pháp trong ngót một thế-kỷ rưỡi nay là xuất-thân ở đây cả. Khoa tiếng tàu và chữ nho hiện nay là ông VISSIÈRE dạy, bao nhiêu những người muốn đi làm Thông-ngôn, làm Lãnh-sự ở Tàu phải học qua ở đây cả. Khoa tiếng An-nam thì trước ông DELOUSTAL, nay ông PAZYLSKI dạy, có một ông trợ-giáo người An-nam, trước là ông Phan Văn-Trường, nay là ông Dương Văn-Giáo (người Lục-lĩnh). Còn nhớ hồi năm 1909, trường Bác-cổ Hà-nội đã cử mình sang làm chức trợ-giáo ấy, nhưng

bấy giờ mới lấy vợ, không chịu đi ! Giả nhận đi hồi ấy, thì trường Bác-cổ không đề-cử ông Phan, và sự-nghiệp mình có lẽ lại xoay ra một phương-diện khác. Thế nào gọi là *thế tróc tử phọc* ! . . .

Thứ ba, 23

Thăm ông M. . . là Chánh - đốc trường Bác-cổ trước. Ông từ đầu năm 1914 về nghỉ bên Pháp, rồi gặp sự chiến-tranh, từ đấy không trở lại bên ta nữa. Chính ông năm xưa (1908) đã đem mình vào làm việc trường Bác-cổ. Còn nhớ hồi bấy giờ mới thi tốt-nghiệp ở trường Bảo - hộ ra, ông làm Chánh-chủ-khảo khoa thi ấy. Mình đỗ đầu, đương khét tiếng là « cậu thủ-khoa tây » ! Thậm-chi có người nói : Lương-ngọc có đất thật, thi chữ tây cũng đỗ thủ - khoa ! — Các cậu học - sinh trường Bưởi bây giờ, nghe nói thế chắc không khỏi buồn cười, nhưng phải biết rằng hồi bấy giờ mới đặt ra thi *diplôme*, trong dân-gian còn lấy làm trọng lắm, trọng hơn là thi Cao-đẳng bây giờ. Thôi, cậu nào mới đỗ ra là coi như ông cử ông tú ngày xưa, trong nhà tặng nhau lên, làng xóm tặng nhau lên, bạn bè bốc nhau lên, các cậu lại càng phỉnh mũi, coi người bằng nửa con mắt ! Thủ - khoa, mà lại thủ - khoa tây, thì còn trời nào biết đầu mà dò sức học - hành ra thế nào nữa ! Nói cho công - bằng thì mình bấy giờ còn nhỏ dại quá, cũng chưa biết làm bộ làm tịch như các cậu tân - khoa khác, lại thật-thà hiền-lành, đến nỗi anh em đã đặt tên cho là « anh lý nhà quê » ! Thủ-khoa tây mà chữ nho

(1) Xem Nam-phong, số 58, 59, 60, 63, 65, 66, 68, 69, 70, 73.

chỉ biết viết nổi hai chữ tên, còn thời mù-mịt cả. Kỳ thi có một bài hán-tự dịch ra chữ tây (còn nhớ đầu là một bài trong sách 新國文 của Tàu đề là 温泉), dịch giỏi đến nỗi chấm được một nửa điểm ($\frac{1}{2}$) ! Đáng thì phải 0, hổng « toẹt » không được đỗ, vì dịch sai cả, làm hẳn một bài chữ tây khác, không giống gì nguyên-văn chữ hán cả. Nhưng may ông chánh - chủ-khảo có bụng nhân-từ, xét các bài khác được cả, làm ơn cho lên nửa điểm cho khỏi hổng, lại đến khi cộng « nốt » quyết cho đỗ thủ - khoa, ơn ấy không bao giờ quên vậy. — Sau này vào làm việc với ông ở Bắc-cổ, gia-công học hán-tự trong mấy năm, những khi ông đưa cho dịch các sách nho ra chữ tây, ông thường tùm-tim cười nhắc lại cái nửa điểm chữ nho khi đi thi. Ông làm việc có tính nghiêm-khắc, nhưng biết người, và đối với mình cũng có bụng yêu, nên vẫn nhớ ông lắm, định lên Paris tìm cho được nhà vào thăm.

Gặp ông lấy làm vui-vẻ lắm. Người vẫn phi-nộn như xưa, duy hơi có vẻ già một chút. Trong khi chiến-tranh ông làm việc ở bộ quân-lương, coi việc thu-thập và vận-tải các lương-huống cho quân-lính : nhân đó, từ khi chiến-tranh xong, có ý xoay về đường thực-nghiệp. Tôi hỏi ông còn có nghiên-cứu về Đông-phương, và thứ nhất là về khoa Nhật-bản-học là chuyên-khoa của ông, nữa không ? Ông nói rằng hiện không có thi-giờ, nhưng các sách - vở mới xuất-bản ở Nhật-bản ông vẫn nhận được luôn, khi nào rảnh lại làm việc khảo-cứu, không có ý bỏ hẳn. Nói đến chuyện mình, ông cũng mừng cho nay đã có một cái địa-vị nhỏ trong xã - hội An-nam, nhưng lại có ý tiếc rằng không ở trường Bắc-cổ, mà chuyên-trị về khoa cổ-học nước Tàu nước Nam, vì ông xét ra mình cũng có tư-cách

riêng về đường khảo-cứu. Điều đó, tự riêng mình đã nhiều khi có ý tiếc, vì tính mình vốn ưa khảo-cứu sách-vở, lại không có cái chi gì về đường công-danh sĩ-hoạn cả, tưởng giá cứ làm bạn với quyền sách để tiêu-dao ngày tháng lại yên-ôn hơn. Và đương giữa lúc quốc-dân nhiệt - thành về âu-hóa, đem những chuyện cũ, việc cũ, cái tinh-thần cũ, cái lý-tưởng cũ của Đông-phương mà bàn-bạc, mà nhắc lại cho người mình biết, tưởng cũng là một sự hay. Song nghĩ đi thì thế, mà nghĩ lại nước nhà còn đương buổi nhu-tài, các việc công-ích còn cần phải có người cồ-động, dữ-kỳ an-thường thủ-phận mà làm một nhà khảo-cứu có lẽ không bằng khua môi múa mép mà làm một nhà ngôn-luận, dẫu « bi-beng » chẳng ăn thua gì, nhưng cũng khiến cho xã-bội có cái vẻ hoạt-động một chút... — Mình trả lời thế, ông cũng hiểu thế, song vẫn có ý hoài-nghi một chút, và tự mình có lẽ cũng chưa chắc hẳn rằng chọn đường ấy là phải, là hợp với cái tính-cách đậm-bạc của mình.

Nói chuyện với ông giờ lâu rồi mới lui về. Ông hẹn ngày mai đến ăn cơm trưa để nói chuyện thêm nữa.

Trời hôm nay nắng-nực quá, mùa hè ở Paris mà không khác gì mùa hè ở bên ta. Ông ăn mặc quần áo trắng, khi tiễn ra cửa, trông thấy trời nắng trang-trang, cười mà nói rằng : « Tôi mặc thế này là theo lối bên An-nam, chứ ở đây nắng đến thế nào cũng không ai mặc trắng. Cứ thế này mà ra ngoài phố, người ta cho là dở-hơi, và cười chết mất ! » — Mà thật thế, tôi có ý nhận ngoài đường-phố không ai mặc áo trắng, đội mũ trắng cả. Song lại nhận ra cái nắng này, tuy nóng nực thật, nhưng không có gay-gắt như bên ta : nắng ôn-đái có khác !

— Buổi chiều đến thăm ông Chánh

sở Đông-Pháp-kinh-tế-cục. Tự bữa đến Paris, hôm nay mới được tiếp mặt, cũng là theo lệ thường đến chào cho phải phép. Ông này hàm Thống-sứ ở bên mình. Tiếp-đãi ân-cần, nhưng vẫn có cái vẻ quan đại-hiến lắm, trong sự ân-cần ấy có cái ý che-chở cho kẻ dưới vậy. Mình không thể không cảm ơn ngài đã có bụng như thế.

Đi thăm hai chỗ thế là hết cả ngày.

Tối đến, cơm rồi, ngao-du phố-phường mãi đến khuya mới về trọ. Buổi tối mát, đi ngoài phố xem người, ngắm cảnh, sướng lắm. Đường đây lát bằng đá cả, xe ngựa đi không có bụi, không phải cái khổ « trần-ai » như ở Hà-nội mình về mùa này.

Thứ tư, 24.

Ngày hôm nay trời lại nóng dữ hơn hôm qua. Chỗ không có nắng, hàn-thử-biểu cũng lên tới 36 độ.

Ăn cơm trưa ở nhà ông M. . ., đường *Blanche*, nói chuyện bên ta. Ông ở về từng thứ hai, ba bốn phòng lớn, lịch-sự lắm. Ở Paris mà dọn được chỗ ở thế này là vào bậc phong-lưu rồi.

Đi đến đường *Blanche*, qua một nơi công-trường, ở giữa có nhà-thờ *Trinité*, làm theo kiểu đời Phục-hưng, hiện cái tháp chuông đương chữa, bắc giống kín cả, không thể vào xem được. Ở đường *Blanche* này cũng không có gì lạ, chỉ có một sở câu-lạc-bộ lớn gọi là *Casino de Paris*, mặt trước lại ở về đường *Clichy* và mới bị cháy to lắm.

Ở nhà ông M. . . về, đóng cửa ngồi hăm trong buồng viết bài diễn-thuyết cho trường « Động-phương Bác-ngữ ».

Thứ năm, 25

Hôm nay cũng ngồi hăm ở nhà để viết cho xong bài diễn-thuyết. Sang đến đây mà phải bó chân ngồi một chỗ làm cái nghề « vẽ voi » như ở nhà,

thật cũng buồn quá. Không biết ông Tây nào đã có nói một câu rằng : « Ở đời không có cảnh gì khổ bằng cảnh một cái đầu trống không ngồi đối với một mảnh giấy trắng xóa. » Chắt óc cho thành chữ, cái khổ ấy là cái khổ hằng ngày của mình ở nhà, tưởng tránh được xa mà sang đây, ai ngờ sang đến đây cũng lại phải bụng đầu không ngồi trước mảnh giấy trắng ! Tôi lấy làm khen thay những người làm văn-chương trôi như nước chảy, gặp chuyện gì viết cũng được, dễ-dàng như không. Tôi thì phải cái tật hể trong óc không có gì, không tài nào nặn ra chữ được, không thể nào viết phịa cho đầy giấy được. Muốn nói chuyện gì thì phải nghiền-ngẫm kỹ, như « ngẫu-nghi » trong óc rồi mới xuất ra lời văn được, cho nên văn mình có ý khắc-khò mà không được lưu-loát như văn người ta. Nhưng có lẽ được cái thành-thực, không dám « nói láo », không dám « lõe » ai bao giờ. Cũng bởi thế nên vụng lỏi văn du-hí, văn thù-tạc, và những giọng ngâm phong vịnh nguyệt thì thật không biết làm bao giờ. Chỉ biết bụng nghĩ thế nào nói thẳng ra như thế, nhưng phải trong óc có gì mới nói được, không có óc trống-rỗng mà cũng cố nặn ra câu văn bóng - bẩy như người ta được. . .

Tối đi ăn cơm tàu với ông B. . . ở Kinh-tế-cục.

Thứ sáu, 26

Thôi, thế là thoát nợ. Còn mấy trang diễn-thuyết, tối hôm qua viết nốt rồi, thế là ngày hôm nay được thư-thả đi chơi.

Định lên ăn cơm trưa trên tháp sắt *Eiffel*. Mất năm quan một người, đi thang máy lên tận tầng thứ ba trên đỉnh tháp, đứng đây trông được hết cả thành Paris. Sẵn có hộp giấy thép, có bút mực, mua mấy cái *cartes*

postales viết mấy chữ về thăm nhà, dưới đề là : « Viết từ 300 thước cao trên thành *Paris* » ! Trẻ ở nhà nhận được thư có lẽ tưởng rằng khó-nhọc nguy-hiểm lắm mới lên được cao như thế, lo thay cho khách du-lịch bất-thiệp gian-nan ! Có biết đâu rằng khách du-lịch chẳng phải động đến gót chân, cứ đứng vào trong thang máy là tự-khắc từ-từ lên hết từng ấy đến từng khác, rồi lại từ-từ xuống như thế, chỉ khác khi lên thì càng lên các nhà cửa đường-phố càng nhỏ tí đi như sợi tóc, mà khi xuống thì càng xuống càng to dần ra. Tháp có ba tầng, xem đến tầng cao nhất rồi thì xuống tầng dưới cùng (cũng cách đất đến 60 thước) ăn cơm ; tầng này rộng lắm, như một cái phố nhỏ, có cao-lâu, khách-sạn, nhà cà-phê, nhà hát, nhà nhây-đâm, hàng quán bán những đồ-vật kỷ-niệm, như tranh, ảnh, sách, ống dòm, v. v. — Ăn cơm đây mất mỗi người 12 quan, cũng lịch-sự lắm.

Xét ra tháp *Eiffel* này là cái công-trình kiến-trúc cao nhất trong thế-giới. Tháp *Woolworth Building* ở *New-York* cao 229 thước, thạch-bì Ai-cập ở *Washington* cao 160 thước, mà tháp sắt *Eiffel* này cao tới 300 thước. Do ông kỹ-sư *Eiffel* nghĩ kiểu đốc-công dựng lên, bắt đầu ngày 28 tháng 1 năm 1887, đến ngày 31 tháng ba năm 1889 mới hoàn-công, nặng 7 triệu cân tây, có 1 vạn 2 nghìn mảnh sắt nối lại với nhau bằng 2.500.000 cái ốc lớn nặng cả thảy là 45 vạn cân ; bốn chân mỗi chân to là 26 thước vuông, chôn sâu xuống đất từ 9 thước đến 14 thước. Tháp có ba tầng, từng dưới cách đất 57 thước, từng giữa cao 115 thước,

từng trên cao 275 thước, còn từ đây lên đến trên ngọn 300 thước có một sở vô-tuyến-diện, nhưng không được lên xem. Sở vô-tuyến-diện ấy cũng mới đặt từ khi có chiến-tranh đến giờ. — Nghĩ cái chí người Tây họ cũng hùng thật : bỗng-dưng làm một cái tháp sắt ngất trời mà chơi ! Chẳng bù với người mình chơi cây uốn với chơi non bộ !...

— 5 giờ chiều diễn-thuyết ở trường Đông-Phương-Bác-ngữ. Được chừng mười mống đến nghe ! Nói về vấn đề « Sự tiến-hóa của tiếng An-nam » thì thuộc về chuyên - môn quá, cả thành *Paris* để không được mười người chuyên - trị tiếng An - nam. Nhưng diễn-thuyết ở trường dạy tiếng Đông-phương mà không diễn về ngôn-ngữ-học thì diễn về cái gì ? Nói về một chuyên-khoa thì không mong có nhiều người nghe được. Và chủ-ý mình là mượn cuộc diễn-thuyết này và mượn cái thanh-thế của trường Đông-Phương-Bác-Ngữ để làm một bài kể về cái tình-trạng của tiếng An-nam thế nào và nói rõ cho thiên-hạ biết rằng tiếng An-nam không phải là hèn-mạt gì, cũng có cơ tiến-hóa được, rồi cho đăng báo cho người Tây họ biết, kéo có nhiều người ở bên ta quen miệng cứ công-kích tiếng ta oan quá...

Tuy có ít người như thế, nhưng xem ra họ cũng chú-ý nghe, lấy cái vấn đề tiến-hóa tiếng An-nam làm một điều quan-hệ nên khảo-cứu.

(Còn nữa)

PH. Q.



ĐẠO-GIÁO (1)

IV

Đạo thần-tiên từ đời Tần về sau lại thịnh-bành hơn trước. Ở những nơi danh-sơn thắng-cảnh, chỗ nào cũng có đạo-sĩ đến ở để tu-luyện. Trong bọn ấy tuy có người thật bụng tin đạo, nhưng thường hay có những người dùng những điều giả-dối để huyễn-hoặc người ta, như là nói gặp Lão-tử hiện ra truyền phép, hay là được thiên-thư trong núi, v. v.. Những điều đó tuy là vô-lý và thật là trái với lẽ tự-nhiên, nhưng người đời vẫn hay tin, cho nên bọn đạo - sĩ càng dễ đánh lừa. Nhất là đến đời Nam - Bắc-triều vào quãng thế-kỷ thứ 5 và thứ 6, bọn ấy lắm người có thể-lực rất mạnh, quan-hệ đến cả đường chính-trị. Ở Bắc-triều, nhà Hậu - Ngụy có người Khấu Khiêm - Chi 寇謙之 tu theo đạo của Trương Đạo-Lăng ở trong núi Trung - sơn, tự-xưng là thường gặp tiên xuống truyền cho bộ sách *Đồ - lục-chân-kinh* và lại gặp Thái-thượng Lão - quân, tức là Lão - tử, cho được nối Trương Đạo-Lăng làm Thiên-sư. Cái danh-hiệu Thái-thượng Lão-quân và Thiên-sư khởi đầu có từ đây. Lúc ấy có quan nhà Ngụy là Thôi-Hạo nhân bị việc công phải về nhà, mới tu cái thuật phục-thực dưỡng-tinh và thờ Khấu Khiêm-Chi làm thầy. Sau Thôi-Hạo đem sách của Khấu Khiêm-Chi dâng vua Thế-tổ Thái-võ để nói rằng : Đời trước các thánh-vương chịu mệnh trời thì có long-mã thần - quí đem Hà - đồ Lạc - thư hiện ra, nay nhà vua trị-vì lại có thần-nhân cho sách nói phải giúp vua Thái-bình chân-quân phương bắc,

như thế thật là một điềm rất hay. Vua Thái-võ bèn sai quan đem ngọc-bạch lên tế trên núi Tung - sơn, rồi rước Khấu Khiêm-Chi về kinh, sai đặt Thiên-sư đạo-tràng để giảng đạo. Sau Khấu Khiêm - Chi nói với vua rằng : Nhà vua là chân - quân ngự-thế, nên chịu phù-thư để rõ cái thánh-đức. Vua nghe lời ấy lập thành cái tục về sau các vua nhà Hậu-Ngụy lên ngôi đều phải làm lễ chịu phù-lục.

Vua Thái-võ cùng với Thôi-Hạo sùng-tín Khấu Khiêm-Chi, bài-bác Phật-giáo, giết bọn sa-môn, tức là sư, và hủy-hoại cả sách Phật và tượng Phật. Nhưng nhân-dân vẫn tôn-sùng đạo Phật, cho nên hết đời Vua Thái-võ đạo Phật lại hưng-thịnh lên. Từ đây về sau đạo thần-tiên vẫn thịnh, mà bọn đạo-sĩ vẫn giữ được cái địa-vị quan-trọng ở chốn triều-dường. Sau khi Khấu Khiêm-Chi mất rồi vua nhà Ngụy sai người đi đón Vi Văn-Tú 韋文秀 ở Tung-sơn về làm Thiên-sư. Đến đời Bắc-Tề thì có bọn Trương Viễn-Du 張遠遊, Triệu Tĩnh-Thông 趙靜通 đều được trọng-dụng cả.

Ở Nam-triều thì có bọn Lục Tu-Tĩnh 陸修靜, Tôn Du-Nhac 孫遊嶽, Đào Hoảng-Cảnh 陶弘景, đều là những người tinh-thông đạo-thuật. Mà nhất là Đào Hoảng-Cảnh lại có thể-lực hơn cả. Hoảng-Cảnh nổi tiếng giỏi âm-dương ngũ-hành, biết xem gió xem sao và học được phép tịch-cốc, đạo-dẫn v. v... Vua Vũ-đế nhà Lương trước khi lên làm vua thường vẫn đi lại chơi bời với Hoảng-Cảnh, đến khi lên ngôi làm vua, Hoảng-Cảnh đem sấm-văn

(1) xem Nam-Phong số 67, 68, 74.

vào đạo, cho nên cái ăn-nghị lại hậu lắm. Các quan Triều-thần cũng sùng-bái rất nhiều. Đến nhà Trần cũng sùng-thượng đạo thần-tiên và tin dùng bọn đạo-sĩ.

Từ Nam-Bắc-triều trở đi bọn đạo-sĩ thường hay được sùng-dụng ở chỗ triều-đường. Song bọn ấy cũng chỉ cầu lấy tư-lợi, dùng những thuật huyền-ảo mà đánh lừa những vua chúa, để mong sự phú-quí cho mình, chứ không có mấy người chủ tâm về việc tu đạo.

Đến đời nhà Đường thì nhân vì nhà vua là họ Lý, có đạo-sĩ tên là Cát Thiện-Hanh đặt chuyện ra rằng gặp Lão-quân hiện ra ở trên núi Dương-giốc nhận vua nhà Đường là con cháu. Vua Cao-tổ bèn sai làm miếu thờ Lão-tử trên núi ấy, rồi vua thân-hành đến yết-tế và tôn hiệu là Thái-thượng huyền-nguyên hoàng-đế 太上玄元皇帝, bắt từ vương hầu trở xuống ai cũng phải học *Đạo-đức-kinh*. Người trong nước ai làm đạo-sĩ thì được trừ sưu-dịch. Bởi thế đạo thần-tiên lúc ấy thịnh lắm. Vua Trung-tôn nhà Đường bắt mỗi châu phải lập cái đạo-quán để thờ Lão-tử, rồi cho những đạo-sĩ như bọn Trình Phổ-Tư làm bi-thư-giám, Diệp Tĩnh-Năng làm Quốc-tử Tế-lừa. Vua Huyền-tôn lại càng sùng đạo hơn, sai lập đền thờ Châu-quân ở trên các núi ngũ-nhạc, làm miếu thờ Huyền-nguyên-hoàng-đế ở kinh-đô và ở các quận. Vua lại đặt lễ cho dòng-dõi Trương Đạo-Lãng được nối nghiệp làm Thiên-sư, sách-phong là Thái-sư để giữ chân-giáo. Bất dân-gian nhà nào cũng có một bản *Đạo-đức-kinh* và đặt sùng-huyền-quán, huyền-học bác-sĩ và sùng-huyền học-sinh ở các châu. Bấy giờ thiên-hạ đua nhau sùng-thượng sự thần-tiên rất nhiều.

Trong đời nhà Đường lại có những người như Trương Quả 張果 và Lữ

Nham 呂巽, tức là Lữ Động-Tân, đều nổi tiếng là tu đắc-đạo được thành tiên. Lữ Nham có soạn ra bộ *Công-quả-cách* 功果格 là sách dạy luân-lý trong đạo thần-tiên. Sách ấy dạy những cách ăn ở của người ta với nhau, và nên xét mình thế nào cho được toàn-thiện toàn-mĩ: ngày ngày người ta nên tính cái công và cái quá xem bên nào hơn: hễ bên công hơn là được mà bên quá hơn là phải lo mà sửa mình.

Đại-khai là tóm cái ý nghĩa luân-lý ở trong Nho-giáo và trong Phật-giáo mà làm ra. Cũng vì lẽ rằng ở chỗ dân-gian lúc bấy giờ đạo Phật rất thịnh mà nhất là phái Tịnh-thô thờ A-di-đà-phật và Quan-thế-âm-bộ-tát, dạy người phải làm điều lành để tu lấy quả-phúc mà lên cõi cực-lạc. Đối với một tôn-giáo có thế-lực về đảng luân-lý như thế, không lẽ đạo thần-tiên cứ chuyên một mặt tu-luyện lấy sự trường-sinh mà thôi. Vậy nên ngoài sự tu-luyện cần phải có sách dạy người ta về đảng luân-lý cho thích-hợp với sự sinh-hoạt của người ở đời.

Về sự tín-ngưỡng thì đạo thần-tiên từ đời nhà Đường trở đi đã thành ra một đạo-thống, trên thờ Nguyên-thủy-thiên-tôn 元始天尊 là một đấng đạo-chủ, mà không rõ gốc-tích từ đâu. Cứ như cái danh-hiệu mà suy, là một đấng thần-linh sinh ra trước khi có trời đất và muôn vật. Nguyên-thủy-thiên-tôn ở trên tầng trời cùng tột, trên cả Ngọc-kinh là chỗ Thượng-đế ở. Đạo-giáo lại nhận cả Thượng-đế, nhưng Thượng-đế chỉ chuyên về mặt cai-trị mà thôi, chứ không chủ-trương về việc đạo. Phái đạo-sĩ lại tôn Lão-tử là giáo-chủ cùng ngang với Nguyên-thủy-thiên-tôn và Thượng-đế. Bởi vậy tục vẫn thường gọi là tam thanh. Lão-tử ở trên tầng trời rất cao để luyện phép và răn thuộc.

Dưới ba đẳng ấy thì có quần-tiên : Tiên nam thì thuộc về Mộc-công 木公, nhất-danh là Đông-vương-công 東王公; tiên nữ thì thuộc về Kim-mẫu 金母, nhất-danh là Tây-vương-mẫu 西王母. Hai vị ấy chủ khí dương và khí âm đều ở những nơi cao-thanh tịch-mịch để tu-luyện phép thuật. Còn các tiên khác ở những nơi danh-sơn thắng-cảnh thì nhiều lắm, thường hay hội lại lên châu Thượng - đế hay là đi dự tiệc ở Giao-tri trong chỗ Tây-vương-mẫu ở. Ta thường hay thấy những tranh vẽ « bát-tiên quá-hải » tức là tám người trần đời trước đã tu được thành tiên và cuối mây đi qua bề « Nhược - thủy » đến dự tiệc ở Giao-tri. Tám vị tiên ấy là : 1° Chung-Ly 鍾離, tên chữ là Vân-Phong 雲房; — 2° Trương Quả 張果; — 3° Lữ Nham 呂巽 tên chữ là Động-Tân 洞賓; — 4° Lý Thiết-Quài 李鐵拐; — 5° Lam Thái-Hòa 藍太和; — 6° Hàn Tương 韓湘; — 7° Tào Quốc-Cửu 曹國舅, không biết thật tên là gì; — 8° Hà Tiên-Cô 何仙姑.

Đây là chỉ kể những vị tiên mà ta thường nói, chứ không kể hết được các tiên khác mà tướng-tượng của người ta đã bịa đặt ra.

Tóm lại mà xét thì đạo thần-tiên vốn là mập-mờ không rõ : nửa phần theo cái chủ-nghĩa « phiếm-thần » của Lão, nửa phần nhận Thượng - đế bên Nho-giáo. Mà cái tôn-chỉ đạo ấy thì chủ về sự trường-sinh-bất-tử, để giữ lấy cái xác thịt, chứ không bàn đến cái tinh-thần, mà cũng không thiết đến cái vận-mệnh của nhân-chúng phải chìm đắm chỗ trần-ai này. Hễ người ta còn phải khổ - sở bao nhiêu, còn bị hà-hiếp bao nhiêu, thì hãy còn mong-mỏi : cứ muốn có vị nào cứu vớt mình trong lúc đau-dớn, chứng-minh cho mình trong khi phải tai-nạn, biết cái hay cái dở cho mình, phân-biệt được ngay, gian, thiện, ác. Bên Phật-giáo về tôn đại-thặng thì có A-

di-dà-phật và Quan-thế-âm bồ-tát, lúc nào cũng tự-hồ ở bên cạnh mình để cứu giúp mình, chứ ở bên Đạo-giáo về phái thần-tiên thì trông cậy vào đâu? Cứ theo như cái tôn-chỉ của phái đạo-sĩ thì ai tu cho người nấy, ai đắc-đạo là thành tiên ra khỏi được cái vòng sinh-tử, còn thì cứ phải chịu trăm đường khổ-sở mà không biết lấy gì mà an-ủy được. Phái đạo-sĩ cũng hiểu rõ những lẽ ấy, cho nên mới tìm cách để biến đổi thể nào cho đạo mình thích-hợp với cái lòng mong-mỏi tự-nhiên của nhân-chúng. Sự biến đổi ấy khởi từ đời nhà Đường mà đến đời nhà Tống mới thành-hiệu.

Đạo thần-tiên tuy cùng với đạo Nho và đạo Phật mà thịnh-hành ở đất Tàu, nhưng về đường triết-lý thì không bằng đạo Phật mà về đường thực-tế làm ăn thì lại thua kém đạo Nho, như thế thì lấy cái thế-lực gì mà bành-trướng ra được? Đạo thần-tiên sở dĩ cùng sánh vai mà đứng được với các đạo khác là thiết-tưởng cốt bởi có hai lẽ : một là lấy những điều huyền-bí mà mê-hoặc người ta, và lại cứ công-nhận lấy những điều mê-tín của dân-gian, dễ dễ khiến lòng người ; hai là cứ tìm cách để thân-cận với vua chúa rồi ý vào thế-lực nhà vua mà sai khiến thiên-hạ. Những thủ-đoạn ấy ở đời Hán đời Đường đã từng thấy, sau đến đời Tống thì thật là rõ lắm.

Đời nhà Tống có hai ông vua thật là có công với đạo thần-tiên. Một là vua Chân-tôn (998-1022) ; hai là vua Huy-tôn (1101 - 1125). Từ hai ông vua ấy về sau, đạo thần-tiên mới thành ra cái nếp nhất-dịnh như ngày nay ta hãy còn thấy.

Vua Tống Chân-tôn từ khi nhờ có quan Tề-tướng là Khấu-Chuân 寇準 lập xong cuộc hòa-ước với Khiết - đan ở Thiên-uyên, mỗi năm phải nộp cho Khiết-dan 20 vạn tấm lụa và 10 vạn lạng bạc, tưởng là một việc hay, không dè người Vương Khâm-Nhược 王欽若

gièm pha, cho việc ấy là hồ-thẹn, vua lấy làm áy-náy không vui. Khâm-Nhược lại biết ý vua đã chán việc binh, bèn nói tăng-lờ rằng chỉ có cách đem quân lấy lại châu U và châu Kế thì mới rửa được cái hồ - thẹn ấy. — Vua bảo rằng sinh-linh ở phía bắc mới khỏi việc binh - cách, ta sao nỡ gây việc chiến - tranh nữa. Người nghĩ cách khác. — Khâm-Nhược nói rằng: « Tể phong-thiện có thể trấn-phục được bốn bề và khoe vớ nước ngoài. Mà đời xưa làm lễ phong-thiện là phải được một điềm gì rất hay rất quý của trời cho mới thành lễ. Song điềm trời không chắc đã có, dễ thường đời trước lấy sức của người mà làm thay. Cốt ở ông vua tin mà sùng-phụng để tỏ cho thiên-hạ biết, thì chẳng khác gì là điềm của trời cho thật. Bệ - hạ thử nghĩ xem việc Hà-đồ Lạc-thư đã chắc có chưa? Đây là thánh-nhân mượn thần - đạo mà đặt ra cách dạy dân đó thôi

Vua Chân-tôn đem ý ấy hỏi quan Tể-tướng Vương Đản và quan Trục-học-sĩ Đỗ Cảo đều cho là phải. Tháng giêng năm Đại - trung Tường - phù nguyên - niên (1008) vua bảo quần-thần rằng: « Độ trước trăm năm chiêm - bao thấy có thiên - thần xuống bảo phải lập đạo - trường ở chính-diện, thì trời sẽ cho ba thiên » Đại-trung-Tường-phù. » Nay trăm đã trai-giới và đã lập đạo-trường ở trong điện rồi. — Vua vừa nói xong thì có quan coi Hoàng-thành vào tâu rằng ở trên Tả-thừa thiên-môn có cái dây lụa buộc một cuộn sách. Vua sai quan lên lấy xuống xem, thì thật là thiên-thư, rước về đạo-trường đưa cho đạo-sĩ Trần Nghiêu-Tần 陳堯叟 đọc lên, vua quí xuống mà nghe. Sách ấy lời lẽ cũng giống như thiên Hồng-phạm trong kinh Thư và Đạo-đức-kinh của Lão-tử. Đại-ý nói rằng vua lấy chỉ-hiệu chỉ-

đạo mà được trị-vì và khuyêu vua nên giữ lấy sự thanh-tĩnh giản - kiem thì được lâu dài. Đọc xong bỏ sách ấy vào hòm vàng để thờ.

Tháng 6 năm ấy vua sai quan lên lập đàn làm lễ phong-thiện trên núi Thái-sơn lại được bộ thiên-thư nữa cũng tương-tự như kỳ-trước. Vua bèn sai làm đền Ngọc-thanh-chiều-ưng-cung để thờ thiên-thư.

Cách mấy năm vua Chân-tôn lại bảo các quan rằng: « Trăm năm chiêm-bao thấy thần-nhân xuống truyền mệnh của Ngọc-hoàng rằng: trước đã sai Triệu Huyền-Lãng là Thái-tổ họ Triệu đem thiên-thư xuống cho, nay sẽ sai Triệu Huyền-Lãng xuống, vậy phải đặt đạo-tràng để nghinh-tiếp. » Quả-nhiên Thánh-tổ cùng với năm vị khác xuống phán bảo gốc-tích tổ họ Triệu là thế nào và khuyêu vua phải thương yêu muôn dân. Vua bèn sai Vương Đản và Vương Khâm-Nhược trông nom việc đúc tượng Ngọc-hoàng, Thánh-tổ và các vua nhà Tống để thờ trong cung Ngọc-thanh-chiều-ưng.

Cách mấy năm sau vua đi đến châu Hào tể Lão-tử ở Thái-thanh-cung và tôn hiệu là Thái-thượng Lão-quân. Hổa-nguyên thượng-đức hoàng-đế, Rồi lại cho Trương Chính-Tùy 張正隨, dòng-dõi Trương Đạo-Lãng, ở núi Long-hồ-sơn đất Tin-châu, được hiệu là Chân-tĩnh tiên - sinh 真靜先生. Từ đấy trở đi con cháu họ Trương ai lên nối nghiệp làm Thiên-sư thì được nhà vua cho tên hiệu.

Năm ất-mão là năm Đại-trung tường-phù thứ 8 (1015) vua Chân-tôn tôn hiệu Ngọc-hoàng là Thái-thượng, khai-thiên, chấp - phủ, ngự-lịch, hàm-chân, thề-đạo. Ngọc-hoàng đại-thiên-đế. Rồi cách hai năm sau vua làm lễ dâng bảo-sách và cồn-phục của Ngọc-hoàng đại-đế. Cái danh-hiệu Ngọc-hoàng đại-đế 玉皇大帝 ở chỗ dân - gian đã

từng thấy có từ đời nhà Đường, nhưng nhà vua công-nhận thì thật khởi đầu từ đời nhà Tống bấy giờ, về sau có nhà làm sử phê-bình rằng: Trời là chí-công vô-tư, mà sở dĩ chí-công là bởi vì trời là lý mà thôi. Sao lại có mặc áo đội mũ như hình người ngồi ở trên đám xanh xanh được? Song lấy cái lý mà nói thì gọi là *trời*, lấy sự chủ-tể thì gọi là *đế*. Chủ-tể là báo-ứng sự lành sự dữ như người ta chủ-tể mọi việc vậy. Tuy là Chủ-tể nhưng không có việc gì là việc không hợp với lý tự-nhiên. Nay vua Chân-tôn không minh, bịa đặt ra chuyện thiên-thư, vọng tôn thiên-đế, đều là điều bậy cả.

Đó là lời rất chính-dáng của một nhà nho-học lấy cái lẽ triết-lý mà xét, nhưng đây là vua Chân-tôn bị bọn đạo-sĩ xui khiến, chủ-ý để tỏ cho thiên-hạ biết rằng vua nhà Tống là dòng - dõi người trên trời mà Thượng-đế cũng có lòng bênh-vực. Tuy vậy xem câu phê-bình trên kia thì đủ phân-biệt đấng Thượng-đế của Nho-giáo và Ngọc-hoàng-thượng-đế của phái đạo-sĩ khác nhau là thế nào. Nho-giáo tuy có nhận một đấng chủ-tể trong thế-gian, nhưng vẫn là vô-hình, bên đạo thần-tiên thì lấy cái hiện-trạng ở trần-gian mà tưởng-tượng ra Ngọc-hoàng-thượng-đế để cai-quản thế-giới ở trên trời cũng như ở dưới trần vậy. Sự tưởng-tượng ấy giản-dị và lại thích-hợp với sự tưởng-tượng của nhân-chúng, cho nên thiên-hạ nói đến Ngọc-hoàng là ai cũng hiểu mà ai cũng theo, chứ nói như bên Nho-giáo thì chỗ dân-gian không mấy người nghe ra được. Lại phải biết rằng Ngọc-hoàng không phải một bậc độc-tôn bên đạo thần-tiên, nhưng chỉ là một ông chủ-tể cai-quản bách-thần, bách-tiên và chủ việc họa-phúc việc sinh-hóa của muôn vật, tức như là ông vua cai-trị nhân-dân trong nước mà thôi. Còn về đường

đạo-thống thì trên Ngọc-hoàng còn có Nguyên-thủy-thiên-tôn và Thái-thượng Lão-quân ở trên tầng trời cao thăm-thẳm để tu-đạo và luyện thuốc, chứ không biết đến cuộc biến đổi trong thế-gian.

Đến đời vua Huy-tôn có người Thái Kinh xui vua dùng những đạo-sĩ Vương Lão-Chi, Vương Tử-Tịch, Từ Tri-Thượng và Lâm Linh-Tổ, rồi đặt đạo-quan, sửa đạo - sử và cấp bổng cho đạo-sĩ. Lâm Linh-Tổ trước đã đi tu bên Phật bị sự đánh mắng mới bỏ đi tu đạo-sĩ. Đến khi được vua vời vào, Lâm Linh-Tổ mới nói khoác rằng vua là con trưởng Ngọc-hoàng và trên trời có tiên-quan đến hơn 800 người, mà bọn Thái Kinh đều là tiên trên trời xuống giúp vua cả. Vua nghe thấy nói thế lại càng tin lắm, bèn làm lễ tôn hiệu Ngọc-hoàng thượng-đế và xuống chiếu bắt các đền chùa trong nước phải tôn tượng Ngọc-hoàng để thờ. Bấy giờ các chùa - chiền có tượng thờ Ngọc-hoàng là khởi từ đây.

Linh-Tổ lại nhân trước có hiềm với nhà sư, mới xin vua đổi Phật-hiệu là Đại-giác-kim-tiên, 大覺金仙, còn các Phật khác thì đổi cả là tiên-nhân đại-sĩ, các sư đổi là đức-sĩ, rồi bắt các sư phải học đạo và theo phép tu của bọn đạo-sĩ. Việc ấy không thi-hành được bao lâu, vì chưa được một năm thì Lâm Linh-Tổ phạm tội phải đuổi, và nhà Tống lại bị quân nước Kim (Mãn-châu) sang xâm-chiếm, cho nên việc bài-kích đạo Phật cũng bỏ.

Qua sang đời Nguyên thì đạo Phật thịnh hơn, nhưng vẫn cho Trương Tồn-Diên được hiệu là *Linh-ứng-xung-hòa chân-nhân* và cấp cho ấn bạc, hàm tam-phẩm, rồi sau lên mãi đến hàm nhất-phẩm. Trong đời nhà Nguyên, đạo Thần-tiên chia ra làm ba phái: Chính-nhất-giáo 正一教 là phái của dòng - dõi họ Trương,

Chân-dại-đạo - giáo 真大道教 là phái của Lưu Đức-Nhân 劉德仁 người nước Kim lập ra, và Thái-ất-giáo 太乙教 là phái của đạo-sĩ Tiêu Bào-Chân 蕭抱真 cũng người nước Kim lập ra.

Đến đời nhà Minh thì vua Thái-tổ cho đạo-sĩ Trương Chính-Thường làm chân-nhân và định lệ phong cho hàm nhị-phẩm. Đời nhà Thanh cũng theo tục-lệ nhà Minh và lại đặt Đạo-lục-ti ở kinh-sư, Đạo-kỷ-ti ở phủ, Đạo-chính-ti ở châu, Đạo-hội-ti ở huyện để đốc-suất bọn đạo-sĩ. Bọn đạo-sĩ mặc áo vàng, mũ vàng ở các đạo-quán để học tập cái thuật tu-dưỡng, luyện-dan và phù-lực; thường hay làm nghề chữa bệnh và bắt tà, v.v.. Ở Bắc-kinh hiện bây giờ có Bạch-vân-quán 白雲觀 trú được hơn 3.000 quyền đạo-thư. Đây là đại - lược cái hiện-trạng của Đạo-giáo cận-lai là thế.

Còn về đường tin-ngưỡng của đạo Thần-tiên thì từ đời Tống trở đi, đạo ấy đã thành ra hình-thức nhất-định. Trên có Ngọc-hoàng thượng-đế làm chủ-tể cả thế-gian, dưới có chư-tiên và bách-thần giữ các chức - vụ cũng tương-tự như vua quan ở dưới trần ta vậy.

Thế-gian chia ra làm ba khu, là Thiên-đỉnh, Âm-phủ và Thủy - phủ. Trên Thiên-đỉnh thì có tứ-dại thiên-vương, nhị-thập-bát-tú, lói-thần, điện-thần, vũ-thần, văn-thần, phong-thần, các vị ấy coi việc trên trời, việc làm mưa làm gió. Còn những thần coi việc dưới trần thì có Nam-tào, chủ việc sinh, Bắc-đầu chủ việc tử, Ngũ - phương thần, Tứ-thời thần, Đương-niên thần, Đương-cảnh thần, Thành-hoàng thần, Thổ-công, Táo - quân, điều là các vị thần chuyên coi về việc làm ăn hành-động của người ta.

Ở Âm-phủ thì có Thập-diện Diêm-

vương coi về việc người chết, và cứ theo cái công quá thiện ác mà báo-ứng. Đây là bất-chước đạo Phật mà đặt ra, cho nên lại có Địa-tạng-vương, là môn-đệ của Phật, lập ra một tòa riêng để ai chết xuống phải vào đây, hẳn không phải là người nhà Phật thì giao sang cho Diêm-vương xét-xử.

Ở Thủy-phủ thì có Tứ-hải Long-vương cai-quản mọi việc ở dưới bề.

Diêm-vương và Long-vương đều thuộc quyền Ngọc - hoàng cả. Và ngoài những thần đã kể trên kia, lại có những thần như Văn-xương-đế-quân, chủ về việc văn-học, Quan-thánh-đế-quân, chủ về việc võ-lược.

Quan-thánh đế-quân là ông Quan Vũ 關羽 đời Thục-Hán, nhân vì trung-nghĩa dũng - liệt mà chết, cho nên Ngọc-hoàng mới ban sắc-chỉ cho làm thần để trừ những hung-thần ác-quỉ. Thường có khi xuống cả âm-phủ để xét người ngay gian nữa. Chắc là nhân-dân ái-mộ Quan-công là người trung-liệt, cho nên dẫu dẫu cũng thờ cúng. Đến đời vua Huy-tôn nhà Tống phong là vương, rồi đến đời nhà Minh vào quăng thế-kỷ thứ 16 thì tôn-hiệu là đế, lại có hiệu là Phục-ma-dại-đế-quân.

Các vị thần - tiên giúp vua Ngọc-hoàng để thống - trị thế-gian đều có pháp-thuật cao-cường mà trừng - trị những giống yêu - quái nó cứ hay đi quấy nhiễu nhân-gian.

Đại-dề sự tin tưởng bên đạo thần-tiên hiện bây giờ còn là thế cả. Nhưng đây là việc quỉ-thần, ta là người trần làm sao mà biết được? Tất phải có một hạng người trên có thể thông với quỉ-thần mà dưới có thể chỉ bảo nhân-chúng biết. Hạng người ấy là bọn đạo-sĩ, có phù-chú, có ấn-quyết, có thể gọi được quỉ-thần, trừ được yêu-quái và xua đuổi được ma-quỉ.

Những phù-chủ và ấn-quyết thường là ở Ấn-độ theo đạo Phật sang đất Tàu, bọn đạo-sĩ mới mượn lấy để làm nghề riêng của mình, cho nên trong những câu chú thường hay có tiếng Ấn-độ lẫn với tiếng Tàu. Lắm khi người đạo-sĩ miệng đọc chú tay bắt quyết mà vẫn không hiểu là ý nghĩa gì. Nhưng có cần gì hiểu hay không hiểu ? Càng không hiểu lại càng có lắm người tin. Ấy là cái tâm-lý của loài người rất lạ như vậy. Bọn đạo-sĩ nhờ sự ngu dại của người đời mà làm nghề kiếm ăn của mình. Ai đau ốm cũng là vì ma vì quỷ, ai có tai-nạn gì cũng là tại thần tại thánh. Một ngày là một làm thêm sự mê-tin của dân-gian lên.

Những sự tin - tưởng ấy truyền sang nước ta, cũng như nó truyền sang các nước chịu cái văn-hóa của Tàu. Nhưng hiện nay thì nước Nam ta không có những đạo-sĩ như ở bên Tàu. Chỉ có bọn phù-thủy, nửa phần theo lối đạo-sĩ, nửa phần giữ thói vụ-sử đời trước.

Phù-thủy lại chia ra làm hai phái : phái đạo-nội và phái đạo-ngoại. Đạo-nội là gốc từ bên Ấn-độ truyền sang. Phép tu là cốt đặt ra mấy chữ phép rồi cứ tâm-niệm vào đấy mà tu-luyện, mà ai học đạo ấy thì chỉ có khẩu-truyền nhiều, chứ ít có sách-vở, mà cũng không đi phản-ngịch ai bao giờ. Vì cứ tâm-niệm trong bụng mà thành đạo cho nên mới gọi là đạo-nội. Ở nước ta thì về vùng Thanh-hóa đạo ấy thịnh hơn cả, vì tục truyền rằng ở đấy ngày trước có ba anh em ông Nghè đi sang Ấn-độ tu được đạo ấy, cho nên bây giờ vẫn thờ ba ông ấy làm thánh-tổ.

Đạo-ngoại là đạo của bọn phù-thủy thường xưng là luyện âm-binh, âm-tướng, rồi đi làm nghề đánh

đồng-thiếp, bắt ma bắt tà, phụ đồng, làm bùa làm phép ở chỗ dân-gian. Ai làm phù-thủy đạo-ngoại thì ở trong nhà cũng có tểnh thờ Thái-thượng-Lão-quân, thần Độc-cước, thần Ngũ-hồ, có khi thờ cả Quan-âm-phật-bà, và chư-vị.

Thái-thượng-lão-quân thì ta đã biết, còn thần Độc-cước thì không rõ gốc-tích từ đâu, thấy tục truyền rằng thần ấy thường hay hiện-hiện ra ở Sầm-sơn đất Thanh-hóa mà chỉ thấy có một bàn chân in vào đá, cho nên mới nhân đó mà gọi tên. Thần Độc-cước vẫn có tiếng giỏi về việc bắt ma bắt tà. Thần Ngũ-hồ là tướng thuộc-hạ dễ sai khiến.

Tục truyền rằng những người phù-thủy cao tay sai được âm - binh làm mọi công việc, như khiêng đình làng này sang làng khác, đào cây cau ở đằng trước sân đem trồng ra đằng sau nhà, sai người bằng rơm bằng cỏ đi được và chạy được như người thật. Những người phù-thủy ở nước ta như ông Đại-Điên, ông Từ Đạo-Hạnh đời nhà Lý đã nổi tiếng có phép thần-thông biến-hóa được.

Ở nước ta lại có phái đồng-cốt cũng do đạo thần-tiên mà thành ra. Phái đồng-cốt chia ra làm hai mối. Một là bọn thanh-dồng thờ Trần Hưng-đạo-vương, hai là bọn các bà đồng thờ bà Liễu-Hạnh công-chúa, Thượng-ngàn công-chúa, Cửu-thiên huyền-nữ, v. v., gọi là thờ chư-vị.

Trần Hưng-đạo-vương là tôn-thất nhà Trần, lại có công đánh dẹp được giặc Mông-cổ. Sau khi ngài mất rồi người ta cảm nhớ công-đức nhiều nơi làm đền thờ. Lâu ngày sự mê-tin của nhân-dân làm thành ra ông thần giỏi nghề bắt ma bắt tà, nhất là bay trừ được bệnh Phom - Nhan làm.

Những người thờ ngài thì lập tỉnh ở trong nhà và phải có thanh-dồng để lúc nào có việc gì thì ngài lên đồng hoặc để phán bảo điều gì, hoặc cho thuốc-thang, hoặc bắt ma trừ tà, v. v.. Mỗi năm đến ngày 20 tháng tám là ngày hủy-nhật ngài, các thanh-dồng phải về đền Kiếp-bạc ở Hải-dương hay là đền Bảo-lộc và đền Túc-mặc ở Nam-định để lễ-bái và lĩnh cờ kiếm về thờ.

Về đường chư-vị thì những đàn-bà con gái mà ai có số thờ thì phải đến làm lễ đội bát hương ở tỉnh hay ở phủ, rồi xin làm con-công đệ-tử. Ai bị các bà công-chúa bắt làm con đồng thì gọi là đồng dục mẹ, ai bị các vị Hoàng-tử, thì gọi là đồng dục ông, ai bị các cậu quận, thì gọi là đồng cậu quận và ai bị các cô, thì gọi là đồng cô.

Các bà công-chúa đều là con vua Ngọc-hoàng giáng sinh xuống: Bà Liễu-Hạnh thì giáng xuống làng Yên-thái, gần Phủ-Dầy, ở huyện Vụ-bản, Nam-định, có tiếng đã hiển-linh ở nhiều nơi, như ở đền Sông và đền Phố-cát trong Thanh-hóa. Mỗi năm ngày mồng 8 tháng 3 là ngày hội Phủ-Dầy, là chỗ phủ thờ ngài thì các con đồng về lễ-bái đông lắm.

Lại có đền Lộ ở huyện Thanh-tri tỉnh Hà-dông thờ một vị dục Mẫu, không rõ danh-hiệu là gì, cứ đến ngày mồng 6 tháng hai là ngày hội, các đồng-cốt trẩy về lễ cũng đông như hội Phủ-Dầy. Đến những ngày hội ấy các đồng-cốt thì với nhau. Hễ làm lễ xin âm-duyang mà thánh cho ai đồ thì người ấy được gọi là bà đồng-quan có danh-giá hơn các con đồng khác.

Đạo đồng-cốt bây giờ rất thịnh ở nước ta, đàn-bà con-gái đua nhau đi ngồi đồng ngồi bóng, nhảy múa, khi lên đồng cậu lúc đồng cô, rất là nhảm-nhí. Ai đã có đồng có bóng thì phải sắm sửa áo quần vòng hột, để lúc lên đồng mà trang-sức cho đẹp. Bọn thầy cùng thì đàn hát, cồng véo-von bao

hiều thì đồng lại phải ban thưởng cho tiền cho lộc nhiều bấy nhiêu, thật là một sự thờ cúng rất vô-lý, mà thiệt-hại cho bọn đàn-bà nước ta. Việc thờ cúng thánh-thần đã có lòng tin thì cốt ở sự tôn-nghiêm, chứ sao lại bày những trò trẻ con ra thế mà vẫn có người sùng-tín là nghĩa làm sao? Hiện bây giờ đạo đồng-cốt thịnh đến nỗi bất-kỳ chùa chiền nào cũng có tỉnh thờ chư-vị. Hễ đâu không có thì chùa vắng không mấy người đi lại. Nhà sư lắm người vẫn mặc nâu-sống mà vẫn lên đồng nhảy múa. Ấy là cái trạng-thái sự tin-ngưỡng hiện-thời ở nước ta là thế.

Thiết-tưởng sự tin nhảm về đường thần-tiên ma-quỉ khó lòng mà trừ bỏ đi được, nhất là bây giờ người mình phần thì hay xem những truyện tiên-thuyết của Tàu dịch ra quốc-âm, như Chinh-dông, Chinh-lây, Phong-thần, Liêu-trai v. v., đều là những chuyện chỉ nói việc thần-tiên yêu-quái, phần thì những nhà bát-tuồng bát-chèo lại cứ nhét những chuyện hoang-dương ấy diễn ra ở sân-khấu làm cho đàn-bà trẻ con, cho chí những người thường, cứ yên trí là chuyện có thật. Lại còn những bọn thầy bùa thầy cúng nay bịa đặt ra chuyện này mai bày vẽ ra chuyện kia để kiếm mối lợi riêng cho mình. Như thế mà trong xã-hội lại không có kỷ-cương gì cả, không có cái gì để ngăn cấm những sự mê-hoặc của người ngu đại, để ràng-buộc lấy cái phong-tục cho thuần-hậu, thì những sự tin-tưởng nhảm-nhí ấy bỏ đi làm sao được? Rút lại cái kết-quả đạo thần-tiên là thế. Đạo ấy trước còn chuyên về mặt tu-luyện, sau hóa ra một mối mê-tin thật là rất thó-thiên, rất dè-hạ trong các tôn-giáo vậy.

III. *Chiêm-nghiệm-phái*. — Phái này là một thuộc-phái của Đạo-giáo, vì lẽ rằng những sự đặt sấm, xem tướng, bói-toán, phong-thủy, v. v., đều bởi bọn

đạo-sĩ mà thịnh-hành lên. Nhưng cái cội rễ những thuật ấy thì khởi từ phái học âm-dương và phái Dịch-học về đời Xuân-thu và đời Hán.

Phái âm-dương thì cho vạn-vật sinh hóa đều bởi khí âm khí dương và ngũ-hành mà ra. Ngũ-hành thì trước xếp theo *sinh-tự* 生序, như là 水 火 木 金 土, thủy, hỏa, mộc, kim, thổ, lấy lẽ rằng trời, tức là khí dương, sinh ra thủy, đất tức là khí âm, sinh ra hỏa, rồi thủy sinh ra mộc, và hỏa sinh ra kim, mộc và kim sinh ra thổ. Sau những nhà âm-dương-học đặt ra *hành-tự* 行序, lấy lẽ *tương-sinh* 相生 mà xếp lại là : 木 火 土 金 水, mộc, hỏa, thổ, kim, thủy, nghĩa là mộc sinh hỏa, hỏa sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thủy. Sau cùng lại lấy lẽ *tương-khắc* 相尅 mà xếp lại là : 金 木 水 火 土, kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, nghĩa là kim khắc mộc, mộc khắc thủy, thủy khắc hỏa, hỏa khắc thổ.

Hễ ai biết được cái lẽ âm-dương biến-đổi và ngũ-hành tương-sinh tương-khắc là thế nào thì vạn-sự trong thế-gian cũng có thể hiểu biết được. Dịch-học thì theo những quẻ trong kinh *Dịch*, cũng lấy lẽ âm-dương biến-đổi và ngũ-hành sinh-khắc chế-hóa mà đoán mọi việc.

Sấm-ký.—Từ đời Chiến-quốc những nhà âm-dương-học đã đặt ra sấm đề nói trước những việc chưa có. Đại-khái như dờ kinh *Dịch*, kinh *Thư* hay là kinh *Thi* ra lấy mấy chữ, rồi tính xem giờ nào, ngày nào, để xếp vào ngũ-hành sinh-khắc thế nào. Lại xem bát-môn như 生 死 杜 絕 休 囚 旺 相 sinh, tử, đố, tuyệt, hưu, tù, vượng, tướng : hễ được vượng và tướng thì tốt, mà phải tử và tù thì xấu. Sau cùng hoặc lấy ý-tưởng trong chữ hay là trong câu, hoặc đếm nét đếm chữ để tính ra quẻ mà đoán mọi việc. Lại có cách *nap-âm* 納音 là lấy

ngũ-âm là : cung, thương, giốc, chủ, vũ, mà gọi ra tên họ người ta. Thí dụ như đời vua Tần Thủy-hoàng, có người xem sấm mà đặt ra câu : *Vong Tần giả Hồ* nghĩa là nói người Hồ Hợi làm mất nhà Tần.

Những cách chiêm-nghiệm ấy có đặt ra thành sách gọi là *sấm-vĩ* như là *Dịch-vĩ*, *Thư-vĩ*, *Thi-vĩ* v. v.. Trong đời Tây-Hán có bọn Lưu Hưởng, Khuông Hành giỏi về sấm-vĩ. Đến đời Vương Mãng và đời Hán Quang-vũ thì sùng-tin sấm-vĩ lắm. Vua Quang-vũ dùng người nào hay là việc gì cũng quyết ở sấm-văn cả. Từ đó về sau sự sấm-học thịnh lắm, các đạo-sĩ thường hay học-lập.

Đến đời nhà Tống có ông Thiệu Nghiên - Phu 邵堯夫 soạn ra bộ sách *Hoàng-cực-kinh-thế-thư* 皇極經世書 lấy thuật-số mà tính sự biến đổi trong trời đất và có thể biết trước những sự sẽ có về sau. Phép tính ấy gọi là tính *thái-ất* 太乙 khác với lối đặt sấm ngày trước, vì nó chủ ở toán-số. Tục truyền rằng phép tính ấy có thể tính được việc 500 năm về trước và 500 về sau. Ở bên Tàu thì có Lưu Cơ đời nhà Minh nổi tiếng giỏi *thái-ất*, mà ở bên ta thì có ông Nguyễn Bình-Khiêm tức là trạng Trình, cũng tinh về phép tính ấy và tục truyền rằng ông có đặt ra nhiều sấm-ký nói về thời-sự nhiều người cho là linh-nghiệm lắm.

Nhưng thiết-tưởng rằng những lời sấm-ký không mấy câu có nghĩa-lý rõ-ràng, người ta thường hay thấy việc gì hơi tương-tự vào lời sấm thì cố vịn lấy nghĩa cho là nghiệm, mà kỳ-thực thì không có gì mập-mờ và viển-vông bằng.

Ngoài những sấm-ký, các đạo-sĩ thường hay tập những phép phong-giác, nghĩa là xem ngọn gió mà tính

ra việc lành việc dữ, phép nhâm-dộn để xem việc tốt việc xấu, đi đâu hay làm việc gì biết trước được lợi-hại là thế nào, phép xem sao trên trời mà đoán ra việc biến đổi trong xã-hội, phép xem giò, tức là xem chân gà giò và các phép bói-toán, v.v. .

Bói-toán. — Những phép bói-toán thì đã có từ đời thượng-cổ, về sau những nhà Đạo-học như Quân Lộ đời Tam-quốc, Quách Phác đời Tấn đều nổi tiếng giỏi nghề bói-toán. Nghề ấy về sau càng ngày càng thịnh lên, đến bây giờ chỗ dân-gian đâu đâu cũng tin dùng.

Phép bói có nhiều thứ, nhưng ta thường hay dùng có ba thứ là : bói Dịch, bói chiết-tự và bói Giã-hạc. Bói Dịch thì có hai cách : một là bói mai rùa, hai là bói cổ thi. Đời trước cho phép bói Dịch rất thiêng, cho nên khi nhà vua có việc gì quan-trọng thường sai bói Dịch. Các nhà thi-thư nước ta ngày trước tin mê đạo Dịch, cũng nhiều nhà hay trúa sẵn bộ cổ thi để vào túi gấm rất cẩn-thận, và hương-hoa thờ phụng quanh năm, khi có việc quan-hệ thì đem ra bói.

Bói chiết-tự là phép của ông Thiệu Nghiêu-Phu đời Tống đặt ra, đã sẵn có từng quẻ và từng lời giải-đoán. Ai có việc gì muốn bói thì tùy-ý mình muốn viết chữ gì cũng được, phải viết một chữ, rồi trông bình chữ hoặc đếm nét chữ mà ghép vào quẻ, xem lời quẻ thế nào mới đoán được.

Bói Giã-hạc hay là bói kim-tiền là phép của Kinh Phòng đời nhà Hán đặt ra. Về sau có ông Giã-Hạc lập cục sẵn các quẻ, và nghị-luận thêm, cho nên tục quen gọi là phép bói Giã-hạc. Phép này giản-tiện hơn các phép khác, cho nên người ta theo dùng nhiều, mà nhất là các thầy bói bây giờ chỉ chuyên dùng phép này mà thôi. Phép bói Giã-hạc phải có ba đồng tiền.

Khi gieo quẻ hễ ba đồng ngửa cả gọi là *trùng* ; ba đồng sấp cả gọi là *giao* ; một sấp hai ngửa gọi là *đơn*, một ngửa hai sấp gọi là *sách*. Một lần gieo là một hào : *trùng* là hào thái-dương, *giao* là hào thái-âm, *đơn* là hào thiếu-dương, *sách* là hào thiếu-âm. Gieo 6 lần thành ra một quẻ, rồi xem hào nào động, hào nào tĩnh mà đoán.

Ta thường cho phép bói-toán là phép tiên-thánh đặt ra và lại tin rằng việc gì cũng có quỷ thần làm chủ-trương, cho nên người ta sùng-thượng lắm. Ai mất trộm, mất cắp cũng đi bói, ai đau yếu thế nào cũng đi bói. Sự bói-toán bây giờ là thông-dụng lắm, mà những người làm nghề ấy thì thường là những người ngu dốt, mù lòa, chỉ thuộc lòng các lễ lối, rồi việc gì cũng nói dựa, nửa hay nửa dở, một đôi khi gặp may mà đúng là nổi tiếng hay.

Xem số. — Phép xem số xem tướng có đã lâu. Tục truyền rằng từ đời nhà Hán đã có Hà Thượng-Công soạn ra số *Tam-mệnh*, đến đời Nam-Bắc-triều có Đào Hoảng-Cảnh soạn ra bộ sách *Tam-mệnh-sao*, đời nhà Tống có Lâm Hiếu-Công soạn ra sách *Lộc-mệnh*. Đều là những sách để đoán số-mệnh cho người ta. Đại-đề số nào cũng suy tính âm-dương ngũ-hành sinh-khắc chế-hóa và tính theo chiêm-độ nhật nguyệt tinh thần, hợp với ngày sinh tháng đẻ, mà đoán số-mệnh giàu nghèo, sang hèn thọ yếu của mọi người. Có nhiều cách xem số nhưng về sau người ta thường hay dùng số Hà-lạc, số Tiên-định và số Tử-vi.

Số Hà-lạc dùng bát-tự : năm tháng giờ thuộc về can chi gì rồi tính theo số-mục mà ghép vào quái-hào trong Dịch mà đoán.

Số tiên-định thì tục truyền là Quí-Cốc tiên-sinh ở đời Xuân-thu soạn ra, có lập cục sẵn các ngày sinh tháng đẻ. Mỗi cục có mấy câu thơ thất-ngôn và

có mấy định-cách để đoán việc hay dở của người ta. Song những lời lẽ tầm-thường, ý-tứ thiên-cần, cho nên không mấy người dùng.

Số Tử-vi thì tinh-tường hơn các phép khác. Tục truyền là của ông Trần Đoàn đời nhà Tống đặt ra, nhưng không lấy gì bằng-chứng. Phép này phải theo địa-chỉ để phân dương-nam, dương-nữ, hay là âm-nam âm-nữ. Phân âm dương rồi phải dùng phép nạp-âm mà lập cục, để xem sinh vào cục nào trong ngũ hành, hoặc hỏa-lục-cục, hoặc mộc-tam-cục v. v.. Lập cục rồi phải an *thần*, *mệnh*, và phân cung. Phân cung xong, thì cứ lần lần mà an các vị sao cát-tinh, hung-tinh, v. v.. Phép đoán thì phải xem *mệnh* và *thần* đứng vào cung nào, rồi xét các vị sao chính-chiếu, hợp-chiếu, giáp-chiếu thế nào mà đoán mệnh hay dở.

Việc số-toán này có lắm điều huyền-hoặc lắm, đời trước các tiên-nho cũng đã có nhiều người không phục. Ông Đào Tiềm đời Đông-Tấn nói rằng: «Đặt nhân tiên, bất khả ngôn mệnh» Nghĩa là trước mặt người đặt lý không nên nói chuyện số-mệnh. Đời nhà Đường có ông Lữ Tài nói rằng: «Sách *Lộc-kinh* tức là sách số, cũng có khi ngẫu-trùng, cho nên người ta mới tin. Song xem như hàng-tốt ở đất Tràng-bình (hơn 40 vạn người) có phạm phải hạn tam - hình cả đầu, mà đến bị chôn cả. Những người phú-quí ở đất Nam-dương (28 tướng) có được cung lục-hợp cả đầu mà được vinh-hoa cả. Cũng có người niên-lộc giống nhau, mà quý-tiện khác nhau, thai-mệnh giống nhau, mà thọ yểu khác nhau, thế là đủ làm chứng rằng sách số không nghiệm.» Mấy lời phê-bình rất chính-dáng, nhưng đây là lời của những nhà Nho-học, chứ bọn đạo-sĩ sao chịu cho là phải được!

Xem tướng. — Phép xem tướng cứ như trong lịch-sử thì có đã lâu.

Đời xưa mỗi một ông vua lên trị vì là sử đã tả cái tướng lạ, như vua Nghiêu, lông mày có tám vè, vua Thuấn mỗi con mắt có hai con ngươi v. v.. Nhưng thật thì đến đời Nam-bắc-triều ông Đào Hoảng-Cảnh mới làm ra sách «Tướng-kinh». Về sau lại có những sách như *Mã-y-tướng-pháp*, *Liễu - trang - thủy - kinh*, *Vương - thị - phong - giám*, *Tướng - lý - hành - chân*, v. v., đều bàn về việc xem tướng.

Xem tướng thì nhiều, nhưng đại-lược thì xem bộ mặt, xem bàn tay, xem ngón tay và xem thân-thể trường, đoản, ẩn, lộ, như: ngũ-trường, ngũ-doản, ngũ-lộ, ngũ-tiêu, v. v..

Những sự tướng-số thì hiện nay còn nhiều người tin dùng, song có linh-nghiệm hay không thì không lấy gì làm chắc. Và lại những người chuyên về những nghề ấy thường lại là người học võ-vê nắm bảy phép để làm nghề kiếm ăn, cho nên thành ra không có giá-trị gì.

Phong-thủy. — Hiện bây giờ chỉ có phép phong-thủy ta thường gọi là phép địa-lý còn đang thịnh-hành lắm. Bất-kỳ ở đâu có cất đình dựng chùa, hoặc là làm nhà làm cửa, đề mồ đề mã, đều phải tìm nơi hình-thắng và chỗ cát-huyệt. Nơi nào đề lập nhà cửa thì gọi là dương-cơ, nơi nào đề mồ mã thì gọi là âm-phần. Tục vẫn cho dương - cơ tốt hơn âm - phần, nhưng thường thì không mấy người kén chọn dương-cơ như là phải tìm đất đề mồ đề mã.

Phép phong-thủy nghe đầu từ đời nhà Tần đã có một người Ân-sĩ soạn ra kinh *Thanh - nang*, đến đời nhà Hán thì có Trương Tử-Phòng soạn ra bộ *Bình-sa-ngọc-xích*, đời nhà Tấn có ông Quách Phác soạn ra *Táng - thư*, đời nhà Tống có ông Trương Tử-Vi soạn ra bộ *Ngọc-lũy-chân - kinh*, đời nhà Nguyên có ông

Lưu Bình-Trung soạn ra bộ *Kim-dầu - quyết - táng - pháp* v.v.. Phép phong-thủy truyền khắp mọi nơi. Nước ta có ông Nguyễn Đức-Huyền người làng Tả-ao, huyện Nghi-xuân, tỉnh Hà-tĩnh bây giờ, về đời nhà Lê sang học phép phong-thủy bên Tàu, trở về nước nhà, làm đất nổi tiếng lừng lẫy, đến bây giờ nói đến ông Tả-Ao là ai cũng biết. Sau lại có ông Hòa-Chính, người tỉnh Hà-nam bây giờ, đồ tiến-sĩ cũng sang Tàu học được phép phong-thủy có làm bộ sách để lại.

Phép phong-thủy thì phải phân-biệt hình đất, theo thủy, hỏa, mộc, kim, thổ. Phép đi tìm đất, trước hết phải tìm tổ-sơn, rồi dò theo long-mạch mà tìm huyết. Long-mạch có chỗ cao như gò đồng núi non thì gọi là âm-long, chỗ bình-dương thì gọi là dương-long. Chỗ nào có tụ khí tàng phong thì mới là chỗ huyết tốt. Chỗ sơn-cùng thủy-tận là nơi tuyệt-địa, tức là chỗ xấu.

Phép phong-thủy chia làm ba môn : một là « nhật-gia-học » thì tính về việc xem thái - dương chiền - độ để xem cái hành-độ của nhật, nguyệt, ngũ-tinh và nhị-thập-bát-tú, ngày giờ nào chiếu vào địa-phận nào rồi mới làm đất. Hai là « hình-gia-học ». Môn này thì chỉ xem hình đất mà làm. Ba là « pháp-gia-học ». Môn này thì chuyên về lý-khí, cốt phải tinh về âm-dương ngũ-hành. Phải phân-biệt cho rõ chỗ nào là âm, chỗ nào là dương, chỗ nào là kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Cốt làm sao cho sinh-khắc chế-hóa hợp độ mới được. Tuy rằng nhà phong-thủy giỏi phải tinh cả ba môn, nhưng ai biết một môn cũng làm đất được.

Giả-sử hỏi một nhà phong - thủy rằng : Xác một người đã chết chôn một chỗ, thì có quan-hệ gì đến sự

sinh-hoạt của một người còn sống làm ăn ở trên đời. Chắc là trả lời rằng : Người ta chịu cái di-thê của cha mẹ, hễ hài - cốt của cha mẹ mà được chỗ sinh-khí thì tất là có sự cảm-ứng, mà con-cái hẳn là được mát mẻ, nghĩa là huyết-mạch bao giờ cũng liên-can với nhau. Cái lẽ cảm-ứng ấy thì ngày nay ta chưa được rõ lắm. Mà tự đời trước đã có người không tin là có thực, như ông Lữ Tài đời nhà Đường nói rằng : « Đời xưa bói rồi mới chôn là vì sợ chỗ thành-thị, hoặc có thay đổi, hoặc có tuổi hay có đá ở dưới không thể biết trước được. Đời nay hoặc chọn năm chọn tháng, hoặc chọn đất là cho rằng những sự cùng hay đạt, thọ hay yểu, đều bởi sự bói-táng mà sinh ra. Xét lẽ cổ thì Thiên - tử, chư-hầu, đại-phu đều có định tháng để làm táng-lễ, như thế là cổ-nhân không có chọn năm chọn tháng gì cả. Trong sách Xuân-thu chép rằng ngày đinh - tị tháng chín thì chôn Định - công, phải trời mưa không chôn được, để lại ngày mậu-ngọ mới chôn, thế là ngày xưa không chọn ngày. Đời xưa cứ chọn ở phương bắc chỗ quốc-đô, thế là chôn mộ đã có chỗ nhất-định, chứ không phải chọn đất. » Ông Tư-Mã Ôn-công, tức là Tư-Mã Quang, đời nhà Tống, cũng dâng sớ xin nhà vua cấm hết sách phong-thủy, cho là sự càn-rõ làm cớ hoặc nhân-tâm.

Vậy phép phong-thủy thật khởi có từ đời nhà Hán trở lại, mà đến ngày nay thì phép ấy rất thịnh, ở bên Tàu và ở bên ta không có đâu là không tin dùng. Không biết kết-phát thế nào thì ta không rõ, nhưng cứ như bây giờ thì phép phong-thủy sinh ra nhiều sự mê-tin rất phiền cho người ta. Có nhà một ngôi mà đào lên táng xuống ba bốn lần. Người đã chết rồi mà một năm xương cũng không được yên. Lại ở

những nơi thôn-dã, hơi một tí sợ động long-mạch, thành ra lắm nơi sống ngồi không thông, mà không dám đảo, dường sá không tiện mà không dám đập. Sự lợi ở đâu thì không biết, mà sự hại đã thấy ngay trước mắt. Dầu có linh-nghiệm nữa, thì có phúc là có phần, hà-tất phải tìm tòi. Huống-chỉ xưa nay vốn là sự huyền-hoặc thật không đáng tin. Việc gì cũng cứ thẳng mà theo lẽ tự-nhiên là phải hơn cả.

Kể tất cả các thuật chiêm-nghiệm như đã nói trên kia, thì sự thực thấy có ít, mà sự hư có nhiều. Các nhà theo học về phái này cho việc gì cũng bởi lẽ âm-dương biến đổi, và ngũ-hành sinh-khắc chế-hóa mà thành ra, rồi lại lấy nhật nguyệt tinh thần mà phụ-họa thêm vào, lập ra những cái lý-thuyết rất mập-mờ không có cái gì là thật đích-xác. Vì sự mập-mờ ấy cho nên mới sinh ra lắm điều huyền-hoặc, lâu ngày thành ra lắm mối mê-tin, rất hại cho sự tiến-hóa của nhân-trí. Trong cái hại ấy phái đạo-sĩ có một phần trách-nhiệm rất to là vì những bọn ấy đem truyền-bá những sự huyền-hoặc, ra chỗ dân-gian, khiến cho người ta tiêm-nhiễm lấy cái thói càn-rõ, ngày nay khó lòng mà trừ bỏ đi được.

Đạo-giáo vốn có cái ảnh-hưởng rất to trong cõi Viễn-Đông này. Từ những cái tư-tưởng cao-kỳ rộng rãi, cho đến những điều tin-ngưỡng thô-thiển, và các mối mê-tin rất mê-hạ ở chỗ dân-gian, đều là phần nhiều ở trong Đạo-giáo mà sinh ra. Một cái đạo mà lúc mới khởi-phát ra thì thật là cao, mà rồi càng ngày càng sa thấp xuống,

đến nỗi biến đổi ra những sự tin-tưởng rất kỳ-quặc, như là phái thần-tiên, chỉ chủ lấy sự trường-sinh-bất-lão. Sự ấy dầu không bao giờ thấy thành công-hiệu, nhưng mà thiên-hạ cứ sùng-bái rồi mê-dắm vào những cái thuật huyền-ảo của những bọn đạo-sĩ giả dối, cốt để đánh lừa người ta mà làm cái mối lợi riêng cho mình. Tự vua quan cho chí dân-sự không mấy người là không mắc lừa, mà vẫn cứ tin dùng. Đạo ấy lại liên-hợp với những cái học-thuật mập-mờ viển-vông như cái học âm-dương ngũ-hành để gây nên những điều mê-tin thật là hại cho sự mở-mang.

Ấy là cái nguyên-ủy và cái kết-quả của đạo-giáo là thế, tôi đã cố sức kê-cứu cho tường-tận gốc ngọn để độc-giả biết rõ cái hay cái dở về đường tư-tưởng và tin-ngưỡng của người mình. Nước ta xưa nay chịu cái ảnh-hưởng ấy đã lâu, bây giờ đã thấm-thía vào tì vào não, chưa dễ một ngày đã dồi bỏ đi được. Nhưng cũng nên lưu-tâm mà tìm tòi, để biết cho đến nơi đến chốn. Những điều đó thành ra một cái vấn-đề : phải làm thế nào mà bỏ bớt được sự tin bậy tin nhầm và lại giữ được những điều hay của mình, để gây nên một mối học-thuật có ích-lợi cho sự tư-tưởng, sự tin-ngưỡng và sự tiến-hóa của người mình ? Cái vấn-đề ấy nay còn bỏ trống, để dành cho những học-giả mai sau này, ai là người lưu-tâm đến cái vận-mệnh tương-lai của chủng-loại mình, thì phải cố sức mà giải-quyết cho ra vậy.

TRẦN TRỌNG-KIM



HOÀI-NAM CA - KHÚC

(Thai-dương xứ-sĩ HOÀNG QUANG nguyên-soạn)

Tiếp kỳ trước

II

Tháng năm giáp-ngọ hưng-sự,
Lời thay phủ-việt, thơ-từ hồi-han (1).
Trách vì Trương đại chẳng khôn,
Bày kế hoảng-hồn đem lễ cáo-lao (2).
Mượn đường chẳng biết làm sao,
Rầy dẫu diệt Quốc, mai nào còn Ngụ (3).
Chẳng toan yếu đỡ nguy phù,
Cùng thuyền sao nữ gieo thù, hỡi ai ?
Những tin muôn dặm thành dài,
Đường trong đã mở đường ngoài lại
qua (4).
Bởi ta lại làm hại ta,
Nước mình mình đánh dễ hòa trách ai ?
Uổng lo mấy nén vàng mười,
Bảo-sơn đã đến, dễ rời về không (5).
Hạ-xa há sợ ý xung (6),
Biết ai đã hãm gian-hùng một Trương.
Bây giờ hết chước khôn lường,

Nỡ cho nước đến góc giường mới ngăn !
Nơi sương ví chẳng hay răn (7),
Xa lo thì dễ, họa gần nói chi.
Bây giờ thể đã thù-nguy,
Dầu Tôn Ngô (8) nữa chước gì hầu toan.
Há rằng chẳng có tài-nan (9),
Bình-thường chẳng đoái, nguy-gian mới
chiều.
Hiếm chi những hạng đồ điều,
Anh-hùng rầy đã lụy chiều cháo-rau
Bán quan tiền bạc bấy lâu,
Bây giờ một tướng mua hầu dễ ra.
Đường cùng mới biết độ xa,
Đốt thơ, chém sứ, ai họa thua ai.
Nên, hừ cho biết ý trời,
Để cam tội đánh đề cười muôn thu.
Bắc, nam bày trận Nhà-Hồ,
Danh thơm đã quyết một mô tướng-
quân (10).

(1) Năm thứ 25 đời vua Cảnh-hưng nhà Lê tháng năm, năm giáp-ngọ (1776), Trịnh-Sâm 鄭森 sai Hoàng Ngũ-Phúc 黃五福 đem binh vào giả-đò nói đánh giùm giặc Tây-sơn và trị tội quyền-thần là Trương Phúc-Loan, nhưng thực là có ý lấy Nam-hà.

(2) Khi nghe Hoàng Ngũ-Phúc kéo quân đến châu Bồ-chính (Quảng-binh) Trương Phúc-Loan sợ hoảng-hồn không biết bày kế chi, bèn sai đem rượu thịt ra khao quân Ngũ-Phúc.

(3) Nước Tấn 晉 mượn đường nước Ngụ qua đánh nước Quốc 虢, khi diệt Quốc xong, trở lại lấy Ngụ. Vì như quân Trịnh nói là đánh Tây-sơn, hễ diệt được Tây-sơn, rồi tất đánh lấy nhà Nguyễn.

(4) Hoàng Ngũ-Phúc tới Lũy-Thầy thông-muru với hai tướng giữ ải là Hoàng Văn-Bật, Lê Tử-Thành làm nội-ứng, rồi mở cửa ải cho quân Trịnh vào.

(5) Có tích rằng: Đi đến núi bảo-ngọc, hãm không ai chịu về tay không. Vì như quân Trịnh đã kéo vào, thì hãm vết sạch cửa-cải.

(6) Hạ-xa là xe tù. Khi quân Trịnh đến trường Nhà-Hồ (thuộc huyện Ninh-linh Quảng-trị), chướng-dinh là Tôn-Thất Hưởng và Nguyễn Cửu-Pháp bắt Trương Phúc-Loan bỏ vào xe tù đem nộp Hoàng Ngũ-Phúc để cầu hoãn-bình.

(7) Kinh Dịch có điển rằng: « Dãy lên sương thì biết rằng sắp đến lúc rét đóng văng, phải nên răn mà lo xa. »

(8) Là Tôn Tả, Ngô Khởi, hai người tướng tài giỏi đời Chiến-quốc.

(9) Tài nan 才難 nghĩa là khó có người tài.

(10) Tướng-quân là Thống-binh Chánh-đức-hầu đánh nhau với binh Trịnh tại trường Nhà-Hồ, bị thua, tử trận.

Trọng-dông hẳn đã sáu tuần,
Cuộc cờ Hán, Sở chưa phân một bàn.

Khéo toan ai dễ vụng toan,
Một ngày (1) cũng một lá gan anh-hùng.

Nào nhường Bái-đáp (2) tranh-phong,
Trắng non kiêu-kích, đỏ sông tình-kỳ.

Cho hay thời-vận bất-tề,
Sức trời mà chớ, hiểm chi sức người.

Anh-hùng thành bại dễ nài,
Hai-mươi tám tết đã rời chiến-tâm (3).

Mới hay chữ ngộ là lầm,
Trong thành cờ Triệu đã cầm tay

Lưu (4).

Một trường phú-quì phong-lưu,
Vật ngoài nào tưởng ái-tru nổi gì.

Dứt lòng lận-hận lão-kỳ (5),
Ở Mân đầu rồi, qua Kỳ cũng xong (6).

Chúa tôi mới quyết một lòng,
Tháng giêng mồng bốn thuận dòng
mới lui.

Đoái theo cảnh cũ ngùi-ngùi,
Nước pha màu biếc, non dờn thức xanh.

Bên trời, góc biển lênh-đênh,
Ngừng châu-hòa mực tả tình một chương.

Thơ rằng :

*Xuân hạ ăn chơi chẳng sớm lo,
Hết thu đông lại biết rầu cho.*

*Tâm lòng trời đất thương hay mối,
Nước mắt non sông khóc cũng no.*

*Chim Việt ngựa Hồ ngơ-ngáo đó (7),
Hươu Tần yến Tạ lạc-loài mô (8)?*

*Số là bỉ thái xưa nay vậy,
Hà dễ trong đời thiếu trượng-phu.*

Thơ thôi khôn lấp nỗi thương,
Giữa đường gánh bồng dứt quang một
mình.

Muôn dân bỏ lại bao đành,
Cơ chi nhảm-mớ dứt tình cũng theo.

Gấm hờn phô chúng tôi yêu,
Khi bình thấy chúa, khi nghèo thấy ai.

Nặng bầu bạc nén vàng thoi,
Nhẹ thuyền trung-ái giữa vời lênh-đênh.

Nỡ nào bỏ chúa cho đành,
Nước đầu hầu rửa nhơ danh muôn đời.

Áo ai mặc hãy ấm hơi?
Cơm ai no dạ ăn rồi lại quên?

Cầm lòng bội-bạc sao nên?
Đặng đường ngoài, lại bỏ miền đường
trong (9).

Nào khi châu-chực màn rờn,
Phấn vua giời bén đậm-nồng duyên tôi.

Bây giờ phân rẽ đôi nơi,
Thuyền không đề chúa giữa vời cùng ai?

Nào khi cật thế nhờ hơi,
Coi mình tiên rồi, coi người giống chi.

(1) Chữ ngày có bản chép là chữ người.

(2) Khi đạo-quân đông ở trường Nhà-Hồ bị thua, lui vào đóng ở Bái-đáp, thuộc Quảng-trị

(3) Đến sau quân Trịnh đánh vào hống lâm, đạo quân Bái-đáp thua; ngày 28 tháng chạp, quân Trịnh vào lấy kinh-đô Phú-xuân.

(4) Khi Hán Tín đánh phá nước Triệu, sai quân lên thành nhỏ cờ Triệu, lập cờ nhà Hán (họ Lưu).

(5-6) Khi kinh-đô bị hãm, Tả-quân Nguyễn Hữu-Du rước đức Hiếu-dinh, chạy vào Quảng-nam, các kỳ-lão không nỡ dứt lòng, đi theo đông lắm; cũng như thừa trước ông Thái-công nhà Châu ở đất Mân, bị mọi lã, bỏ Mân qua đất Kỳ, nhân-dân đi theo đông lắm.

(7) Cổ-thi: « Việt điều sào nam chi 越鳥巢南枝, Hồ mã tề bắc phong 胡馬嘶北風 » nghĩa là chim Việt hay đậu cành nam, ngựa Hồ hay rống gió bắc, là có ý nhớ nước.

(8) Nhà Tần mất nước, vì như con hươu sông, không biết về tay ai. Chim yến hay làm tổ ở nhà các quan, như nhà họ Tạ-An ở nước Tấn, đến khi loạn thì bay đi hết, cũng như là dòng-dôi nhà các quan không biết trốn đi đâu.

(9) Khi vua chạy rồi, các quan quân ở Phú-xuân, nhiều người đầu hàng với giặc.

Bây giờ nghèo lại bỏ đi,
 Làm sao cho phải thừa nghi tôi con ?
 Nào khi nương-tựa quyền-môn,
 Minh vương hiệp chúng, gõ tròn lãn dân.
 Bây giờ phụ nghĩa quên ân,
 Lê đâu bỏ gánh quân-thân giữa đường ?
 Nào khi bỗng dờ yêu đương,
 Thân mình đặng cậy, họ hàng đặng trông.
 Bây giờ hoạn-nạn lại vong,
 Những toan của lấy, nào mong nghĩa đền.
 Nào khi tôi chúa phỉ duyên,
 Cả cơm ai sánh, lớn tiền ai đương.
 Bây giờ bỏ chúa giữa đường,
 Ầi Vân (1) nguy-hiểm biết đường thế nào.
 Khi bình tìm tới lao-xao,
 Đến khi loạn-lạc thì nào thấy ai.
 Ví dầu chúa chẳng sang vơi,
 Đạo tôi há chẳng mang lời bất-trung.
 Gương chẳng soi lấy Đinh-công (2),
 Phán làm tôi Hán, tin dùng những chi?
 Mấy người bạc-nghĩa vô-nghĩ,
 Trước sau rồi cũng làm bia đề đời.
 Chúa mình, mình chẳng ngay thờ,
 Biết lòng chúa khác có ngờ hay tin ?
 Lê thời nợ nước lo đền,
 Thấy nghèo liều mạng mới nên anh-hùng.
 Có đâu đương thừa bạo-bùng.
 Ba-đạo thuyền chúa bỏ không ai chèo.
 Hồ sinh với đảng bọt bèo,
 Phận hèn chưa đặng giúp nghèo tắc công.
 Lụy châu muôn giọt ròng-ròng,
 Lại dâng ba lạy đưa lòng một thơ.

Thơ rằng :

Gây loạn vì ai khéo cớ trên,
 Ấu-sung xui chúa phải cơ nghèo.
 Lênh-dênh sự-nghiệp thuyền không lái,
 Tan-tác vua tôi gió thổi bể.
 Mấy dặm giang-sơn sầu ngóng đợi,
 Hòa nghìn hoa cỏ thảm châu theo.
 Dưới cờ may dặng xoay tay tổ,
 Con giặc tới loạn quốc hân thù.

(1) Là cửa ải Hải-vân.

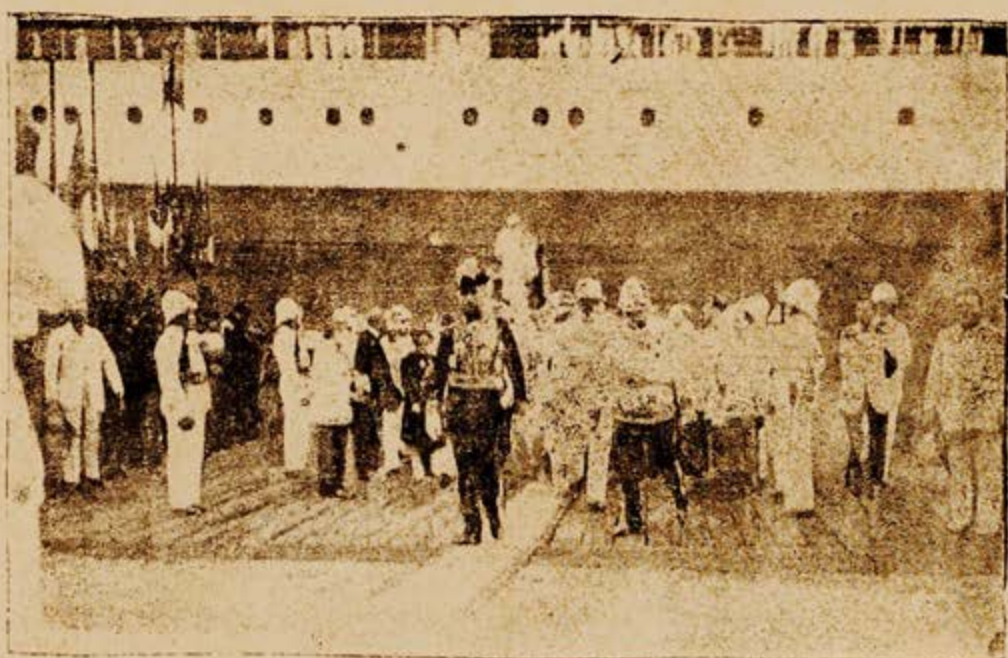
(2) Đinh-công làm tôi vua Hán Cao-tổ, mà mang lòng bất-trung.

Thơ thôi chạnh tưởng bơ-vơ,
 Một mình thân chúa ấu-thơ biết gì.
 Ầi Vân thăm-thăm ra đi,
 Biết ngày nào lại trở về kinh-đô.
 Nỡ tham chốn khác quê mô,
 Xui cho chim Việt ngựa Hồ sao nên.
 Giang-sơn một gánh xuống thuyền,
 Cơ-đỡ để lại giữa miền Phú-xuân.
 Kêu sầu mấy tiếng trống quân,
 Nào còn nhạc rồi đòi lẫn như xưa.
 Cầm-cung là chốn vua ta,
 Kia gươm ai dựng nọ cờ ai treo?
 Cửa khé lấy hết bao nhiêu,
 Ấy rơm thay bạc, ấy rêu thay tiền.
 Than rằng gác phụng đài tiên,
 Chớ nào hương xạ bỗng liền tanh hôi?
 Bồn bề nhạc ngựa, chuồng voi,
 Kia cung đế-tử, nọ chòi chinh-phu.
 Lạnh-lùng tám cảnh năm lâu,
 Phòng-hương đóng thắm, rèm châu rủ hờn.
 Mến lòng, vật hãy cảm ơn,
 Hạc ngâm cung oán, ve đồn khúc ai.
 Khôn chiều gió tối mưa mai,
 Phủ-tàng ngồi lở lâu-dài giá tan.
 Trên người khiến cảnh đeo hờn,
 Đào phai má thắm, liễu sồn mây xanh.
 Chông gai nẻo khuất đường quanh,
 Thấy đồn cùng lũy, nào thành thừa xưa?
 Chạnh lòng tưởng nỗi bơ-vơ,
 Trăm năm khôn nói, một thơ tả-tình.

Thơ rằng :

Chúa cách Vân-quan đã bấy lâu,
 Thành vàng ai nữ chất thành sầu.
 Lạnh-lùng đỉnh bắc sương ngàn dặm,
 Chẽch-mác lầu tây nguyệt nửa cầu.
 Sáu viện đeo sầu hồng ủa sắc,
 Chín cung để thắm gấm phai màu.
 Cửa kho đèn nguyệt đã thấu kể,
 Còn chút chòm sao gợn bóng châu.

Việc nghênh-tiếp quan Toàn-quyền Merlin



Gliché S^r Photographique

Quan Toàn-quyền Merlin khi mới ở trên tàu
André Lebouat xuống ở bến Sài-gòn



Gliché S^r Photographique

Quan Toàn-quyền Merlin cùng với quan Phó Toàn-quyền Baudouin
đi vào Phủ Toàn-quyền ở Sài-gòn

Thơ thôi buồn tưởng một mình.
Đoạn-trường trắng biết, sự-tình trời
hay.

Ai làm đá nát vàng phai,
Ủ-ê nào thấy lâu-đài như xưa.
Miếu-đường đôi chốn lơ-thơ,
Vò hương chềch - mác bàn thờ ngã-
nghiêng.

Tâm vi thánh hầy còn thiêng,
Phù-tri ai nữ phụ-thiên cháu con.
Vi dầu Tân-chúa chon-von,
Vái trời xin hộ Hoàng-tôn sau này.
Hai trăm mười bốn năm chầy,
Dựng nên cơ-nghiệp đề rày ai ăn?
Tấm lòng man-mác khôn ngăn,
Dàng lên trước miếu một văn cáo rằng:

Kính mặt đức Tiên-vương :
Non Lam trổ ngọc, nước Việt tuôn vàng.
Thần cùng Trịnh trong điều mạch nước,
Tôn họ Lê trên chánh ngôi vương.
Thệ đều dạ ái-ưu, Hồ Việt tưởng một
nhà lạc-tiệc;

Tư vì ai hấn-khích, Lưu Hạng nên trăm
trận chiến-trường.

Hai chốn Bắc Nam mới cũ, sáu năm
Thanh Nghệ lại sang.

Thương sinh-dân gỏi tuyết, năm sương,
ngoài mới triệu về chư-lương;

Thủ Bô-chánh ngăn thành, đắp lũy;
trong bên an trị bốn-phương.

Tâm đời Thánh đời truyền đức-giáo;
hai trăm năm sửa trị triều-cương.

Nại từ ấu-tử lên ngôi, giởng Thang rồi
đã đánh vua Giáp (1).

Thêm lại quyền - thần phụ - chánh, lộ
Nguyễn suy cầm giặc họ Trương.

Ngoài đã một sáu lê-thứ; trong thêm cả
thịt họ-hàng.

Ong bên đây Tây-sơn, thế đã khiến ba
phân chân vạc;

Hầm lại găm ải bắc, lộ bỗng tàn sáu miếu
khôi-hương.

Thế cheo-leo Nguyễn-tự nửa tư; linh biết
chẳng ỏi liệt-thành!

Rày xui khiến Hạ-đồ một mối; kéo còn
hồ với Thiệu-Khang (2).

Ngõ một thừa lại vầy cơ hội; dựng muốn
năm cho sáng miếu-đường.

Nay cáo

Vái thôi nhiều nỗi băng-khuàng,
Trời cao có biết thấu chẳng nữa là?
Uồng sinh làm hại nước nhà,
Ngâm hờn quốc phó bút hòa nên thơ:

Tôi giặc ngâm hờn đũa họ Trương,
Lâm chợ trăm họ khôn ghê đường.
Cây Lương (3) dòng ngoại lẫn tiên-chúa,
Giả Hoắc (4) màu trung lập tự-vương.
Bán nước tiền ròng xây cánh tả,
Buôn dân vàng diễm chất Phần-dương.
Hai triều tể-tướng công chi nở?
Luống dựng xe tù tới bắc-hoang.

Thơ thôi nỗi giận khôn nguôi,
Đoái trong sự-nghiệp bơ-vơ lại buồn.
Cầm xưa tôi dựng nước non,
Nước non hầy còn, tôi ấy đi đâu?

Vội trông Thuận-hầu, Chiêu-hầu (5),
Miếu thờ còn đó, điều sáu một thiên:

Danh sáng dài Mây đã mấy đóng,
Có nhân đường hầy sống hai ông.
Chiêu hàng quận Nghệ cờ Hàn-Tin,
Quyết thắng thành Nam thế Tử-phòng (6).

(1) Là vua nhà Thương, còn ít tuổi, làm rối-loạn cả giởng-mối vua Thang.

(2) Thiệu-Khang chỉ có một đội quân mà khôi-phục được nhà Hạ.

(3-4) Trương Phúc-Loan cây mình là họ ngoại nhà vua như là họ Lương; lại giả cách làm bộ trung như Hoắc-Quang giúp vua Chiêu-đế nhà Hán.

(5) Thuận-hầu là Nguyễn Hữu-Tiến 阮有進. Chiêu-hầu là Nguyễn-Hữu-Dật 阮有懿 là hồ-tướng Nam-triều, mở đất ra đến sáu huyện Nghệ-an.

(6) Trương-Lương đặt thế mưu tính mà quyết thắng được ngoài nghìn dặm.

Một mối dốc thân về cõi ngoai,
Hai trăm há nguyện ở đàng trong.
Tờ đầu nổi dặng binh-quyền ấy,
Rũ hồ xin vì kẻ chín sông.

Thơ thôi đã vái lại nguyện,
Bao giờ như cũ hiệp-duyên quân-thần.
Than rằng thiên-hạ phân-vân,
Lấy ai chứng-nịch cứu phần (1) dân ta.
Chúa đi chúa chẳng nài xa,
Bao nhiêu phép tốt nước nhà đem theo.
Thấy chi những sự bấu yêu,
Thấy sự khó nghèo để lại cho dân.
Ngùi-ngùi thấy cảnh Phú-xuân,
Ngụ-tình bèn tả năm văn nên thơ.

Thơ rằng :

Cơ-nghiệp hai trăm hưởng có thừa,
Tưởng thời cơ-nghiệp lụy đường mưa.
Non sông cảnh-vật còn như cũ,
Thành quách nhân-dân đã khác xưa.
Tưởng dấu đồng-đà (2) nhìn bát-ngát,
Ngâm thơ Thử-tắc (3) chạnh bơ-vơ.
Đi về nghiệm hẳn như lời hát (4),
Xuân lại hoàn xuân thấy bấy giờ.

Thơ thôi lòng hãy ước mơ,
Phủ Hà, huyện Tống bao giờ lại
xuân (5).

Cơ-hàn cực nỗi muôn dân,
Gạo mua bạc nén, cá cân liền đồng.

Một ngày ví bằng ba đông,
Muôn ngàn cũng hết tay không thế
nào ?

Gạo ăn cũng vì trời cao,
Một tiền một cáp gạo sao cho đầy.
Nghĩ nào ăn dặng nuốt cay,
Năm tiền chưa dặng dơm đầy bát cơm.
Hương hoa hưởng lấy mùi thơm,
Ước ăn no dạ biết làm chi ra ?
Bao nhiêu súc-tích của nhà,
Ngàn vàng mua sống miễn qua một
ngày.

Gần xa triu-triu châu mây,
Một năm nào thấy đông tây tiếng cười.
Xiết thương Hà-nội lưng vời (6),
No chi hầu lại khiến đời Hà-đông (7).
Cheo-leo đường trưng non chồng,
Khác người Quảng, Huế, một lòng chua
cay.

Đã cam hột gạo mua nài,
Nào no xưa, thấy đói rầy dề-duôi.
Cách sông hờn thăm mấy thôn,
Khói tiêu trăm bếp bụi hun muôn nồi.

Vực còn dễ khiến xao bồi,
Bèo tan thân-thế, thuyền trôi ân-tình.
Kêu tường luống thấy yển-anh,
Cổ loạn thị-thành rêu lấp thôn-gia.

Đường đi nào thấy người ta,
Chim là trăm họ, cỏ là muôn dân.

Cơm chan nước mắt mà ăn,
Thân người nào khác ví thân muông-
mèo.

Lỡ đời tằm mẩn làm yền,
Khi mua đứng bóng xé chiều dặng
đầu.

(1) Nghĩa là vớt kẻ bị đắm, chữa người bị cháy.

(2) Đời nhà Tấn đức con lạc-đà bằng đồng để ở trước cửa triền-đường, đến khi mất nước, chỗ con đồng-đà đứng bỏ rườn cả.

(3) Ông Vi-Tử khi đi qua cố-cung nhà Thương, thấy chỗ ấy lúa thừ lúa tắc mọc rườn-rả cả, cảm-tình mới làm bài thơ Thử-tắc.

(4) Thừa ấy có câu hát rằng: « Nguyễn đi thời Nguyễn lại về, chúa Trịnh mất nước vua Lê hãy còn ».

(5) Là phủ Hà-trung, huyện Tống-sơn, thuộc tỉnh Thanh-hóa, là chỗ Nguyễn-triều phát-tích.

(6-7) Vua Huệ-vương nước Lương hết lòng với dân, hễ đất Hà-nội mất mùa, thì đời nào ra Hà-đông, ý đây là nói dân bấy giờ bị mất mùa bị đói khát không đời đi đâu được.

Lọ là củi quế, gạo châu (1),
 Ấy khoai là bạc, ấy rau là vàng.
 Thiết thân đói khát trăm đang,
 Nào ai có biết hồ-hang lẽ gì.
 Cha con cũng bỏ nhau đi,
 Vợ chồng nào tưởng xướng-tùy là đầu.
 Há rằng tình chẳng thương nhau,
 Nhất-chiều bất-thực có câu vô-nghĩ (2).
 Kể nào gắngặng đứng thì đi,
 Vong-hương thất-thổ quản gì tấm thân.
 Kể nào già yếu lở-lăn,
 Bã dành thác trẻ ngã lăn rãnh ngòi.
 Đói lân nhọc cốt, nặng hài.
 Người ăn thịt người, trời đất thấu chăng!
 Sinh-dân vì chẳng đạo hằng,
 Lộn đời súc-vật, thì rằng cho hay.
 Ai làm nên nổi nước này,
 Non xương chất thắm, dòng thây trôi
 hờn.

Có ai hầu lại phong-phần ?
 Đường rêu ấy táng, suối dờn ấy đưa.
 Có ai hầu lại phụng thờ ?
 Hương tàn ấy chớp, đèn lơ ấy trắng.
 Có ai hầu lại than rằng ?
 Mưa hăng tuôn lụy, gió hăng kêu oan.
 Có ai hầu lại quách-quan ?
 Dưới phân bưng cá, trên tan mỡ diều.
 Thác thì ra đất dã liều,
 Sống gấm nhiều điều thực khó nói
 năng.

Thác yên, sống dã thuận chăng ?
 Vì ai nên nổi bất-bằng hơi ai ?
 Cơm ăn nào hồ ta-lai (3),
 Bền mê đều đắm lòng người khá
 thương.

Nào còn thói cũ phong-quang,
 Ăn lông mặc lá, đợi đường Hồng-
 móng (4).

Đắng cay ai biết trong lòng,
 Dặt-dờ thân lại lạnh-lùng ấm thân!
 Đói trong thiên-hạ mười phần,
 Cơ-hàn hết chín, giàu ăn mấy người ?
 Sự ăn còn hãy chưa nguôi,
 Than rằng sự mặc ngủi - ngủi thêm
 thương.

Ba đông đã lạnh thấu xương,
 Chẳng thà vải trắng mà vàng lại xen (5).
 Hồn-hào nào biết sang hèn,
 Đẳng lành bỏ bả, phỉ nguyện gấm thêu.
 Ai chê kẻ khó người nghèo,
 Ghét dơ thì chớ thuyền chèo hạ-lưu.
 Bơ-vơ sự thế thêm sầu.
 Thấy phở sự khóc, thấy đau sự cười.
 Cô-hồn thương hơi chúng người,
 Nỗi hăm-oan ấy, mấy đời cho tiêu.
 Ngọn hương giải-thoát ai thiếu ?
 Dòng mê ai vớt lên đèo từ-bi ?
 Thương tình hầu dễ có chi,
 Kính dâng ba chén tạm vì một văn :

Hỡi ôi !

*Sống thác dã hay rằng phận; ung thà ung
 cho hết thừa nhân-tinh.*

*Cơ hàn cực nổi thiết-tha; trách bấy trách
 lắm khi loạn-lạc.*

Nhớ chúng cô-hồn xưa :

*Trăm thợ trở-tràng, ngàn năm xây lạc.
 Quảng-nam trời đất rộng, để ai dành
 phong-nguyệt sinh-nhai (6).*

*Thuận-hóa nước non thanh, mệ vui tấu
 giang-sơn đồ-mạt.*

*Trời xuân đã thấu lên dài; cõi thọ đến
 mừng đến vực.*

*Những tưởng nghèo cho yên phận nghèo,
 khó cho yên phận khó; ngộ nhờ bốn thú làm
 ăn.*

(1) Nghĩa là củi đất như quế, gạo đất như hạt châu.

(2) Có câu: « Nhất chiêu bất thực, phụ tử vô nghi. — 一朝不食。父子無儀. »

(3) Ta-lai 嗟 來 nghĩa là gọi đưa ăn mày « hơi hơi lại đây » rồi cho mà ăn, nhưng có người không thêm ăn.

(4) Là đời thương-cổ hồng-hoang.

(5) Ý là nói mặc áo vải trắng rách, bày đa vàng lộ ra.

(6) Lấy sự trắng gió làm sinh-nhai mà chơi.

Chẳng hay vận khéo xui rồi vận, thời khéo xui rồi thời; đoái thấy bốn bề nổi giặc. Cảm thương không xiết nỗi thương; đều thác chẳng yên phận thác.

Hoặc ở chiến-trường mà nhâm trong kiếp-lược; thăm chưa tàn ngọn lửa Tây-sơn.

Hoặc sa trận-thể mà lụy phải tồi-tàn; sâu còn đợi lưới gươm Bắc-tặc.

Hoặc chịu cơ hàn mà cả trách trời xanh; hoặc đã muối dưa mà chẳng qua ngày bạc.

Trời gành tấp bãi; thấy oan khắp bến lênh-dênh;

Bỏ quán nằm cầu; xương trắng đầy đường ngan-ngát.

Hồn còn chôn bụng cá, lòng sông; phách hãy dọi chân điều, mỏ ác.

Cốt-hài rơi hãy đó, luống đeo sầu ngọn cỏ, hạt sương.

Thân-thích đoái còn ai? hầu phi dặng vu hương, bát nước.

Phải ta dặng cùm cớ Cáp-Âm (1), tha chịu tội kiều-chiếu mà phát kho;

Phải ta dặng phò giá Võ-vương, cũng tán của Lộc-dài (2) mà làm phước.

Kẻo chịu gió lồi phất-phơ; kẻo chịu mưa mai lác đác.

Ôi, Một thừa đời đời, nghìn năm chềch mác.!

Thang bắc-loạn, kham trách họ Trương; cớ xướng-ngiã ngâm hờn thảng Nhạc.

Dau lòng không ráo mắt; thấy xương da bỏ chốn rãnh ngòi;

Ngưng trán đồ mồ hôi; không quan-quách phải dùng bó vác.

Đất một thôi, đem vầy phong-táng; lửa-lồ kia kẻo thấy chẳng đành;

Rượu ba tuần, rầy tạm lễ-nghi; anh-linh nữa xin nguyên thỏa-chước.

Nay cáo.

(còn nữa)

KHẢO VỀ CÁC LỐI VĂN TÀU⁽³⁾

IV

7. — Thề văn truyện trạng

Truyện nghĩa là truyền, là làm truyện đề truyền cái sự thiện ác hay dở của một người nào, đề lưu-truyền về muôn đời, đó là thuộc về việc người làm sử; về sau này những nhà văn-nhân học-sĩ cũng thường bắt-chước làm ra. Hoặc gọi là Gia-truyện là truyện của một nhà tư-gia. Hoặc chép đại-lược thì gọi là Tiếu-truyện. Hoặc chỉ thuật lại những truyện dật-sự thì gọi là Biệt truyện, hay gọi là Ngoại-truyện, đó đều là tùy theo

thề văn mà gọi tên vậy. Hoặc người bảo rằng không phải nhà làm sử thì không nên vì người làm truyện, tưởng cũng không phải. Thề văn Trạng thì đã thấy ở trong thề văn luận-biên, mà về loài văn thư-độc cũng có tờ trạng, loài văn tấu-nghi cũng có bài trạng, đây thì lại là một bài Hành-trạng, hoặc gọi là bài Sự-trạng, khác với thề văn Truyện. Thề Truyện thì có khen có chê, thề Hành trạng, thì bởi tay người thân-bằng hoặc kẻ tử-dệ làm ra, chỉ thuật chép những điều gia-ngôn ý-hạnh của

(1) Cáp-Âm khi vâng chiếu vua Võ-đế nhà Hán đi sứ, thấy dân đói, kiều từ chiếu mà phát kho thóc cho dân.

(2) Vua Trụ nhà Thương chứa của ở kho Lộc-dài, khi Võ-vương đánh lấy, phát kho ấy cho dân.

(3) Xem Nam-Phong từ kỳ 72.

người trước, còn điều gì phải kiêng kỵ thì không phép đến nữa, cho nên khác với thể *Truyện*. Phạm thuộc về loại văn *Truyện* *Trạng* chia ra có 12 mục: *truyện* 傳, *gia-truyện* 家傳, *Tiểu-truyện* 小傳, *Biệt-truyện* 別傳, *Ngoại-truyện* 外傳, *Bổ-truyện* 補傳, *Hành-trạng* 行狀, *Hợp-trạng* 合狀, *Thuật* 述, *Sự-lược* 略, *Thế-gia* 世家, *Thực-lục* 寔錄.

1) *Truyện*. — Phạm các bậc danh-công cự-khanh, trong sử-quán đều có làm *truyện*, song cũng không được đủ. Còn những người có sự-nghiệp hiển ở đời, thì thường chép ở những bài *Thần-đạo-bi*, *Mộ-chỉ-minh*, cũng không *truyện* được rộng. Chỉ có những nhà văn-nhân học-sĩ làm ra thể *truyện* để biểu-giương những điều tiềm-đức của các bậc sĩ-phu những nét u-quang của các năng-khuê-các, thì làm thể văn *Truyện* rất là tuần-vĩ khá *truyện*.

2) *Gia-truyện*. — Từ đời Tần, Hán trở lại chưa thấy có thể văn *Gia-truyện*, mới thấy có ở trong *Đường-thư* về mục *Nghệ-văn-chi*. Từ đời Tống, Nguyên trở về sau mới hay làm thể văn ấy.

3) *Tiểu-truyện*. — Mới thấy ở trong văn-tập Lý Nghĩa-Son. Người đời nay biên-tập các bài thi-văn có lược kể cả họ tên người tác-giả và quan-tước thế nào, hương-quán ở đâu, đó cũng là một *tiểu-truyện*.

4) *Biệt-truyện*. — Người nào đã có làm thành *truyện* rồi, lại biệt đem một vài việc khác làm *truyện* riêng để bổ những sự di-dật, thì gọi là *Biệt-truyện*.

5) *Ngoại-truyện*. — Thể văn *Ngoại-truyện* cũng hơi giống như *Biệt-truyện*, các nhà *Tiểu-thuyết* thường hay làm thể văn ấy, như là: *Phi-yến ngoại-truyện văn-vân*.

6) *Bổ-truyện*. — Nghĩa là làm bổ thêm những *truyện* cổ-nhân chưa kịp làm, hay là có rồi mà mất đi, thời người sau làm bổ thêm vào, như là *Thúc Quảng-Vi* làm *thơ* bổ-vong, *Chu Tử-dương* làm một *thiên* bổ vào *thiên* *Đại-học* cách-trí, thể văn *Bổ-truyện* cũng là phỏng ý ấy.

7) *Hành-trạng*. — Thời nhà Hán chỉ gọi là *Trạng*, như là *Hồ Cẩn* làm *bài* *trạng* *Dương Nguyên-Eá*. Từ đời *Lục-triều* trở về sau gọi là *bài* *Hành-trạng*, là thuật lại những đức-hạnh của người đã qua đời và quan-tước hương-quán cùng niên-nguyệt nhật về lúc sinh lút mất.

8) *Hợp-trạng*. — Cũng như nghĩa *hợp-truyện* là làm chung một *hành-trạng*.

9) *Thuật*. — Là ngoài thể *truyện* ra lại thuật việc lại để làm ra lời tán.

10) *Sự-lược*. — Kể đại-khái những việc thừa bình-sinh của một người nào.

11) *Thế-gia*. — Các nhà làm sử thường chép thể *gia* liệt ở trên thể *truyện*, sáng-thủy ra là *Tư-Mã Thiên*. Song không cứ là tự tay các nhà sử-thần làm ra, xem trong các văn-tập đều thấy có cả.

12) *Thực-lục*. — *Hàn Xương-Lê* mới làm ra bài *Thực-lục* vua *Thuận-tôn*. Nay có đặt ra quán *Thực-lục* chỉ để chép việc *Thiên-tử*. Song *Lý Tập-Chi* người đời *Đường* có làm ra một *thiên* *Hoàng-tổ-thực-lục*, chỉ chép việc các đời tiên-thế, cũng là sáng-kiến.

8. — Thể văn bi-chí

Cổ-giả mai-tàng thường dựng cột đá ở bốn góc huyệt, để làm chỗ đặt trục giòng dây để hạ quan; hoặc xây bệ để lấy chỗ cúng tế, đều không có đề chữ-nghĩa gì cả. Người đời sau mới khắc chữ vào đó, từ đấy mới thành ra thể văn bia, phần nhiều là làm ra đề

ghi chép công-đức. Hoặc dùng để ở trên mộ thì gọi là *Mộ-bi*, hoặc gọi là *Mộ-biêu*, hay là *Mộ-kiệt*. Dựng ở bên cạnh đường mộ đạo thì gọi là *Thần-đạo-bi*. Chôn ngầm ở dưới huyết thì gọi là *Mộ-chi*, *Mộ-chi-minh*, *thoảng-chi* hay *khảo-chi-minh*. Điều-thị thì bảo rằng phạm lập ở trên mộ hay là chôn ở trong huyết đều gọi là bài *Chi* cả. Song xưa nay các văn-gia đều chia *bi* với *Chi* ra làm hai thể văn. Phạm thuộc về loài *bi-chi* chia ra có 15 mục: *Bi* 碑 *Bi-ký* 碑記, *thần-đạo-bi* 神道碑, *Bi-âm* 碑陰, *Mộ-chi-minh* 墓誌銘, *Mộ-chi* 墓誌, *Mộ-biêu* 墓表, *Linh-biêu* 靈表, *Khắc-văn* 刻文, *Kiệt* 碣, *Minh* 銘, *Tạp-minh* 雜銘, *Tạp-chi* 雜誌, *Mộ-bản-văn* 墓版文, *Đề-danh* 題名.

1) *Bi*. — Văn bia mới từ cuộc đời Tây-Hán mà thịnh ở đời Đông-Hán. Trên tất có bài tự, cũng có khi không làm tự mà chỉ làm bài minh, nguyên không có định-chế nào. Song chỉ gọi là *bi* thì không có bài *Minh* cũng được; nếu gọi là *Bi-Minh* thì là phải có bài *minh*.

2) *Bi-ký*. — Phạm cuối bài *bi* mà không có đặt lời vận-ngữ thì tức là *Bi-ký*, cũng có bài *Bi-ký* cuối-cùng lại hệ thêm bài *thi-minh* nữa, đó lại là một biến-thể.

3) *Thần-đạo-bi*. — Hai chữ *Thần-đạo* thấy ở trong sách *Hán-thư* hoặc *Quang-ruyện*. Đời Hán có bài: *Cổ-thái-ủy Dương-công-thần-đạo-bi* ở trong *tập-cổ-lục*. Hoặc chỉ gọi là *Thần-bi*, như là bài *Trương-công-thần-bi*, đó cũng là gọi khác tên đấy thôi, kỳ-thực *Thần-bi* cũng là *Thần-đạo-bi*.

4) *Bi-âm*. — Nghĩa là khắc chữ ở đằng sau bia, nên gọi là *bi-âm*. Song chỉ lược kê sự-thực cũng hơi giống như *bi-ký*, hoặc chỉ ghi lấy cái năm tháng lập-bia mà thôi.

5) *Mộ-chi-minh*. — Cỗ-giả mai-táng lo về sau gặp phải lúc lãng-cốc biến-thiên, người sau không biết là mộ của họ nào, nên mới làm bài *Mộ-chi-minh*, mà dựng ở dưới huyết, để cho ngày sau biết mà khảo-cứu. Lời văn *chi* cũng giống như lời văn chép truyện, thể văn *Minh* cũng có văn giống như thể thơ. Duy cỗ-giả đã có bài *chi* rồi thì bắt-tất phải hệ thêm lời *Minh* nữa; đã có bài *Minh* rồi thì bắt-tất phải làm bài *chi* nữa; hoặc có khi đều đủ cả bài *Chi* bài *Minh* nhưng là hai người làm, khác với thể văn đời nay là thế.

6) *Mộ-chi*. — Chữ *Chi* 誌 cũng có khi làm chữ *Chi* 志. Triệu Âu có dẫn truyện chép tang đức Không-tử, thì Công-Tây Xích có làm bài *Chi*, tang ông Tử-Trương, thì Công-Minh Nghi làm bài *Chi*, đó là khởi-thủy làm ra *Mộ-chi*, nhưng không khá như *Mộ-chi* bây giờ. Thể văn *Mộ-chi* bây giờ khởi ra từ đời Đông-Hán sau thể văn *Mộ-minh*.

7) *Mộ-biêu*. — Là tờ cái nghĩa biểu đi, xưa nay tương-truyền gọi là cột Hoa-biêu 華表. Đời Tây-Hán có cái *Mộ-biêu* của Cố-yết-giả Cảnh-quân, thực là rất cổ.

8) *Linh-biêu*. — Cũng tức là *Mộ-biêu*, thấy chép ở trong tập văn của Sái Bá-Giai.

9) *Khắc-văn*. — Là mài vách đá ở sườn núi mà khắc chữ vào để kỷ-công.

10) *Kiệt*. — Cũng giống như *bi*, các nhà thợ đá bảo rằng cái nào đầu tròn là *bi*, đầu vuông là *Kiệt*. Song những cái cổ-kiệt truyền lại cũng thường giống như *bi* cả, thế thì cái thuyết vuông tròn cũng chưa chắc đã phải.

11) *Minh*. — *Minh* là vốn xưa làm bằng đồng, sau mới đổi làm bằng đá cũng gọi là *Minh*. Xét văn-thể thì thể

ăn *Chém-minh* ra trước, mà thẻ văn *Bi-minh* mới ra sau.

12) *Tạp-minh*. — Ngoài thẻ văn *Mộ-chi minh* ra, lại còn *Khoảng-chi-minh*, *Quyền-thổ-minh*, *Biếm-thạch-chi-minh*, vân-vân, tổng-danh là *Tạp-minh*.

13) *Tạp-chi*. — Ngoài *mộ-chi* ra lại còn *khoảng-chi*, *quyền-thổ-chi*, *biếm-thạch-chi*, vân vân, tổng-danh là *Tạp-chi*.

14) *Mộ-bản-văn*. — Viết chữ lên bản gỗ gọi là *bản-văn*, như là viết bài chiếu thì gọi là *chiếu-bản*, viết lời văn-tế thì gọi là *tế-bản*. Xét đó thì biết trước khi chưa dựng bia bằng đá, thì cổ-nhân thường dùng cả *mộc-bản*.

15) *Đề-danh*. — Đời nhà Đường có cái chuyện *Nhạn-tháp đề-danh*, là khi thi đỗ thì được đề họ tên mình lên tháp Nhạn. Hay là khi đi chơi sơn-thủy thì cũng thường ghi cái họ tên người đồng-du với mình ở đó.

9. — Thẻ văn tạp-ký

Tạp-ký là ghi chép những điều mình kiến-văn, phạm những dật-sự di-văn cho đến một danh một vật gì cũng chép cả, cũng tương-tự như loại văn *Bi-khảo*, nhưng văn bi-khắc thì là đã khắc vào đá, còn văn *Tạp-ký* thì không cứ rằng là khắc vào đá. Phạm thuộc về thẻ văn *Tạp-ký* chia có 11 mục: *ký 記*, *Hậu-ký 後記*, *Hốt-ký 笥記*, *Thư-sự 書事*, *ký 紀*, *Chi 志*, *Lục 錄*, *Tự 序*, *Đề 題*, *Thuật 述*, *Kinh 經*.

1) *Ký*. — Thiên Vũ-Cống, thiên Cổ-mệnh trong kinh *Thư*, tuy không gọi là *ký*, mà thực là thẻ văn *Ký*. Thiên *Đông-quan-đào-công-ký* ở trong sách *Chu-lễ* thực là thẻ văn *Ký* tối-cổ. Đến đời Đường truyền thẻ văn *ký* này rất nhiều.

2) *Hậu-ký*. — Bỏ thêm cái ý bài *Tiền-ký* chưa nói hết, nên gọi là *Hậu-ký*.

3) *Hốt-ký*. — Cổ-giả các bày-tôi có

tấu-đối việc gì thì viết vào cái hốt cho khỏi quên.

4) *Thư-sự*. — Nghĩa là thông-thiên chỉ chuyên chép một việc, đó là chính-thẻ văn *Thư-sự*. Nếu nói đến việc khác hay là có nghị-luận thêm vào, thì là phá-thẻ.

5) *Ký*. — Về loại văn *Sử* có thẻ văn *Bản-ký* và *Thế-ký*, *Ngoại-ký*, đều chép việc các đời vua, đề cùng ứng với thẻ văn *Thế-gia-liệt-truyện*. Đây thời là thẻ *Ký* chỉ chuyên chép những việc lật-vật chốn dân-gian, rộng ra thì chép cả thủy chung một việc loạn-lạc, hay là chép các việc duyên-cách trong một địa-phương, đầu đuôi toàn là một việc.

6) *Chi*. — Ngoài sách *Sử* ra lại có thẻ *chi*, đề chép riêng những sự chế-tác trong một đời như binh, hình, lễ, nhạc, đều đủ cả, cũng là *Quận-chi* *huyền-chi* đề chép các điển-cổ trong một phương, đều là thẻ văn *chi*.

7) *Lục*. — *Lục* nghĩa là sao-tả, người đời sau làm sách cũng gọi là *Lục*, ý là nói khiêm chỉ làm việc sao chép mà thôi.

8) *Tự*. — Trước đã có thẻ văn *Tự-bại* và *Tặng-tự*, đây lại có thẻ văn gọi là *Tự* mà không đề vào hai loại văn kia được như bài *Lan-dinh-tự* của Vương Hứa-quân, *Đàn-q-vương-các-tự* của Vương Tể-An, *Xuân-dạ-yên-dào-viên-tự* của Lý Thái-Bạch, và những bài *Tự-âm* *Tự-cơ* của Liễu Tử-Hậu, tuy gọi là *Tự* mà kỳ-thực là thẻ văn *Ký*.

9) *Đề*. — Là bài đề-bích, khác với thẻ văn *Đề-hậu* là đọc bài văn của cổ-nhân mà đề vào sau.

10) *Thuật*. — Phạm lời người làm sách thì thường nói là *Mỗ-trước*, hoặc nói là *mỗ-soạn*, hoặc nói là *mỗ-thuật*. Nói là *thuật* nghĩa là không dám tự xưng mình là trước-tác, chỉ thuật lại lời nói của

người trước mà thôi. Nhưng đại-khải thể văn nào thuật đầu đuôi về sự trước-tác, thì thuộc về loài văn *Tự-bạt*, thể văn nào thuật các điển-tích về sự-vật thì thuộc về loài văn *Tạp-ký*.

11) *Kinh*. — Cỗ-giả các nhà trước-tác chỉ có sách *Ly-tao* của Khuất-tử, sách *Thái-huyền* của Dương-tử đều gọi là *kinh*. Lại như Lục Lỗ-Vọng đời Đường có làm ra *Lỗ-trĩ-kinh*, Tô Tử-Chiêm đời Tống có làm ra *Tửu-kinh* (cũng là bắt-chước như *Trà-kinh* của Lục-Vũ). Kỳ-thực đều là thể văn *Ký* cả.

10. — Thể văn châm-minh

Châm-Minh là lời khuyên răn của thánh hiền đời xưa. Song *Châm* thì có một thứ mà thôi, *Minh* thì phân ra làm hai: Thể văn *Minh* nào khắc vào đá thì thuộc về loài văn *Bi-chí*; thể văn nào không khắc vào đá thì thuộc về loài văn *Châm-minh*. Song như bài *Minh* ở núi Yên-nhiên của Ban Mạnh-Kiên, bài *Minh* ở núi Kiềm-các của Trương Mạnh-Dương, đều là khắc vào sườn núi đá cả, thế mà họ Diêu lại phân ra làm hai: Một thể thuộc về loài văn *Bi-chí*, một thể thuộc về loài văn *Châm-minh*, không hiểu là tại sao. Còn như thể văn *Đồng-tây-minh* của Trương Hoàng-Cừ, họ Diêu để vào loài văn *Châm-minh* thì phải. Phạm thuộc thể văn *Châm-Minh* chia ra có 7 mục: *Châm* 箴, *Minh* 銘, *Giới* 戒, *Huấn* 訓, *Qui* 規, *Lệnh* 令, *Cáo* 誥.

1) *Châm*. — *Châm* 箴 giống nghĩa như chữ *châm* 鍼, là cái châm để trị bệnh, có ý cảnh-giới, khởi-thủy từ bài *Ngu-Châm*, đời Hán thì có Dương Tử-Vân, Thôi Nhân cùng bắt-chước làm theo.

2) *Minh*. — Truyền là khởi-thủy từ vua Hoàng-đế, không phải là sau đời Tam-đại mới có. Đời Tam-đại thì vua Thang có bài *Bàn-minh*, vua Vũ có mười bảy bài *Minh*. Người đời sau nhân theo, phạm khí vật gì cũng có khắc bài *Minh* cả, phần nhiều là khắc vào loài *kinh thạch*.

3) *Giới*. — Từ vua Đế-Nghiêu có bài *Giới*, về sau đời Hán cũng thấy có.

4) *Huấn*. — Là lời khuyên-miễn, *kinh Thư* có thiên *Y-huấn*, đó là lời bày-tôi khuyên bảo vua. Nay thời lời *Huấn* chỉ thi từ người bằng hàng mình trở xuống.

5) *Qui*. — Cũng là lời khuyên-răn, nhưng có ước-thức khiến phải hợp theo phép-tắc. Từ người đời Đường làm ra, về sau này có đặt ra những mục *Qui* điều *Qui*-ước đều là ý ấy cả.

6) *Lệnh*. — Là lời răn dạy kẻ dưới, thi-dụng ở trong gia-đình.

7) *Cáo*. — Cũng là lời bậc tôn-trưởng răn bảo kẻ ty-ấu, khác với thể văn *Cáo-sắc*.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU



BÀN GÓP VỀ TRUYỆN KIỀU

Văn-chương truyện Kiều rất là thâm-thúy, mỗi câu có một ý-nghĩa sáu-xa. Nhưng phường-bản là bản chữ nôm cổ, thì nhiều chữ lăm lăm khó nhận cho ra, mà các bản dịch in ra sau này, cũng mỗi bản có nhiều chỗ khác nhau; tựu-trung có nhiều câu mỗi người cho nghĩa ra một khác. Vậy Bản-chỉ đặt ra mục « Bàn góp về truyện Kiều » này để ngài nào có ý-kiến gì hay bản về truyện Kiều, lai-cáo cho Bản-chỉ, xét ra những lời nghị-luận kê-cứu có ý-nghĩa, và có công bổ-chính về một quyển quốc-văn kiệt-tác của nước nhà, thì Bản-chỉ sẽ đăng vào đây, để độc-giả chú-lôn đồng-lãm.

N.-P.

Thường nghe rằng : biết thì nói tốt, không biết thì dựa cột mà nghe, như thế mới thực là biết vậy.

Tôi nay thấy báo Nam-Phong số 72. Anh - tuấn - tiên-sinh có bài bàn góp truyện Kiều, ngài có giải-nghĩa ít câu. Bất-giác nhân đấy mà tôi cũng sưu-câu được một hai ý-kiến riêng của tôi.

Ý-kiến tôi thì chưa chắc đã dám cho là biết đâu, cũng nên dựa cột là hơn. Nhưng phải trái không tự mình quyết-đoán được, phải chất-chính cùng đại-phương.

I

Như câu :

*Sấm sanh nếp tử xe trâu,
Vùi nóng một năm mặc dầu cỏ hoa.*

Như ý tôi thiên-nghĩ thì khác hẳn với ý Anh-tuấn-tiên-sinh và dịch-giả.

Thiết-tưởng câu ấy là ngài Nguyễn-hầu tả cảnh người khách viễn-phương thu xếp đi về, chứ không phải người khách viễn-phương chôn nàng Đạm-Tiên. Xin xét cả mạch-lạc trong đoạn ấy như thế này thì rõ :

*Thuyền lênh vừa ghé tới nơi,
Thì đã trăm gẩy bình rơi bao giờ.*

*Phòng không lặng ngắt như tờ ;
Dấu xe ngựa đã rêu lờ-mờ xanh.*

*Khóc-thai khôn xiết sự tình,
Khéo vô-duyên mấy là mình với ta,*

*Đã không duyên trước chẳng tha,
Thì chi chút ước gọi là duyên sau.*

*Sấm-sanh nếp tử xe trâu,
Vùi nóng một năm mặc dầu cỏ hoa.*

Xem trong bấy nhiêu câu ấy thì khi khách viễn-phương lại Đạm-Tiên chết đã khá lâu (phòng không lạnh ngắt như tờ, dấu xe ngựa đã rêu lờ-mờ xanh). Không có lẽ chết đã lâu như thế mà không ai chôn. Hay bảo rằng tục bên Tàu khi chết còn quản lại đấy đợi chôn đất cho hợp phong-thủy mới chôn ? Nàng Đạm-Tiên còn hi-vọng gì cho dòng-dõi mà đợi phong-thủy ? mà ai chôn đất cho mà còn quản ?...

Vả nếu quả như thế, sao trong truyện ngài Nguyễn - hầu không có một câu nào dă-dộng đến ý ấy ? mà văn-chương ngài không có lẽ vô-ý đến thế ru ?

Như dịch-giả cho rằng : « vùi nóng một năm », thì người khách viễn-phương đã có lòng sấm-sanh nếp nọ xe kia, mà không có công đào sâu được một tí nữa hay sao ? Vả đã chắc bên Tàu đưa linh-cữu bằng xe trâu chẳng ?

Tôi xem trong bản cổ thì rõ-ràng rằng :

*Sấm-sanh nếp tử xe trâu,
Bụi hồng một năm, mặc dầu cỏ hoa*

Chữ tử thì tôi không còn nhớ là chữ tử 紫 hay tử 梓 mà cũng không sẵn bản cổ mà tra, còn chữ châu thì thực là chữ châu 珠, mà vùi nóng thì thực là bụi hồng (培紅)

Nên câu ấy ý tôi thiên-nghĩ là ngài Nguyễn-hầu tả cảnh người khách viễn-phương thu-xếp ra về vậy.

Vậy *sấm-sanh nếp tử*, là sấm-sanh đồ hành-lý; *xe châu*, là xe đẹp-đẽ; *bụi hồng một nắm*, là di đường; — *mặc dầu cỏ hoa*, là mặc phong-cảnh và mờ-mả Đạm-Tiên ở đấy.

Chữ *nếp tử* thì chưa hiểu điển-tích ở đâu, xin chờ kiến-thức của đại-phương. Nhưng cũng xin tạm giải là: *nếp* và *níp* cũng đồng-âm, ta thường gọi cái níp cũng như cái cặp hay cái hộp đựng đồ-dặc vậy. Chữ tử nếu là tử 紫 thì là đỏ đẹp mà thôi. *Xe châu* là xe quý, châu là châu ngọc, cũng như *xe châu* dùng bánh cửa ngoài, như ý Anh-tuấn-tiên-sinh vậy.

Còn *bụi hồng* là hồng-trần 紅塵, chỉ ý người đi đường bụi cát bay vậy. Như: *Nhất kỵ hồng-trần phi-tử tiểu* — 騎紅塵妃子笑。

Trong ý-nghĩa đoạn ấy là: khi khách viễn-phương đến, thì nàng Đạm-Tiên chết đã khá lâu rồi, khóc than: « Đã không duyên trước thì sao không kịp gặp nhau mà giao-ước với nhau một lời đề còn mong duyên-kiếp sau ». Khóc than chán rồi không còn biết tình-tự cùng ai được nữa, nên phải thu-xếp đi về, mặc dầu cỏ hoa mà thôi. Nếu cưỡng-giải cho là chôn nàng Đạm-Tiên thì sao Nguyễn-hầu không đã-dộng gì đến ý-nghĩa quàn? Không quàn mà đề lâu thế mới chôn thì cách vệ-sinh đời ấy chẳng sơ-sai lắm ru? Và xét văn-chương ngài Nguyễn-hầu không bỏ sót ý gì bao giờ. Đan-cử như chỗ Thúy-Kiều tha Hoạn-Thư, có tha rồi phải có tạ, rồi mới đến việc khác. Như:

*Truyền quàn lệnh xuống trường-tiền
tha ngay.*

Tạ lòng lay trước sân mây...

Ngài Nguyễn-hầu đã tả khách viễn-phương đến thì ngài lại tả khách viễn-phương về, về phải có hành-lý và xe ngựa vậy.

II

Thôi đã cướp sống chồng mình đi rồi.
Câu này tôi thường thấy bản cổ chữ chồng viết là chữ của (𡗗).

Thiết-tưởng của mới phải, xem trong ý-nghĩa đoạn ấy thì Tú-Bà nghe Thúy-Kiều nói: *đã khi chung-chạ lại khi đứng ngồi*, cho nên biết là màu-hồ đã mất đi rồi, vốn-liếng đi đời nhà ma, nên của đau con xót, mới nổi tam-bành lên mà vặc với Giám-sinh. Xem những câu này thì rõ:

*Này này sự đã quả-nhiên,
Thôi đã cướp sống của mình đi rồi.
Bảo rằng đi dạo lấy người,
Đem về rước khách kiếm lời mà ăn.
Tuồng vô-nghĩa ở bất-nhân,
Buồn mình trước đã tàn-mãn thử
chơi.*

*Màu hồ đã mất đi rồi,
Thôi thôi vốn-liếng đi đời nhà ma!*

Như đoạn ấy có rõ-ràng là câu trách Giám-sinh không. Mà thuần là những lời trách đàn-ông cả, hà-tất phải chừa chữ « của » ra chữ « chồng » mà nặn ra câu mắng Thúy-Kiều.

Từ câu sau trở đi mới thực là mắng Thúy-Kiều. Như:

*Con kia đã bán cho ta...
Lão kia có giở bài bầy...*

Như thế có phải hai đoạn khác nhau không? — Và chung vốn buôn-bán mà làm mất vốn đi, lại đề yên không mắng hay sao? — Lúc tam-bành mụ đã nổi lên mà mụ không nói đến Giám-sinh thì khó lắm.

Vậy nguyên-bản cổ chữ của (𡗗) thì

ý-nghĩa rõ-ràng, cần gì phải đòi ra chữ *chồng* cho ý-nghĩa ám-muội.

III

Nay lại nhân-tiện tôi xin hiến thêm một câu này, phải trái xin đại-phương chỉ bảo cho.

Thường thấy bản dịch truyện *Kiều* có câu rằng : « *Súp ngồi và gát* (hay và cỏ) trước mồ bước ra. »

Tôi không hiểu « và cỏ » hay là « và gát » trước mồ bước ra là thế nào.

« *Vả cỏ* » thì thực không hiểu nghĩa, còn « và gát trước mồ bước ra » thì dịch-giả cho nghĩa là vài vài cái rồi bước ra chẳng ?

Nếu như nghĩa ấy thì sai lắm. Xem như sau câu ấy thì có những câu này :

*Một vùng cỏ ấy bóng tà,
Gió hiu-hiu thổi một và ngọn lau.
Rút trâm sẵn giắt mái đầu,
Vạch da cây vịnh bốn câu ba vắn.
Lại càng mê-mẩn tâm-thần,
Lại càng đứng lặng tần-ngần chẳng ra.*

Vậy « *chẳng ra* » thì đã ra đâu, mà bảo « *bước ra* » là đi ra ?

Tôi xem như bản cổ thì viết là 把草, cho nên có bản dịch là *vả cỏ*. Nhưng chắc là lầm, mà sự lầm ấy tại anh thợ khắc, nên dịch-giả vô-ý chưa kịp xét

đoán ra đề đến nỗi lầm, thì anh thợ khắc cũng thực đáng trách vậy.

Tôi trách anh thợ khắc lầm chữ *thỏ* (土) ra chữ *tài gầy* (𡗗). Nếu chữ *tài-gầy* 𡗗 một bên chữ *Ba* 巴 thì là chữ *Bả* 把, nên dịch-giả không hiểu được nghĩa, phải dịch là « *vả cỏ* ». Hậu-dịch-giả lấy chữ « *vả cỏ* » không có nghĩa, phải dịch là *và gát* cho xuôi xuôi nghĩa đi một tí. Nhưng thực thì không phải cả, chỉ lỗi tại anh thợ khắc làm ngẩn đi một tí nét ngang, thò ra một tí đuôi chữ *thỏ* (土) nên sinh chuyện.

Vậy chữ *thỏ* một bên là chữ *Bờ* 埗, thì câu ấy là :

Súp ngồi bờ cỏ trước mồ bước ra.

Bước ra là chỗ mồ bước ra, chứ không phải người đi ra, súp ngồi xuống chỗ ấy mà lăm-răm khấn vái nhỏ to mà thôi, khấn xong rồi vịnh thơ rồi mới đi ra.

Những ý-kiến tôi kể trên này thấy có chút dị-đồng, nên muốn chất-chinh cùng đại-phương, chứ không dám chỉ-trích gì, xin lượng cho và thứ cho lỗi đáng dựa cột.

NGUYỄN NHƯ-NGỌC

HÀI-VĂN

Oan hay là chẳng oan ?

(Chuyện buồn cười)

Một nhà kia có hai cô con gái kén chồng. Một hôm có hai ông đồ chữ Nho nghe tiếng lại chơi, nguyên không phải là không có ý. Hai cô thấy nhà Nho, có ý hăm-mộ lắm. Thôi thì chẳng dám nệ-nập gì, cũng theo lối văn-minh một chút, ra tiếp chuyện. Tiếp chuyện ít lâu, mùi phong-nhã của các ông Nho, hình như cũng hơi

để chịu, chả trách xưa nay người ta cứ tham về cái bút cái nghiên anh đồ mãi được ! Khi đó, hai cô trong bụng đã lăm-nhắm những câu rằng :

*Ước gì dài yếm em dài,
Đề em thất lầy cả hai anh đồ !*

Chợt nghe có tiếng ngâm-ngã, ông nọ ngâm một câu, ông kia ngâm một

câu, rồi lại gián-tiếp có câu chuyện. Trong khi ngâm-ngã ấy, cô thì gât-gât, đòi thì rung-rung, thỉnh-thoảng lại liếc mắt trông tả trông hữu và trông nhau, rồi mỉm miệng cười, mà những chữ ngâm-ngã đó, thì hai cô không nghe rõ ra là những chữ gì, chỉ vừa nghe vừa đếm, thì có câu năm chữ hoặc có câu bảy chữ, dứt câu rồi lại thường nghe có tiếng ư-ừ mà thôi. Hai cô trước còn ngửng mặt lên nghe, sau mặt đỏ bừng-bừng, cúi mặt xuống, có ý thẹn, rồi cùng đứng lên lảng vào trong nhà. Hai ông đồ chữ Nho ngồi mãi, chả thấy ai ra tiếp chuyện nữa, cũng đứng dậy đi ra. Khi ra lại đọc với một câu rằng :

Đông-phong bất dữ Chu-lang tiện,

東風不與周郎便。

Đồng tước xuân thâm tỏa nhị Kiều.

銅雀春深鎖二嬌。

Hôm sau, có một ông cụ đạo-mạo ở bên láng-diềng sang chơi, hỏi hai cô rằng : « Hai ông đồ chữ Nho hôm qua thế nào ? » Hai cô thưa : « Đồ chim gài cả đấy, cụ ạ, chữ nho-giả gì đâu ! Chị em tôi tiếp chuyện các hân, các hân cứ ngâm-ngã những câu gì gì, chị em tôi không hiểu. Tôi chắc rằng chỉ những câu tinh-danh ma-mãnh đấy thôi. Nếu không thế, thì cứ nói chuyện cho rõ-ràng có được không, việc gì phải tàng-lố ra những tiến « Đường-âm chi vậy. »

Ông cụ biết hẳn ngay rằng hai thầy chỉ quen thói bề ngồi đầu thì vãi thơ Đường thơ Tống ra rỗng-rỗng đấy thôi : khi ấy lại đọc những câu : *Phù-dung bất cập mỹ-nhân trang* 芙蓉不及美人粧, hay hoặc : *MY-nhân nhan sắc kiêu như hoa* 美人顏色嬌如花, chẳng hạn, đề tức-cảnh đấy chứ gì, mà hai cô chừng cũng hiểu lắm, chứ vị-tất đã phải là chim gài.

Nhưng ông cụ chỉ biết bụng thế thôi, không nói gì cả, rồi lại đi về.

Cách mấy hôm nữa lại có hai ông đồ chữ Tây lại chơi, chủ-ý thì cũng như hai ông đồ chữ Nho trước. Hai cô nghe thấy có người tân-bạc, chắc là văn-minh, không đến nỗi hủ-bại như lối nhà nho nữa, mừng lắm, ra tiếp chuyện ngay. Kỳ-thủy cũng thấy đi đứng nhanh-chao, nói-năng lanh-lợi, mày râu nhẵn-nhụi, áo-quần thì văn-minh, trông cũng ra phết đèn trời nay mai. Hai cô trong bụng đã định-ninh những câu rằng :

Rồi mai anh đổ quan sang,

Võng anh đi trước võng nàng đi sau !

Ngờ đâu trong khi tiếp chuyện, hai ông quen thói láu-lỉnh, thỉnh-thoảng cứ pha vào một đôi tiếng ngang phè, lắm lúc hai cô cứ phải hỏi lại mới hiểu, hai cô đã lấy làm khó chịu lắm rồi. Lại thỉnh-thoảng thấy hai ông lấp-bấp với nhau một thôi một hời, hai cô không hiểu ra là câu gì cả, mà những chữ ở trong câu, cũng không có thể kịp lắng tai mà đếm ra được là mấy chữ nữa. Mà trong khi lấp-bấp ấy, cái chân thì dậm dật, cái tay thì chỉ-trỏ, cái đầu và cái cổ thì ghé-nghe-nghe nghiêng-nghiêng. Hai cô trông trước trông sau, rồi một cô đứng dậy khóa tủ lại, đi vào. Một cô đứng lại thưa với hai ông rằng nhà hôm nay còn dở bận việc lắm, chưa có thể tiếp chuyện hai ông được, xin hai ông hãy cứ lại nhà, khi nào rồi việc, có thì giờ tiếp chuyện, sẽ có giấy, hai ông sẽ lại chơi. Hai ông lấy làm đắc-sách lắm. Khi bước ra, còn trả lời lại một câu ân-cần và trân-trọng rằng : « *Je vous remercie mes chères amies* ».

Ông cụ láng-diềng hôm sau lại sang chơi, hai cô phở ngay rằng : « Cụ ạ ! hai ông đồ chữ tây hôm qua hình

như không phải là kẻ thật-thà. Hôm ấy tôi có năm trăm đồng bạc vừa mới thu tiền họ về, sự có các hân vào chơi, chị em tôi đãi là khách văn-minh, ra tiếp chuyện. Ngờ đâu trong khi tiếp chuyện thì các hân nói lóng với nhau những câu gì gì, chị em tôi không hiểu. Tôi thiết-tưởng rằng chả có lòng qui nhau thì thôi, đã có lòng qui nhau, thì nên cứ nói cho trung-chính, để giải tỏ tình-ý cho nhau nghe là phải, việc gì phải nói giấu nhau. Vả lại tôi với các hân là buổi nhất-kiến, đã có sự gì phải giấu nhau; giấu nhau thế, chỉ là sự ăn cắp dấy thôi, cụ a ! »

Ông cụ bật cười, nhưng cũng chẳng nói gì, rồi lại về. Khi về lại nghĩ bụng rằng hai ông đồ chữ Tây quyết không phải là người ăn cắp, khi nói tiếng tây đó, chẳng qua cũng là cái thói quen như hai ông đồ chữ Nho hay đọc thơ dấy thôi. Thôi hai cô lại hiểu lầm rồi. Mà khốn - nạn ! bốn ông đồ kia đã chẳng được gì lại mang tiếng xấu, oan thay ! oan thay !

Sau có một bác khù-khờ lại chơi, hỏi đến chữ nho, thì chữ cho ù-lì tăng-tit : hỏi đến chữ tây, thì chữ tây cũng dốt-dặc cán-mai. Duy cũng có vọc-vạch được năm ba câu phương-ngôn tục-ngữ thuộc về tinh-túy An-Nam, cho nên trong khi tiếp chuyện cũng không đến nỗi dụt lăm.

Như hai cô nói : « Con chim khôn còn biết đậu nóc nhà quan, nữa là người. » Bác ta cũng biết nói : « Không trước đâu mà do được mặt trời, nhưng mà có vàng, thì ai cũng muốn mua lấy những người thủy-chung. »

Hai cô nói : « Làm gái lấy chồng cho đáng tầm chồng, chồng có ra chồng sẽ nên lấy. » Bác ta cũng biết nói : « Làm trai, giàu về hạn sang về vợ, tôi cũng thiết-tưởng vợ có ra vợ sẽ nên cầu. »

Hai cô nói : « Trèo lên cây gạo sơn son, muốn lấy vợ giòn thì nặng tiền

cheo ; lấy vợ đừng ngại tốn tiền mới được. » Bác ta cũng biết nói : « Con người ta chỉ nên ước gì quân-tử là chồng, thuyền-quyên là vợ anh-hùng là con, thế là hơn, chứ cái sự giả-thủ, tôi thiết-tưởng cũng nên bất-luận-tài. »

Hai cô nói : « Lấy chồng thì gánh giang-sơn nhà chồng, chẳng biết bây giờ tôi có gánh nổi được giang-sơn nhà ai đấy không ? » — Bác ta cũng biết nói : « Thuận vợ thuận chồng, thì tát bể Đông cũng cạn, chỉ sợ ông nói gà bà nói vịt, ngang-ngang ngửa-ngửa, không thuận nhau dấy thôi. »

Hai cô hỏi : « Nhất vợ nhì trời, lời ấy có thật không ? » — Bác ta đáp : « Dễ thường thật, vợ chồng với nhau một là duyên hai là nợ, trời tuy to lớn, nhưng còn xa, như duyên nợ thì lù-lù ngay ở đó. »

Hai cô xét ra, bác ấy ăn nói cũng có lời có lẽ, và cũng có duyên thay, lại có ý thật-thà, trước sau không có một điều gì là giấu-giếm mình cả. Người ấy mai sau hơn người thế nào, thì không dám chắc. Nhưng chỉ chắc rằng người ấy không biết chim gai, không biết ăn-cắp, cũng là một người tử-tế đáng yêu. Thôi thì con người ta đừng núi nọ cũng đừng tưởng núi kia là cao; mà xưa nay những kẻ kén hom, cũng là bởi chưng già kén, dễ thường trăm năm cũng có thể từ đây được. Chị hỏi em, em hỏi chị, chị em cùng một lòng như nhau, rồi hai chị em cùng lấy chung một chồng !

Cái lý-do ấy, ông cụ lảng-diềng đã thấu hết cả rồi, nhưng vẫn chưa tiện nói ra. Một hôm ngồi chơi một chỗ, tình-cờ lại gặp đủ cả bốn ông đồ cùng lại chơi một lúc. Hai ông đồ chữ Nho thấy ông cụ liền chào ngay rằng : « *Tiên-sinh hà hử nhân ?* » Hai ông đồ chữ Tây cũng liền chào ngay rằng : « *Bonjour monsieur.* » Ông cụ chỉ buồn cười. Nhưng hằng giả-cách nói gắt lên rằng : « Tôi với các

thầy cũng là người An-Nam, trời cho người An-Nam đã có một thứ tiếng riêng, để giao-thiệp với nhau, cho tỏ tình thân-ái. Các thầy có qui-trọng tôi nữa, thì chào tôi rằng : chào cụ, hoặc chào ông ; dù lịch-sự thì chào ngài ; dù tầm-thường thì chào bác chào anh ; dù có khinh-bĩ tôi chẳng nữa, thì chào tôi rằng cái ông già ngồi làm gì đấy ; thì tôi cũng xin đủ mọi cách qui-trọng lịch-sự và tầm-thường khinh-bĩ, tôi trả lời lại được cho xứng-đáng với các thầy. Bây giờ các thầy chào tôi bằng *hà-hử*, bằng *bonjour*, thì tôi biết *hà-hử*, *bonjour* là cái gì, hay là các thầy mắng tôi đấy, thế chẳng phải là các thầy làm cho tôi với các thầy sinh ra có điều ác-cảm đấy dư ? Các thầy đã biết thân chưa ? Mời các thầy ngồi đó, tôi sẽ có một điều cực nguy-hiểm, cực thảm-thiết cho lịch-sử các thầy, tôi xin kể cho các thầy nghe.»

Bốn thầy ngồi lắng tai. Ông cụ mới đem dầu đuôi hai phen các thầy vào tiếp chuyện hai cô, và hai cô có ý hiểu lắm, rồi kết-cục lấy một người chồng chữ *nhất* là một chữ *nhị* là hai không biết, chữ *la* chữ *le* là cái là đực không hay, thuật lại cả cho nghe. Bốn thầy bấy giờ đều như điên như dại, vô đầu vô tai, dấm chân đập tay, mà nói lên rằng : « Thế thì chúng tôi oan quá ! oan quá ! mà cái thằng si-ngốc kia nó may quá ! may quá ! Rồi thật anh em tôi vô-cố đi cầm tên cầm nỏ săn đuổi hai nàng tiên lại cho nó, trời ơi ! trời ơi ! »

Ông cụ nói : « Thôi ! ăn - năn thì sự đã rồi. Vả lại cái sự đó cũng chẳng qua là sự nhỏ-nhất, chỉ thiệt-hại riêng cho các thầy mà thôi. Chữ cái phong giả-cây ấy, còn thiệt-hại cho cả toàn-thể quốc-dân nữa, các thầy có biết không ? Một là đối với quốc-dân sinh ra bụng nghi-ngờ, thiệt mất tình thân-ái ; cha có thể ngờ con, con có thể ngờ cha ; vợ có thể ngờ chồng, chồng có thể ngờ

vợ ; chủ có thể ngờ khách, khách có thể ngờ chủ ; ông quan có thể ngờ người dân, người dân có thể ngờ ông quan ; người tân có thể ngờ người cựu, người cựu có thể ngờ người tân ; họ hàng làng nước đều có thể ngờ-vực lẫn nhau. Hai là tiếng nước Nam vốn phong-phú xưa nay, đến đời các thầy, các thầy làm cho tiêu-diệt dần đi, rồi về sau lấy gì làm cỗi-rễ cho tinh-tinh, làm biểu-hiệu cho nòi-giống. Tôi nói đây, không phải là tôi không muốn cho các thầy học chữ Nho chữ Tây đâu. Tôi thật là người mộ chữ nho mộ cả chữ tây, tôi chỉ mong cho các thầy học chữ nho cho thật giỏi, học chữ tây cho thực hay đấy thôi. Bởi vì quốc-sĩ có nhiều người học chữ tây hay, học chữ nho giỏi, thì quốc-dân mới có phận nhờ. Nhưng học chữ nho mà có giỏi chẳng nữa, thì chỉ những khi giảng về khoa-học chữ nho, sẽ đọc chữ nho. Học chữ tây mà có hay chẳng nữa, thì chỉ những khi giảng về khoa-học chữ tây, và những khi giao-thiệp với người Tây sẽ nói chữ tây. Còn thì chỉ nên nói tiếng An-Nam, khiến cho ngữ-ngôn người An-Nam một ngày một thêm phong-phú, các-cô-bộ người An-Nam một ngày một thêm văn-nhã hoàn-toàn, há chẳng phải là một sự thân-thiết đó dư ! Chữ cái các-cô-bộ giả-cây kia, là cái cách-bộ bất-nhã, cái cách-bộ bất-lương, các thầy còn tiếc gì cái cách-bộ ấy mà chẳng bỏ đi. . . »

Bốn thầy nghe ông cụ nói, tuy cũng nghe ra, biết mình là dại, nhưng vẫn còn căm-tức về cái duyên-phận mình với hai cô lắm lắm ! Mới thuê một người đàn-bà thật khéo nói, đến kể cái thực-tình mình bị oan cho hai cô nghe, và trách hai cô con mắt không chịu liếc cho tình đời, đã vội-vàng bỏ nhân-sâm vợ-cát-muộn, làm cho ngang trái mất duyên trời. Hai cô từ đó cũng có ý ngao-ngán và bần-khoăn.

Một hôm cái chàng dốt-đặc ấy, có đến than thân với ông cụ láng-diềng rằng : « Tôi vẫn biết thân là tôi dốt, không khuếch-khoác được bằng ai. May sao thánh-nhân hay đãi khù-khờ, mà hai tay trần-phàm lại nung được hai cô tiên-nữ. Tuy vậy trong bấy lâu nay, chồng ăn chả vợ ăn nem, trong đạo gia-dinh vẫn êm thắm như thường, không có sự gì chềch-mác cả. Không biết vì cơ sao, mà cái giá-trị tôi đối với hai cô trước kia mười phần, đến bây giờ chỉ còn ba bốn. Nếu mà lại sụt xuống một hai nữa thì hỏng bét. Nhưng tôi cũng chắc rằng chừng có kẻ gièm pha, họ không được ăn, họ định đập đồ đấy, cụ ạ! Cụ có phương-kế gì cứu cho đề phen này tôi được cải-tử hoàn-sinh, tôi xin đội ơn cụ. »

Ông cụ nói : « Phen này thì anh chết ! anh chết ! Nhưng anh có phải là thật dốt đấy hay không ? » Chàng thưa : « Con thật là dốt ạ. » — «Ừ ! dốt đặc còn hơn hay chữ lỏng. Anh mà quả-nhiên dốt-đặc, thì lão có thể cứu cho anh được thừa, chẳng khó gì đâu, chỉ sợ anh mà lại hay chữ lỏng, thì lão chịu. Cho nên thiên - hạ xưa nay chỉ khốn những anh hay chữ lỏng, chứ chẳng khốn gì anh dốt-đặc đâu. Nay lão bảo anh nhé, anh cứ về học thuộc lấy năm cái dấu : nặng, sắc, huyền, hỏi, ngã, thế là đủ chơi. »

Cách ba hôm, chàng ấy sang thưa : « Con thuộc được cả năm dấu rồi, thế đã cứu được chưa ? » — « Chưa, đã cứu thế nào được chóng thế. Anh còn phải về đem bao nhiêu tán-văn, bao nhiêu tạp-chí, bao nhiêu cổ-truyện, vô-luận tờ giấy nào quyền sách nào, hễ có năm cái dấu : nặng, sắc, huyền, hỏi, ngã, ấy, anh phải xem thấu đi cho khắp, rồi sẽ hay. »

Cách ba tháng, chàng ấy lại sang thưa : « Con xem đã được khắp cả rồi.

để thường đã cứu tạm được rồi đấy, cụ nhỉ ? » — « Chưa cứu được, chưa cứu được. Cái sách năm dấu ấy, tuy rằng không khó lắm như kinh *Tam-tàng*, như sách *Chu-Dịch*, nhưng há lại không có phép-tắc, không có nghĩa-lý, không có tinh-tinh, không có văn-chương đấy hay sao ? Anh phải về nghiên-cứu lấy cho tinh, kỳ cho có thể sai-sử được năm dấu, phán-đoán được năm dấu, rồi sẽ hay. Chứ bây giờ anh đối với năm dấu, anh mới đứng vào cái địa-vị nô-lệ cho năm dấu đấy thôi, anh đã vội gì. »

Lại cách ba tháng nữa, chàng ấy lại thưa : « Tôi đã tinh-hiểu cả rồi, phen này chắc có thể cứu được » — « Chưa chắc, chưa chắc. Anh xem sách năm dấu, anh lại phải xét xem các ngôi bút trong năm dấu hoặc ưu, hoặc liệt, hoặc hữu-ích, hoặc vô-ích những thế nào. Ngôi bút tiên-cổ như ngôi bút cụ Nguyễn Du, cụ Lý Văn-Phức, thì anh phải kinh như trời. Ngôi bút cận-cổ như ngôi bút ông Tam-nguyên Khuyến, ông Tú-tài Xương thì anh phải yêu như vợ. Còn như các ngôi bút ở hiện-thời thì anh cũng phải đặt con số mà đếm xem được mấy ngôi bút là có giá-trị, và mấy ngôi bút là không có giá-trị mới được. Đối với những ngôi bút có giá-trị, thì anh phải thân như bạn, hoặc thờ như thầy. Còn đối với những ngôi bút không có giá-trị tuy rằng vô-ích, nhưng cũng nên xem, xem lấy những văn ấy, để mà xét lấy trình-độ cho quốc-dân, xét lấy trình-độ cho quốc-dân, để mà tìm phương bồ-cứu, tìm được phương bồ-cứu mới là người quán-lử xem văn. »

Lại cách một tháng nữa, chàng ấy lại sang thưa : « Những ngôi bút nào là ngôi bút có học-vấn, có phép-tắc, có tài-bộ, có tâm-tinh, như ông Khuất Nguyên ngôi than khóc, như ông Đông-

Phượng Sóc đứng khôi-hải, như ông Y-Sách vào ngụ-ngôn, như ông Mạnh-Kha ra diễn-giảng; và những ngòi bút nào lông-bông như đường quai ngựa chạy, lầy-bầy như Cao-Biên dậy non, thì tôi đã chê-hoe cả rồi. Chuyển này chẳng cứu được, thì chuyển nào cứu được.» — « Sao anh nóng về sự cứu lâm thế! Lão đã có lòng giúp anh, lão nóng bằng hai anh, nhưng chưa có thể nóng được, lão còn phải xem cái ngòi bút của anh thế nào đã, rồi sẽ hay. Phàm người đã chơi trong làng sách làng văn, dù già, dù non, dù nhiều, dù ít thế nào mặc lòng, cũng phải góp lấy một ngòi bút với đời, sẽ hết được cái nghĩa-vụ chơi sách chơi văn. Nếu cứ thu tay đứng về cái địa-vị khách-quan mà phàm-bình lão, người ta viết lấy cao-thâm, thì chê rằng cầu-ký; người ta viết lấy phong-phú, thì chê rằng bề-bộn; người ta viết lấy diễm-lệ, thì chê rằng hư-văn; người ta viết lấy tân-kỳ, thì chê rằng hiểu-sự; người ta viết lấy khôi-hải lý-thú, thì chê rằng du-hí; người ta viết lấy phép-tắc nghiêm-trang, thì chê rằng khắc-hoạch; người ta viết lấy giản-dị, thì chê rằng buồn; người ta viết lấy lưu-lợi, thì chê rằng suông; chỉ cao chê ngông, thấp chê lùn!... Hễ ai có hỏi đến ngòi bút của mình thế nào, thì tự-hồ làm cao, không chịu xuất-hiện. Túng-nhiên có xuất-hiện hằng ngày chẳng nữa, cũng chưa tất đã có bằng ai. Chơi sách chơi văn, mà chơi lấy một cách đứng nấp ở sau người như vậy, chẳng kém lắm ru! Cho nên lão phải xem cái ngòi bút của anh thế nào đã mới được. »

Cách một tháng, chàng ấy lại sang thưa: « Ngòi bút của tôi thế này, thế này, lại thế này. » Ông cụ nói: « Được! được! được! phen này lão cứu cho anh được. »

Rồi ông cụ liền đến chơi chỗ hai

cô. Hai cô ra nghênh-tiếp, nét mặt thì buồn rầu, hình như có ý muốn nói, mà chưa dám nói. Ông cụ hỏi ngay rằng: « Hai cô tiếc hai ông đồ chữ Nho, với hai ông đồ chữ Tây lắm đấy phải không? » Hai cô thưa: « Cụ là đạo phụ mẫu, chị em tôi không dám nói giấu gì cụ; tiếc lắm! tiếc lắm! » Ông cụ gật đầu, rồi lại lắc đầu và nói: « Tiếc là phải, hào-hoa phong-nhã đến cả cái gót chân, thì ai bằng ông nhà nho; phú-quí hiền-vinh kề ngay ở miệng túi, thì ai bằng ông tây-học; tiếc là phải. Nhưng đó là kẻ những người nho-học như trời như bể, tây-học như gió như điện kia. Chứ những người nho-học một dùm thi-ca mượn mẫu, tây-học ba câu cách-trí tráng mép nọ, thì đừng có ngẫm-ngoi cái danh-dự ấy mà lỡ. Tôi chắc rằng bốn ông ngất-ngưỡng và bép-xép ngày nọ ấy, là bốn ông dốt cả dẫu. Phượng-ngôn có câu rằng: « Người xấu mới hay làm tốt, người dốt mới hay nói chữ. » Bốn ông chẳng dốt, lại hay nói chữ thế ư? Thơ Đường thơ Tống thú-vị thật, nhưng cái thú-vị của thơ Đường thơ Tống, hai ông đồ chữ Nho kia vị-tất đã biết. Chữ Tây tinh-thần thật, nhưng cái tinh-thần chữ Tây, hai ông đồ chữ tây kia, chưa tất đã hiểu. Hai ông đồ chữ Nho tuy không phải là phường chim gái, nhưng cũng là phường chim thơ. Hai ông đồ chữ Tây tuy không phải là phường ăn-cấp tiền, nhưng cũng là phường ăn-cấp chữ. Cứ luận cho riết ra, thì cái tội chim gái, cái tội ăn-cấp tiền, thuộc về bỉ-sự của cá-nhân, tội ấy còn nhỏ. Cái tội chim thơ, cái tội ăn-cấp chữ, thuộc về đời-phong của dân-tộc, tội ấy lại to. Bốn ông kẻ cũng oan thật, nhưng mà cũng chẳng oan dẫu. Hai cô dù có tiếc bốn ông c ằng nữa, cũng chỉ nên tiếc lấy cái đức rung đùi và cái tài uốn lưỡi của bốn ông

đấy thôi, chứ kỳ-thực cũng không đáng tiếc gì cả. Nay, trời đã cho hai cô một người danh-sĩ rồi đấy, hai cô có biết hay không? » — Hai cô ngạc nhiên: « Nhà con không có đất thó, đã nặn đầu ra được người danh-sĩ bây giờ. » Ông cụ nói: « Các cô tưởng ngoài khuôn chữ tây chữ nho, không nặn ra được người danh-sĩ hay sao. Nay, bụt chùa nhà thiêng lắm đấy, chữ quốc-ngữ hay lắm đấy, ông danh-sĩ nhà cô giỏi lắm đấy; ông danh-sĩ nhà cô dù có kém thiên-hạ chẳng nữa, chỉ kém thiên-hạ về lối giả-cây, về nghề lấu-cá mà thôi, chứ ngoài ra cũng không kém gì ai cả. » — Ông cụ nói xong, rồi về.

Hai cô từ đó có ý hả lòng, liền hỏi chàng rằng: « Chàng giỏi quốc-ngữ đấy phải không? » Chàng đáp: « Giỏi lắm chứ! giỏi lắm chứ! làm người An-Nam mà lại chẳng giỏi về nghề văn-chương quốc-ngữ, thì lấy gì mà mở miệng ra với đời, tôi giỏi quốc-ngữ từ thừa mười hai bà mẹ Việt-Nam nặn cho tôi một cái lưỡi Hồng-Lạc ở trong bụng mẹ kia rồi, đến bây giờ hai nàng mới biết hay sao? »

Lại một hôm hai cô nói bốn chàng rằng: « Thiếp muốn phong cho chàng một cái chức, gọi là chức danh-sĩ, chàng có dám nhận không? » Chàng nói: « Sợ gì mà chả dám nhận. Nhưng cái chức danh-sĩ đó, phải đề thiên-hạ phong cho mới được, chứ con không có thể phong được cho cha; cha không có thể phong được cho con; em không có thể phong được cho anh, anh không có thể phong được cho em; vợ không có thể phong được cho chồng; chồng không có thể phong được cho vợ; bè-bạn cũng không có thể phong được cho nhau; mà mình cũng không có thể phong được cho mình. Từ rầy hai nàng cứ mua lấy những tân-văn tạp-chí quốc-ngữ, và những sách quốc-

ngữ xuất-bản cho nhiều, đem về mà xem, thì tự-khắc thấy ảnh-hưởng người danh-sĩ này. »

Từ đó, cái giá-trị ông danh-sĩ đối với hai cô, một đã lên mười, mười đã lên trăm, trăm đã lên nghìn lên vạn. Rồi ông danh-sĩ ấy, mới sang tạ ơn ông cụ láng-diềng nói rằng: « Lạy cụ trăm tuổi! lạy quốc-văn muôn tuổi! Nếu không có cụ thì danh-sĩ cũng đi đời nhà danh-sĩ rồi; ngờ đâu phương thuốc *nặng, sắc, huyền, hồi, ngã*, mà lại thần-thánh hiệu-nghiệm như vậy. Lạy cụ trăm tuổi! Lạy quốc-văn muôn tuổi! »

Ông cụ cười ha-ha nói: « Phàm sự ở trên đời, chẳng có người oan, sao có người may, anh thật là dạn lỗi mà hóa ra miếng huỳnh miếng chám, dẹt lỗi mà hóa ra nét phượng nét rồng. Nhưng lão cũng chẳng mừng gì cho anh, lão chỉ mừng cho hai cô lấy được người chồng danh-sĩ. Chứ rằng: « *Nhất Qui túc hĩ*. » Chứ tam-khoanh tứ-dõm, chữa tất đã hơn ai. »

Nhưng lạ thay! hai cô đối với cái oan-án của bốn ông, hình như vẫn còn thắc-mắc ở bên lòng, chưa có thể dứt băng đi được. Cho nên khi giở đến tờ tân-văn quyền tạp-chí, hay hoặc đi qua hiệu sách nào, vẫn có ý dò xét đề mà tìm xem có tên bốn ông hay không. Nếu có tên bốn ông, thì cái oan-án ấy cũng phải liệu tìm phương mà giải sao cho quyết, kéo nữa phụ lòng với cố-nhân. Nhưng khốn thay! đi qua hàng sách thì phải dòm mãi sang đằng sau tủ, cầm quyền tạp-chí thì phải vạch mãi đằng gáy sách, mà giở tờ tân-văn thì phải giở lên mà soi mãi lên tận mặt trời, cũng không dò thấy danh-hiệu của các ông. . .

TUÔNG HOÀ-LẠC⁽¹⁾

Tuông Pháp dịch ra quốc-ngữ

(Horace, tragédie de CORNEILLE traduite en annamite)

III

HỒI THỨ NĂM

Kịch thứ 1

LÃO HOÀ-LẠC, HOÀ-LẠC

LÃO HOÀ-LẠC

Thôi, đừng nhìn cái vật thảm kia nữa mà phải biết tay Trời xử-đoán. Thấy ta được sự về-vang, có ý muốn tự-cao quá, Trời khéo làm cho ta phải nhục. Ta sưng đến đầu cũng không khỏi có nỗi buồn, can-đảm đến đầu Trời cũng bắt có điều hối-hận, và không bao giờ cho ta được cái danh-dự chân-chính làm một việc công-đức vẹn-tròn. Ta không thương gì con Gia-mĩ, nó thế là nó có tội, ta thương cho thân ta, và ta thương mày hơn thương nó. Ta thương cho ta là đã đẻ ra đứa con gái không có bụng với nước như thế; ta thương cho mày là mày giết em mày mà mày làm ô-nhục cho danh-giá của mày. Không phải ta cho sự chết ấy là không công-bằng, là gấp-bạo quá; nhưng đáng mày đừng nên can-thiệp vào, cho khỏi phải tiếng xấu. Nó có tội thật, tội nó to lớn và đáng giết thật, nhưng ta không trị tội còn hơn trị bằng tay mày.

HOÀ-LẠC

Phép nước cho cha được quyền xử con sống được sống, chết phải chết. Con tuông nghĩa-vụ con phải lấy máu nó hi-sinh cho xã-tắc. Vì lòng cha xét sự con làm là đáng tội, để

chút di-hận đời-dời, mang tiếng ô-nhục mãi-mãi, thời cha nói một tiếng con xin chết. Con đã hèn mạt, làm nhục máu nhà, cha nên giết quách, để rửa nhục ấy. Con đã không thể dung được kẻ phạm-tội trong giống nhà, cha cũng đừng dễ làm ô-nhục họ Hòa-lạc. Gặp những sự phạm đến danh-dự như việc này, kẻ làm cha phải nên săn-sóc. Việc đã không dung được thời tình cha con cũng phải gác bỏ một nơi. Vì lại giấu-giếm thời thành ra tự mình cũng có phần vào đấy, và việc đã không ưng mà không trị thời thành ra cũng coi thường cái danh-dự của mình quá.

LÃO HOÀ-LẠC

Làm người cha không phải bao giờ cũng nên nghiêm-khắc quá, nhiều khi rộng thứ cho con là cũng vì mình. Tuổi già phải trông cậy vào con, không muốn hại con là sợ hại mình. Con mắt ta xét mày khác bụng mày tự nghĩ, ta biết thế... Nhưng vua tới kia, đã trông thấy linh thị-vệ vào.

Kịch thứ II

TU-LÊ, HOA-LÊ, LÃO HOÀ-LẠC,

HOÀ-LẠC, Quân thị-vệ.

LÃO HOÀ-LẠC

Tàu Hoàng-thượng, Hoàng-thượng hạ-cố lâm-ngự tới đây, thật là về-vang cho chúng tôi quá, chúng tôi

(1) Xem bốn hồi trên. N. - P. số 73, 74.

không dám mong được trông thấy long-nhan ở chốn này. Xin cho phép quí tàu. . .

TU-LÊ

Không, ông đừng lên ; ông, tôi làm đây là phận-sự ông vua phải làm. Đã có công to với nước như thế, đáng được vinh-hiến là dường nào. Thầy Hoa-lê đã đến nói trước ông biết, tôi không muốn tri-hoãn lâu nữa. Thầy đã tàu tôi biết (mà trong lòng tôi cũng vẫn chắc thế đã lâu) rằng ông tuy mất hai người con trai mà lòng ông vẫn can-đảm biết bao nhiêu, không cần phải đến tôi an-ủi. Nhưng tôi vừa được tin sau khi con trai ông đã lập-công hiên-hách như thế, lại mới xảy ra một cái tai-nạn kỳ thay, là con trai ông vì có bụng với nước quá mà quá tay giết mất người con gái một của ông. Việc này thời đầu người rất kiên-gan cũng không khỏi đau-đớn, chẳng hay bụng ông thế nào.

LÃO HÒA-LẠC

Tàu Hoàng-thượng, chúng tôi cũng lấy làm rầu lòng, nhưng chúng tôi vẫn cố cho vững dạ.

TU-LÊ

Thế là ông đã từng trải việc đời mới được yên-tâm như thế. Nhiều người đã sống lâu ở đời biết rằng người ta được sự sung-sướng rất êm-dềm, thường hay kể ngay sự khổ-sở, nhưng ít người có thể kiên-nhẫn được như ông và thường vị lòng tấy riêng bỏ đi điều đức lớn. Vì lòng thương-xót của tôi có làm cho bớt được sự cực-khổ của ông, thời xin ông biết cho rằng ông đau-đớn rất mực, lòng thương tôi cũng rất mực, và tôi yêu-quí ông bao nhiêu, tôi ái-ngại cho ông bấy nhiêu.

HOA-LÊ

Tàu Hoàng-thượng, Trời đã đề lễ công-bằng và sức pháp-luật ở trong tay các vua-chúa, và quốc-gia thì trông cậy ở các ngài đề thưởng kẻ có công, phạt kẻ có tội, kẻ hạ-thần đây xin mạo-muội dám nhắc Hoàng-thượng nhớ rằng hiện đây có kẻ có tội đáng trừng-trị mà Ngài lại quá thương đến xót-sa như thế ; xin Ngài. . .

LÃO HÒA-LẠC

Thế nào ? Kẻ có công thăng-trận, lại đem ra hành-hình hay sao ?

TU-LÊ

Ông cứ đề cho thầy ấy nói nốt, rồi ta sẽ phân-xử. Ta muốn xử công-bằng cho mọi người, bất-cứ lúc nào, bất-cứ chỗ nào. Vua có đức công-minh mới đáng bậc thần-minh, và tôi ái-ngại cho ông là con ông đã có công như thế mà lại có tội như vậy.

HOA-LÊ

Ngài là đứng đại-vương rất công-minh, xin ngài đề cho hạ-thần thay lời những kẻ lương-dân mà tàu ngài ; không phải lòng chúng tôi có ghen tức gì sự vinh-hiến của anh Hòa-lạc : anh ấy vinh-hiến nhiều là bởi anh ấy có công-cán to, ngài nên tặng cho ơn nữa, chứ đừng bớt cho kèm đi ; chúng tôi xin sẵn lòng biếu-dương cho rực-rỡ hơn. Nhưng mà đã phạm phải cái tội-ác như thế, thời thăng - trận được vẻ-vang, mà phạm tội phải chịu tội. kẻ hung-ác như thế, xin ngài phải ngăn cấm, ngài muốn trị-vi dân La-mã nên cứu cho người La-mã khỏi phải cái tay hành-hung ấy. Sự an-nguy của quốc-dân là quan-hệ ở đó. Sự chiến-tranh ghê-gớm dữ-dội quá, mà trong lúc hòa-bình thời hai dân-tộc ở gần nhau đã bao nhiêu nhà kết-hôn với nhau, thành ra không có mấy

người La-mã mà ở quán bên kia không bị thiệt mất người con rể hay người em vợ, không mấy người là trong khi vui-mừng chung cho nước mình lại không phải rỏ mấy giọt nước mắt cho những nỗi thương-tiếc riêng. Nếu thế là phạm tội với La-mã, và nếu vì có công may-mắn đánh được trận, lại được quyền tự-do trị tội người ta thương khóc như thế, thời cái kẻ thắng-trận đã-mạn kia, đến em gái nó nó còn không biết tha, không biết thương thay một người con gái có tình, giữa lúc sắp được kết-duyên Tần-Tấn, được ngay tin kẻ tình-nhân bị chết, vỡ-lỡ khóc than, thế mà nó cũng không biết thương thì nó còn tha cho ai nữa? Nó làm cho La - mã được thắng, mà chính là nó nô-lệ La-mã đó, nó có quyền sinh-sát đối với chúng tôi thì chúng tôi là kẻ có tội cả, rộng thương cho ngày nào được sống ngày nấy mà thôi. — Đó là lấy lẽ nước mà nói; tôi có thể nói thêm rằng một cái thủ-đoạn như thế thật là không xứng - đáng với một kẻ làm người; tôi có thể xin cho đem ra trình ngài cái công-trạng hiên-hách của tay thiện-thắng ấy; ngài sẽ thấy cái máu oan của người thực-nữ bắn dầy vào mặt kẻ làm anh vô-loại; ngài sẽ thấy cái cảnh bi-thảm không thể tư-lường được, ngài trông thấy con người thanh-niên nhan-sắc mà ngài phải động lòng. Nhưng tôi bất-tiết dùng những cách mưu-chước như thế. Ngài đã hoãn tế thần đến mai; ngài thử nghĩ thần-minh xưa nay vẫn ủng-hộ cho kẻ vô-có, có lẽ nào lại nhận hương-hoa ở tay một kẻ đã giết em như thế? Nếu làm sự tiết-dộc ấy thì trách-nhiệm sẽ đến ngài, xin ngài coi kẻ ấy như kẻ thần-minh đã ghét bỏ, và cùng chúng tôi xét cho rằng trong ba trận hấn đánh được, công hấn có ít mà vận La-mã thật nhiều, vì rằng thần-minh kia đã

cho hấn đánh được, lại tức-khắc làm cho ô-nhục cái danh-giá của hấn, khiến cho đã có công can-dảm như thế mà trong khoảng một ngày vừa đang được hưởng vẻ-vang mà lại vừa đang phải chịu tội chết. Tàu Hoàng - thượng, xin ngài phải phán-đoán cho điều đó. Chốn này là chốn xảy ra cái tội anh giết em thứ nhất ở thành La-mã đây, phải nên sợ còn xảy ra tội khác nữa, và sợ sấm-sét của thần-minh. Xin ngài cứu cho chúng tôi khỏi tay hung-ác, và nên biết cái oai của thần-minh.

TU-LÊ

Hòa-lạc, cho anh chống cãi đi.

HÒA-LẠC

Con chống-cãi để làm gì? Việc thế nào, ngài đã biết, ngài vừa nghe thuật lại đây, ngài định thế nào con cũng phải chịu. Tàu Hoàng-thượng, ý quân-vương đã quyết-định, dẫu chống-cãi cũng vô-ích, nếu vua cho là đáng tội, dù vô-tội cũng có tội. Đối với vua muốn tránh lỗi là có lỗi; máu thần-dân là của nhà vua, muốn sử-dụng thế nào cũng được, đã là của nhà vua sử-dụng thời chúng tôi phải tin rằng không có khi nào dùng không dich-dáng. Tàu Hoàng - thượng, xin ngài xử-định, con sẵn lòng theo. Kẻ khác thương tiếc sự sống, con đây phải ghét bỏ sự sống. Con không trách anh Hoa-lê hăng-hái, vì có tình với em con mà hạch tội con, ngày nay anh ấy nguyện cho con thế nào, thật lòng con cũng tự-nguyện như thế. Anh ấy xin làm tội chết con, con cũng vẫn ước-ao như thế. Duy chỉ có một điều khác nhau, là con muốn bảo-toàn danh-dự của con, mà anh ấy cầu cho con chết là để phá-hoại cái danh-dự ấy, còn con cầu cho con chết là để giữ trọn cái danh-dự ấy. — Tàu Hoàng-thượng, người ta ở đời ít khi có dịp tỏ được

hết cái tài-đức của mình; tùy lúc có khi lộ ra ít hay lộ ra nhiều và kẻ trông thấy cho là hơn hay là kém. Người bình-dân, chỉ biết trông ngoài vỏ, thấy lộ ra ngoài thế nào thì xét tài-đức như thế; muốn cho bề ngoài bao giờ cũng như bao giờ, và đã lập được kỳ-công thì cứ phải lập kỳ-công mãi; sau khi đã làm được một việc hiền-hách rực-rỡ, hề thấy cái gì không rõ-ràng bằng thì không cho là mãn-nguyện: muốn cho người ta lúc nào cũng như lúc nào, chỗ nào cũng như chỗ nào. Không xét cho rằng lúc bấy giờ có thể làm được hơn, và dầu không phải khi nào cũng lập được kỳ-công, là chỉ vì không có dịp, chứ tài-đức bao giờ cũng thế. Lòng bất-công như thế làm tổn-hại danh-giá những kẻ có công to; cái danh-dự việc trước, đến việc sau phải mất, và một người đã có tiếng xuất-chúng, nếu không thể giữ cho khỏi sút kém, thì không nên làm cái gì nữa.

— Con không dám phó-phang cái công chiến-thắng của con; Hoàng-thượng ngài đã biết ba trận đánh của con: tướng cũng khó lòng đánh được trận nào như thế nữa, khó lòng có một dịp nào như dịp ấy nữa, và đã ra tay nên được những thủ-đoạn như thế thời dầu hết sức can-dảm sau này cũng không làm gì được hơn nữa. Thành ra nếu muốn giữ cho trọn cái tiếng thơm, ngày nay chỉ có một chết là toàn danh-dự. Mà sau khi thắng-trận, giá chết ngay mới là phải, vì đối với danh-dự, sống thế này cũng là sống quá rồi. Một người như con mắc phải điều tội ác gì là danh-giá bại-hoại, tự tay con tướng cũng có thể giữ cho khỏi cái nhục ấy. Nhưng ngài không cho phép thì con không dám tự giết. Máu con là của nhà vua, ngài phải quyết-định thế nào; nếu tự-tiện hoại đi, là cướp của Triều-đình La-mã không thiếu gì võ-sĩ giỏi, không có con còn có cháu kẻ khác hộ-vệ cho Hoàng-triều, xin Hoàng-thượng từ nay chước cho

con việc đó. Vì công con có đáng chút thưởng gì, thời con tâu ngài xin cho được phép lấy tay này giết thân này để hi-sinh cho danh-dự của con, chứ không phải cho vong-linh em con.

Kịch thứ III

TU-LÊ HOA-LÊ, LÃO HÒA-LẠC,

HÒA-LẠC, SA-BIÊN

SA-BIÊN

Tâu Hoàng-thượng, xin ngài dủ lòng thương nghe Sa-biên tâu đây, lòng đương đau-dớn vì nỗi làm chi, vì nỗi làm vợ, vừa than khóc cho nhà, vừa lo sợ cho chồng. Tôi nói thế không phải là lập mưu để cho kẻ có tội tránh khỏi lưới công-ly. Chồng tôi dầu có công với nhà vua, xin ngài cũng cứ tội ngài xét, và xin làm tội ngay tôi để trị tội chồng tôi. Giết tôi cũng như là giết chồng tôi; làm thế không phải là có lòng quá thương chồng tôi đâu, chính là làm cho đau khổ vì bị mất kẻ thân yêu. Nghĩa vợ chồng, tình thương nhau làm cho chồng tôi sống vì tôi hơn là sống vì mình, nếu ngài làm ơn cho tôi được chết hôm nay thời chồng tôi sẽ vì tôi mà chết trong ruột lơn là chính mình bị chết. Tôi cầu cho được chết, và thế nào cũng phải được mới nghe, để cho chồng tôi phải thêm khổ mà tôi đây được hết khổ. Xin Hoàng-thượng xét cho nông-nổi tôi cực-khổ biết thế nào, tình-cảnh tôi khổ-nạn là dường nào. Ăn ở với một người chồng tay đã giết hết cả nhà mình, thì ghê-thảm biết thế nào! Mà người chồng ấy đã có công với nhà, với nước, với vua, đem lòng oán ghét cũng là không phải lắm. Thương yêu một người còn dính máu em mình, ghét bỏ người chồng đã có công cứu nước, hai đáng cùng khổ cả. Xin Hoàng-thượng cho tôi được chết cho khỏi cái tội thương cũng cực mà không

thương cũng cực. Ngài hạ-lệnh cho điều đó, thật là cái ơn-huệ không gì bằng : tay tôi có thể tự giết tôi được, như ngài truyền cho phải chết thời cái chết ấy sẽ mát-mẻ cho tôi hơn. vì tôi chịu tội thì chồng tôi được thoát tội, tôi đem máu ra hi-sinh cho thần-minh thì thần-minh cũng giúp được nổi giận vì chồng tôi nghiêm-khắc quá, và sau nữa tôi chết là được thỏa cho vong-linh em gái chồng tôi mà lại vừa giữ được cho La-mã một tay võ-sĩ có công.

Lão Hòa-lạc, nói với vua.»

Tâu Hoàng-thượng, vậy thời tôi đây phải trả lời cho Hoa-lê. Con tôi cùng với Hoa-lê đều mưu muốn hại tôi, cả ba người đều muốn hại tôi, nhà tôi chỉ có chút máu đó còn lại mà ba người vô-cố muốn đòi lấy cho được.

(Nói với Sa-biên)

Con tỏ ra đau-dớn như thế là trái với nghĩa-vụ của con, muốn bỏ chồng để theo em, thời nên hỏi vong-linh các em xem có thuận không. Các em con vì nước mà chết thì chết cũng hã dạ, vì vận trời đã định cho thành An-ba phải nô-lệ, thấy cái danh-dự về bên ta cả, vì chết mà còn biết, cũng không lấy sự đó làm đau-khổ cho lắm. Thấy con - đau dớn, con khóc-lóc, con thổ-than, con rùng-rẩy một người chồng có công có đức như thế, chắc các em con có biết cũng không bằng lòng. Nay Sa-biên, con nên tỏ ra xứng-dáng làm chị những em ấy, nên theo cho chọn nghĩa-vụ cũng như các em con.

(Nói với vua)

Tha-hồ cho anh Hoa-lê tức giận người chồng quý của con dâu tôi kia : sự hành-động hăng-hái không phải là cái tội ác, và nếu vì lòng đạo-đức mà hành-động như thế, thì không

những không đáng hành-tội mà lại phải khen-lao. Mê-hồn mà thương-yêu kẻ thù-dịch với nước, thấy kẻ ấy phải chết mà tức giận đến chửi rủa cả nước, chúc cho nước những sự khốn-nạn vô-cùng, đó gọi là cái tội ác, mà con tôi ra tay trị tội ấy. Con tôi chỉ vì lòng ái-quốc mới ra tay như thế. Vì không yêu nước đến thế thì việc gì mà tội-lỗi với ai. Nhưng tôi nói thế là nói lầm, chứ con tôi vô-tội, nếu có tội thì tôi đây đã trị rồi; nếu hẳn có tội thì làm cha có quyền sinh-sát, tôi đây cũng biết dùng quyền ấy. Hoàng-thượng cũng biết tôi là người trọng danh-dự, tôi không có để cho ô-nhục đến tiếng nhà tôi. Không còn phải ai làm chứng, chính anh Hoa-lê đã mục-kích đấy, lúc tôi còn mới biết có một nửa cuộc chiến-đấu, tôi tưởng rằng hẳn chạy trốn mà phản nước thì lòng tôi căm giận biết bao nhiêu, anh ấy đã biết đấy. Việc là việc nhà tôi, ai nhờ anh ấy phải sấn-sóc đến ? Ai nhờ anh ấy phải báo-thù cho con gái tôi ? Con gái tôi chết là phải, tôi đây là cha cũng không thương, có sao đến anh ấy phải thương ? Sợ rằng con tôi đã giết em gái thì không khỏt giết đến kẻ khác, ấy mới lo xa chứ ! Tâu Hoàng-thượng, có việc nhà mình mình mới chịu xấu lây, chứ còn kẻ khác ăn-ở thế nào mặc lòng, không dính-dáng đến mình, việc gì mà mình xấu-hỗ.

(Nói với Hoa-lê)

Anh Hoa-lê, anh cứ việc khóc, khóc ngay trước mặt Hòa-lạc cũng được. Con tôi chỉ biết thiết-tha đến cái tội của kẻ giòng giống mình mà thôi; người không phải là máu-mủ nhà thì không thể làm nhục cái danh-giá thanh-cao của mình được. Ôi ! cái vinh-dự rực-rỡ kia, như vẻ hào-quang sáng quắc trên đầu, có kẻ muốn phá-hoại, nhưng lẽ nào đến mất được, mà

đem đầu cho kẻ tay đao hành-tội như đũa tác-ác thường? Hỡi dân La-mã, có thể ngồi yên mà để cho giết một người đã có công cứu nước, không có người ấy thì La-mã không còn là La-mã nữa hay không? Có thể để cho một người La-mã cố chí muốn hại kẻ võ-sĩ đã làm cho nước được vẻ-vang như thế hay không? Nay, anh Hoa-lê, tôi thử hỏi anh, anh muốn cho con tôi chết thì anh thử nghĩ chọn chỗ nào để hành-hình? Có nên chọn ở trong tường thành đây, là chỗ nghìn vạn con người vừa mới hoan-hô ca-tụng công-trạng của con tôi không? Hay là chọn ở ngoài tường thành, hãy còn lênh-láng máu họ Cù-liệt, giữ chỗ còn chôn xác ba người, giữa nơi chiến-trường mà con tôi đã trở tài hiển-hách không? Làm tội ở đâu cũng không thể không nhớ đến công được; trong thành ngoài thành, đầu đầu cũng vang-lừng danh tiếng của con tôi. Dù lòng anh hờn giận cố-chỉ đem cái máu hăng-hái kia để làm nhục cái ngày vẻ-vang này, nhưng hết thầy đều ngăn-trở anh cả. An-ba không thể nào nhẫn trông được cái cảnh ấy, mà La-mã thời ấy là khốc-lốc cố ngăn cho không làm được.

(Nói với vua)

Tâu Hoàng-thượng, xin ngài ra tay ngăn-cấm, ngài xử-doàn công-bằng cho hợp với quyền-lợi La-mã. Hẳn đã có công với nước, hẳn còn thể có công được nữa, gặp buổi quốc-gia hữu-sự, còn thể ra tay cứu giúp được nữa. Xin ngài đừng vì tuổi già này; tôi có bốn đứa con, thì ba đứa đã vì La-mã mà chết bữa nay; bây giờ còn lại một đứa, xin giữ lấy để dùng việc nước, kẻ đã có công chống-giữ cho nước như thế, không nên giết đi mất hoai của. Tôi nói thế là hết, xin phép cho tôi bảo con vài điều.

(Nói với Hòa-lạc)

Con ơi, con đừng tưởng kẻ ngu-dân có quyền chủ-trương được cái danh-dự to-tát của ta dân; tiếng xôn-xao tuy có làm rộn-rịp, nhưng một lúc vo tròn, rồi một lúc lại bóp bẹp, đâu có giúp cho danh-giá ta được vẻ-vang cũng chỉ thoảng một cái là ra mây ra khói cả. Phải là kẻ vua chúa, kẻ quyền-quí, kẻ thông-minh, mới biết cái tài-cán của người ta được tỏ tường; chỉ những bậc ấy mới cho ta được cái chân-danh-dự. Con cứ giữ lấy cái tư-cách họ Hòa-lạc, thời đối với những bậc ấy tiếng con sẽ được vẻ-vang rực-rỡ mãi, dù gặp phải cái dịp không tốt mà kẻ ngu-si ngỗ-nhận cũng mặc lòng. Vậy con không nên ghét sự sống, ít ra cũng phải vì ta mà sống để giúp nước, để thờ vua.

Tâu Hoàng-thượng, tôi nói thế đã nhiều quá rồi, nhưng việc này là thuộc quyền Hoàng-thượng, tôi chỉ xin thay lời cả thành La-mã mà tâu Ngài như thế.

HOA-LÊ

Tâu Hoàng-thượng, xin ngài cho phép con. . .

TU-LÊ

Thôi, Hoa-lê. Những lời cha con Hòa-lạc nói không có làm cho ta quên lời anh đâu. Trong trí ta vẫn nhớ những giọng thiết-tha của anh, và các lẽ anh nói ta không quên lẽ nào cả. Các tội nặng đó, phạm ngay trước mắt ta, thật là trái với đạo thiên-nhiên và mạn cả phép thần-minh. Hành-động hăng-hái mà đến thành tội nặng như thế, thời không có lẽ gì chánh-dáng mà dung-thứ được. Dầu luật-phép rất khoan-dung cũng phải trị tội ấy, và cứ theo phép-luật thời đáng xử chết là phải. Vì nay lại đoái xét đến kẻ phạm tội thời thấy tội

Ấy tuy to-lớn thật, tuy không dung được thật, nhưng cũng là ở một cái tay, một thanh gươm kia đã làm cho ta được làm vua hai nước. Hai ngôi vua thuộc về ta, An-ba phải thần-phục La-mã, công ấy cũng đủ kêu-nài cho khỏi chết; không có hấn thì ta đây phải vâng theo luật-phép người, chứ có đâu được cầm quyền phép như bây giờ. phải thần-phục nước người, chứ có đâu được làm vua hai nước như bây giờ. Trong các lĩnh thiếu gì những kẻ bày-tôi tốt, chỉ biết cầu-nguyện suông cho nhà vua, thế là trợn đạo quân-thần. Ai cũng có thể trung-ái với vua, nhưng không phải là ai ai cũng có sức lập công giúp nước, và cái tài phù-tri đắp vững được ngôi vua là cái tài riêng của Trời ban cho ít kẻ mà thôi. Những kẻ bày tôi ấy là cái sức mạnh của nhà vua, và những kẻ ấy là đứng cao hơn luật-phép. Vậy thời đừng có viện pháp-luật ra làm gì, và chính La-mã cũng nên quên cái tội ông thủy-tổ La-mục-la thừa trước. Tội ông thủy-tổ đã chịu được thì tội kẻ cứu-quốc ngày nay cũng chịu được.

Hòa-lạc, anh là kẻ võ-sĩ khảng-khái, cho anh được sống. Bụng khảng-khái của anh làm cho sự danh-dự anh cao hơn cái tội-lỗi của anh, vì anh khảng-khái quá nên mới đến nổi phạm tội, thời tội ấy cũng xét tích mà khản-guyên được. Vậy thời nên sống dè mà giúp nước, nên sống và nên cứ giữ

lấy tình thân với Hoa-lê, hai người đừng có giận-dữ ghen-ghét chi nhau nữa, và dù anh ấy vị tình hay vị nghĩa mà phản-đối anh, anh cũng cứ nên thân-nhiên mà ăn-ở với anh ấy.

Còn Sa-biên thời chớ nên thiên lòng đau-dớn quá, người dạ cả không nên có bụng tây riêng. Phải nên cố gương mà đừng than-khóc nữa mới thực đáng làm chị những em chị đương khóc.

Ngày mai ta phải làm lễ tạ thần, nhưng nếu trước khi hành-lễ không bảo bọn lãng-dồ tìm cách giải-oan thời lòng Trời có lẽ không được thỏa-thuận chăng. Việc đó đề ông Hoà-lạc sẽ chu-tất; ông sẽ làm lễ giải-oan cho vong-linh nàng Gia-mĩ. Ta đây cũng ái-ngại cho nàng, nàng đã gặp phải số-phận khắt-khe, khối tình phải mang nặng xuống tuyền-dài, trong một ngày đôi lứa tình - nhân vừa phải một tay giết hại, thời tôi muốn cho hai người cũng chết một ngày sẽ được cùng chôn một mả.

Hết

T.-C. dịch

(Cuối bài tường Hòa-lạc; ông CORNEILLE có phụ thêm mấy lời bình-giải, đại-khái tự bình-phẩm về cách kết-cấu của mình, theo phép tường cổ. Xét ra thời có nhiều điều quá cũ, không khỏi câu-nệ, vậy tường không cần phải dịch ra đây.)



DU-LUẬN NHÀ QUÊ

Sự biến-đổi của hương-thôn từ xưa đến nay (1)

II

Nói về thực-nghiệp

Trước khi xét về thực-nghiệp hãy thử xét xem thực-nghiệp bởi đâu mà sinh ra, và cái yếu-tố của thực-nghiệp là gì.

Loài người ta từ buổi hãy còn hôn-mang, nằm hang ở lỗ, ăn sống nuốt tươi, cũng đã biết chuốt đá làm đồ mà chống-chối với những loài điều-thú để bảo-thủ sự sống của mình, rồi dần biết cày cấy giồng-giọt lấy cái mà ăn, biết chế loài kim loại mộc để làm đồ mặc đồ dùng, đó tức là thực-nghiệp vậy.

Nhưng mà người ta lại còn một cái tính không muốn tự-cam, nghĩa là không những chỉ chịu sống ở một cái cảnh hẹp-hòi dẽ-hạ nào mãi mãi, lại muốn thu-hoạch hết cả những vật-chất trong trời đất do trí-khôn mình tưởng-tượng cảm-giác, mà mở-mang sửa đổi cho cái đời mình mỗi ngày một phong-phú hơn. Ấy là cái yếu-tố của thực-nghiệp đó.

Cái nguyên-tố ấy cứ thuận mà suy thì bắt đầu tiến từ nghề nông, rồi đến công-nghệ, rồi sau nữa đến thương-nghiệp. Cứ nghịch mà suy thì khởi-nguyên tự cái lòng thị-hiểu, thị-hiểu ấy là cái nguyên-động-lực nó dun đầy xui-giục trí-lực người ta phải ra tay chế-tạo ra những vật-liệu để mà nhu-cấp cho sự cần-dùng, sau nhân sự cần-dùng chung, kẻ này cần của kẻ nọ, dân nọ cần của dân kia mà sinh ra sự giao-thông buôn bán; nhu-yếu càng nhiều, chế-tạo càng lắm, thời nó lại thúc-giục nghề nông phải sinh sản mau để kịp cung-cấp cho sự chế-tạo sự cần-dùng. Nói tóm lại thời cái sức tấn-bộ của nông-nghiệp, công-nghệ, thương-nghiệp là tổng-thị nhờ cái nguyên-động-lực thị-hiểu mở đường cho phát-đạt lên.

Nay thử xét xem cái lòng thị-hiểu của dân ta từ xưa đến nay thế nào.

Người mình cũng là một giống người đứng trên mặt đất, lại là một giống bầm-tinh thông-minh, vậy thời không thể bảo rằng không có thị-hiểu được. Người mình cũng là một nhân-loại, cũng có cái bụng ham muốn thêm-thưởng những cái hay cái đẹp, cái sung-sướng phong-lưu. Chỉ tiếc rằng cái lòng ham-muốn ấy bị cái thói chuyên-chế nó dẽ-nén vùi-dập đi mất ngay từ hồi đầu, cứ trông cái tang-chứng dân-gian bần-khốn ngày nay thời đủ biết vậy.

Ái cũng bảo cái thói chuyên-chế nó chỉ dẽ-nén về đường chính-trị phong-tục và bất quá về giáo-dục luân-lý nữa là cùng, chớ có lẽ nào lại dẽ-nén cả đến cái lòng ham muốn của người ta mà kết-quả đến khô-héo mất cả thực-nghiệp nữa.

Thế mà thật, nó cũng bởi cái tục và cá luật đem đặt một số người lên trên đầu nóc xã-hội quốc-gia, nghiêm-nhiên làm một hạng thần-thánh xa cách với cõi người đời.

Địa-vị đã cao-siêu, thị-hiểu cũng đặc-biệt, nghĩa là bao nhiêu cái tốt, cái đẹp, cái sướng, cái thỏa ở đời đều thu-quát vào cả chung-quanh mình để cho nó xứng-đáng với cái ngôi báu của mình, cũng như là đồ tự-khi để thờ thần vậy. Rồi bao nhiêu những tay nhà nghề khéo trong dân-gian đều thu bắt hết thầy để hành-dịch cho mình; còn dân-gian thời giàu có mặc dầu, khôn-ngoaan mặc kệ, nếu ngộ-dụng phải thời pháp-luật sẽ khép vào tội «lộng-hành».

Người dân đã không được hưởng một chút vật khéo đồ đẹp nào, thời cái nhân-sinh lạc-thú cũng tuyệt mất cả. Sự hạnh

(1) Xem N.-P. số 72

phúc đã không có, trí tiến-thủ cũng tắt đi, đồ vật đẹp không được dùng, lòng hi-vọng cũng nguội lạnh, mà tinh-thần năng-lực cũng tiêu tán đi, trong lòng chán-nản, chân tay rời-rạc, không thiết gì suy-tầm tạo-tác ra những kLi-vật mỹ-xảo tinh-kỳ nữa.

Ấy xã-hội Tây-phương với xã-hội Đông-phương mà sở-dĩ văn-minh và hắc-ám khác nhau, khôn-khéo và vụng-dại không như nhau cũng là bởi một cái nguyên-nhân này đứng đầu cả. Ở Tây-phương thời nghìn năm về trước cũng như dân mình, bao nhiêu những vật khéo đồ tinh ở dưới trần này là lũng-đoạn trong tay một bọn quan quyền, bọn qui-tộc, nhưng từ thế-kỷ thứ 15, 16, sau đời phong-kiến trở đi, cái chủ-nghĩa về dân-quyền đã thấy phảng-phất ở trong dân-gian, thời cái luồng sóng hào-hoa phong mỹ đã tràn phá bức dề qui-tộc quan-liêu, mà ra cả các hàng nhân-dân; nhất là từ sau hồi Đại-Cách-mạnh năm 1789 ở nước Pháp, cái lý-tưởng về quyền con người ta đã thành-bình rồi, thời tài hay nghề khéo lại được tự-do phát-siễn, tự-do thâm-nhập, nhờ thế mà không bao lâu xã-hội đổi hẳn ra một cái tân-diện-mục phong-phủ hùng-cường, dần dần tràn ngập ra khắp nhân-loại. Đến người mình đây thời qua mấy nghìn năm không gặp được cái cơ-hội nào như thế, cho nên cái trình-độ quốc-dân cứ bị trói-buộc trong vòng dè-tiền, công-nghệ thô-sơ, lý-tài khốn-nạn, rồi thì sinh-hoạt lầm than, đạo-đức đồ nát.

Đó mới là cái nguyên-nhân bởi lấy quyền-thế mà bế-tỏa cái lòng thị-dục của người ta, lại còn cái nguyên-nhân tệ hơn thế nữa. Cái nguyên-nhân này là sự cạnh-tranh.

Cạnh-tranh ! nếu thực-nghiệp mà lại được « sự cạnh-tranh là mẹ tiến-hóa » sinh-sản cho, dưỡng-dục cho, thời còn gì hay bằng. Song cạnh-tranh ở người mình nó chỉ là « kẻ cướp tiến-hóa » mà thôi, vì người mình chỉ có cái tính tranh trên tranh dưới ở trong vòng hư-danh thời,

Nhưng thử hỏi cái danh nó quý-giá thế nào mà đến nỗi cạnh-tranh dữ-dội lắm thế ? Há chẳng phải tại đem đặt nó lên đầu óc quốc-gia xã-hội, còn thực-nghiệp thời đem bỏ cả xuống gầm mà hóa ra thế ư ? Người cần-cù nhẫn-nại, sinh-lợi bien-nhiên, thời lờ đi không biết đầu đến, mà kẻ tuế-nguyệt an-nhàn, thời đã hậu-công lại hậu-thưởng, trách sao cả một xã-hội đông-đảo không dày-xéo nhau mà kéo vào mấy túp nhà công, và sự học là cái lợi khi dễ mở-mang tri-thức, tăng-tiến đạo-đức, thu-hoạch muôn vật trong trời đất để cung-cấp cho loài người, không đem mà trị vào mấy tranh-trát sáo, mây tờ bầm cùn, mấy quyền sở-môn, mây mớ giấy lộn... Lại oan-nghiệt thay mấy túp sở công không sao chứa nổi cả một dân-tộc, biết bao nhiêu người nưà chừng vấp ngã, đau-dớn thiệt-thời, khi quay về cư-xử với dân, cái giá-trị con người cũng không nhân-mang thêm học-thức mà được kiến-trọng với dân-chúng. Cũng có lẽ bởi thế mới sinh ra bức-tức mà đoạn-tuyệt với cái quốc-gia chung, phản-thiết ra vô-số những quốc-gia nhỏ là các hương-thôn, cũng đặt ra cái giòng trật-tự như đại-quốc-gia, rồi thiết-quan phân-chức mà cai-trị dân ; nhưng cốt là để hưởng lấy cái lòng kính-sợ của bọn ngu-xuân, chớ không rồi mà vận-động gì về đường hương-chính; hương-chính sẽ giao xuống cho những kẻ hầy còn nguy-ngập ở trong cái đám người thường, mà chính cái mục-dịch của hương-chính ấy cũng không phải là ở ngay hương-chính, mục-dịch hương-chính chẳng qua là cái cầu để đi qua sang bờ ngời-thứ mà thôi. Lại khốn về nỗi cái cầu hương-chính chỉ khả-dụng được một hai người, không thể cứu hết cái đám người châu-chực ở bên bờ dè-nhục bên kia, nhân thế mới đặt thêm ra một cái cầu rộng hơn, là tục mua danh bán chức.

Sự tồn của hao người về cái cầu mua danh bán chức ấy không nói làm chi, chỉ buồn rằng người mình có một cái tính

cũng lạ, là hề đã đòi mình ra một cái ti-danh tiểu-chức gì là từ đây đoạn-tuyệt ngay cái nghề căn-bản đương liên-lạc với mình, dường như cho là một cái hình xấu-xa, không xứng đáng với cái mình mới của mình nữa !

Hôm trước còn làm cái thân thẳng cu bố dĩ thời vai cày tay cuốc xôn-xao, hôm sau đòi ra bác xã thầy nhiều đã áo thụng quần chân xúng-xính ! Hôm nay còn mang cái tiếng phò cả phò hai tay thước tay riu chằm-chỉ, ngày mai hóa làm thầy lý thầy cai chỉ đó, đã vênh-vao nặng-bộ, mắt đỏ môi mèm ! Thế mới biết cái hoàn-cảnh nó biến-hóa người ta mau thật, mạnh thật ! Mà cái thói đời nó thật là một thứ hơi độc, một thứ thuốc mê, đã trúng vào ai là người ấy bất-linh nhân-sự, khua chuông bao gọi mãi cũng không thấy hồi !

Nhưng đó mới là cái thói tự-khinh-khi, tự hủy-hoại những nghề-nghiệp gia bản bởi cái tục độc-trọng hư-danh. Lại còn cái thói tương-tương tương-tặc, tương-phá-tương hoại lẫn nhau cũng bởi cái tục ấy nữa. Là một xã hội mà chỉ biết đánh giá người ta khinh hay là trọng bằng cái chỗ ngồi thấp hay là cao, rồi kể ở cao sẽ dè dặt dè dặt dè dặt kể ở thấp, kể nào cũng có bụng lo, vì kể nào cũng dè được người, và bị người dè lại cả. Muốn mình dè được nhiều người và khỏi bị nhiều người dè mình, thì duy có một cách diệu nhất, là trước hết ra tay phá-hoại cái nghề-nghiệp, cái gia-bản của những kẻ kia đi, để không còn lấy gì mà mua chuộc được cái sức dè nhen nữa. Sự phá-hoại ấy hoặc dùng phương-pháp bạo-động là trộm cướp quýt lường, hoặc dùng thái-dộ ôn hòa là đi ra tỉnh tiêu thụ vật-hóa ở ngoài, chẳng cần gì tiện-lợi, chẳng ngại gì giá cao. Tự-trung có ít nhà có của sinh-sản thiên-nhiên, không thể phá được là các nhà điền-phú mà thôi. Nhưng mà nhiều khi dùng cách kiện cáo nhau, thời của gì phá cũng nổi.

Ngày nay thời dân-gian nhờ được Chánh-phủ sáng suốt mà sự ám-phá ấy đã dần bớt đi, nhưng cứ tình-thế chung thời thực-nghiệp ở chốn thôn-quê cũng khó lòng mà bảo toàn cùng phát-dạt được :

Ai cũng mừng rằng ở vào cái đời mới này, người mình những kẻ có trí-thức cũng đã chịu đặt mình vào thực-nghiệp ít nhiều. Nhưng đối với dân thời đặt vào có một cái mình không cũng chưa đủ ngăn-ngừa được cái luồng âm - phá như trên kia, muốn ngăn-ngừa được thời phải gồm cả cái sức mạnh vô - dịch này nữa. Như muốn làm một nhà chủ nợ vững-vàng tất phải sẵn là một tay thao-thủ trong cái phạm-vi nào đó, hay muốn làm một ông điền-chủ giàu có phi đeo nút giây xanh đỏ ở cổ không yên, hoặc muốn làm ông chủ xưởng thợ, lãnh-tụ nhà buôn, phi có một vài « đồng trinh » gián ngực không được. Dĩ-chỉ muốn làm một ông trưởng-hội công-ich, hay hội cứu-tế mà cũng phải đã đóng qua một vai danh - giá như thế mới được. Không trách được mà cả một nước hết thầy trong các trường học đều mơ-mộng một cái tư-tướng về công-danh, trong các phương-phố cũng đều phảng-phất cái khí-vị vinh-hàm hết cả, cho đến những nơi cảnh tre ngọn cỏ, ngõ hẻm hang cùng, cũng đều hấp chung một thứ phong-khí hiếu-danh thế cả.

Nay đã hình - dung cái bức lịch-sử thực-nghiệp nước nhà, cùng là cái bức tâm-lý của người mình đối với thực-nghiệp thế nào rồi, lại thử xét qua hiện-tượng thực-nghiệp ở nhà quê bây giờ, và cái kết-quả tương-lai thế nào.

Như trên đã giải cái yếu - tố của thực-nghiệp là ở như lòng thị dục mà ra. Nhưng cái lòng thị-dục của dân ta thì bị bế-tỏa đã lâu, nên thực - nghiệp mất hẳn cái nguyên-dộng-lực mà không tiến bước lên được. Từ ngày quốc-dân đột-khởi ở giữa cái cuộc đời hoa-mĩ, mới hoảng lên mà thực-hành cái lòng thêm muốn bấy lâu bị kiềm-tỏa. Nhưng chính mình thì công-nghệ cũ dơ dặt đại hình không thích

hợp với tâm-tính-tiêu của mình nữa, mà công-nghệ mới thời mới manh-nha ra, chưa mong hưởng kết-quả được, vậy phải ngưỡng về công-nghệ ngoài, đó là cái thể tất-nhiên như thế.

Thế như thế mình cũng không sao tránh được, song mình cũng phải tìm một cái lợi-khi nào mà chế lại thời-cơ mới được, không có thì cái nền sinh-hoạt của quốc-dân rồi sẽ xò mả, và cái nền đạo-đức cũng bị đổ theo, vì những kẻ khôn-ngoa giáo-hoạt rồi sẽ quay ra lợi-dụng người hiền kẻ ngu, hay là thu-hoạch những cái lợi trong chính-trị phong-tục mà cung-cấp cho cái thị-dục của mình.

Như mình thời chỉ nhằm vào cái lợi-khi nông-nghiệp mà chế lại thời-cơ, song gọi là lợi-khi thì khi quá, vì cái khi-cụ ấy ngày nay đã cũ quá rồi, dẫu nhờ khoa-học ở ngoài ma-trắc mà chưa thấy sắc-xảo được một chút nào. Dẫu có nhà chính-trị nhà kinh-tế thời không chịu công-nhận như thế, các nhà ấy cứ trông thấy cái số sinh-sản đem xuất-cảng cũng có lẽ đủ lấy làm mừng, nhưng biết đâu rằng số ấy nếu thừa thừa mà quân-san cho nhân-khẩu thời chưa chắc đã vừa. Nói rút lại xã-hội ngày nay cứ coi bề mặt thời có phần rạng-rũa tốt-đẹp hơn xưa, nhưng về trung-tâm thời mục nát rồi đó.

Muốn cứu lại cái vận-mạnh chung của xã-nội thời bất - ngoại cải-lương nông-nghiệp. Mà muốn cải-lương nông-nghiệp thời bất-ngoại trước hết phải cải-lương trật-tự, nghĩa là đem san cái trật-tự thuộc về người trong xã-hội cho nhất-luật quân - binh. Không thể thì hầu hết một dân tuy cái mình ở trong vòng nông-nghiệp mà bụng thì còn đề ở các công-sở các nha-môn, không có thì cũng đến khuynh-hướng về công-thương ở các nơi đô-thị, chứ không dám mạo-hiêm doanh-nghiệp ở chỗ hương-thôn, sợ phải xung đột chiến-tranh với phong-tục mà thất-bại mất. Nói tóm lại thì bao giờ mà trong dân-gian biết kiêng nể cái nhân-quyền, biết kính-trọng cái nhân-cách của con người ta, không cứ là người làm việc nhẹ như làm quan, hay kẻ làm việc nặng như làm ruộng, đều ngang nhau cả, thời quốc-dân mới hồi-tỉnh lại mà chuyên-chủ vào nghề nông, rồi không bao lâu nhờ trí-não năng-lực người ta mà sẽ biến-hóa cả các khi-cụ, cả cái nền đất cũ, làm cho nông-nghiệp phát-dạt dị-thường, tức là mở đường cho công-nghệ-thương nghiệp sau này sẽ ra đối-địch cái thuật giàu thịnh với nhân-quần vậy.

(Còn nữa)

NAM-CỒ

TIỂU - THUYẾT CỔ

LĨNH - NAM DẠT - SỬ (1)

嶺南逸史

XXVI

HỒI THƯ XXVI

(Tiếp theo kỳ trước)

Nhắc lại Qui-Nhi cùng với Mai tiểu-thư đi lên về đến Kiều-diên. Hoàng Doãn ra nghênh-tiếp, rồi cứ y-kế bí-

mật mà làm, truyền lệnh cho các tướng đóng binh-mã thủ-hiêm ở Nghĩ-cốc, Thiệp-khê, Viên-dôn đều triệt-quân về Sái-dầu phòng-bị. Lam Năng nghe tin cả kinh, liền gọi Qui-Nhi đến hỏi rằng :

(1) Xem Nam-Phong từ số 48.

— Nay quân giặc ở trước mặt, mà người đem triệt hết cả quân thủ-hiêm đi. Nếu quân giặc họ dò biết mà ruổi tràn vào, thì làm thế nào ?

Quý-Nhi nói :

— Tôi dò được đại-binh của Phùng-Ngọc đóng hết cả ở Phật-tử, tự mình chỉ đem một cánh quân đóng ở chòm Tam-giác. Ý là muốn dòm nom Vĩnh-an, chiếm-cứ lấy Đan-chương cung để chặn đường cứu-ứng của ta. Tôi muốn nhân mưu nó mà đánh lừa lại, cứ để cho binh-tướng nó kéo tràn sâu vào. Tôi thì cùng với Hoàng Doãn, Lý Kỳ đem binh cố-thủ. Đại-vương thì cùng với Diệp Thiên, Tần Vinh kén lấy độ năm nghìn quân tinh-kỵ kéo thẳng ra Tam-giác đánh úp lấy, thì có thể bắt được Phùng-Ngọc. Đã bắt được Phùng-Ngọc rồi thì liền đem binh ra Bạch-kê vòng ra đằng sau quân giặc, chặn lấp các nơi hiểm-yếu tuyệt hẳn đường về. Tôi cùng với Hoàng Doãn bấy giờ mới mở cửa ải ra phần-kích, ấy là cái kế phản-khách vi-chủ, dẫu quân Dao-man mạnh đến đâu cũng không bay thoát được.

Lam Năng cả mừng mà rằng :

— Bấy lâu người hoạch ra một kế sách nào, ý-tưởng người thường không ai nghĩ đến được !

Ngày hôm sau, Lam Năng liền đem binh khởi đi, và đem theo Tần, Diệp các kiêu-tướng cùng xuống núi trông về phía Tam-giác mà kéo đi. Khi bấy giờ đương mùa đông rét-mướt, mây sâu tối đất, khí chương ngất trời. Vậy người trước có bài phú Ngũ-chương, lược dịch như sau này :

Nguyên là: Lĩnh-nam lãnh-khi, thấp-nhiệt huân-chương ; độc cây nọc rắn, uất-kết vô-chường.

Có lúc: Bốc lên nghi-ngút, như khói như mây, tối mù non-nước, thăm-dạm cỏ-cây.

Nếu mà trúng phải, liền phát bệnh ngay, khi nóng khi rét, buồn-bã chán tay.

Nếu uống lỗi thuốc, khó chữa được nào, có phép trâm-trích, chỉ dùng tiêm dao.

Ấy phép ngũ-chương, truyền lại đã lâu, ai đi đến đó, phải biết mà cầu.

Khi Lam Năng kéo quân gần đến Tam-giác, sai người do-thám, quả có một toán quân đóng ở trong xóm giữa, ngọn cờ bay phất-phới thoảng trông thấy hai chữ : « đại-súy » to tướng, Lam Năng cả mừng, liền thúc binh-mã kéo xông lên. Một ngựa đi lên trước phá toang cửa viên-môn, thấy trong là một trại không, biết là trúng-kế. Lam Năng liền đem quân lui ra, chợt dẫu một tiếng pháo liên-châu nổ ầm lên, bốn mặt núi tiếng reo xó-sát ầm ầm lên như sấm, không biết là bao nhiêu binh-mã bỏ vây kéo lại, thoát tiền trông thấy một tướng mặt đen như chôn nổi, tiếng vang như sấm động, tay sử một cây Bát-quái tuyên-hoa-phủ, ra chặn ngang đường đi, thét lên rằng :

— Bàn Ma-La ở đây !

Lam Năng liền đem Diệp, Tần chư-tướng hăng-hái liều chết mà đánh. Ma-La giờ búa ra nghênh-địch, đánh nhau được mười hiệp, bên tả thì Đan Dũng, bên hữu thì Mã-Tán xông ra, Diệp Thiên, Tần Vinh phải chia ra hai ngả nghênh-địch. Triệu Tín, Đường Hồ lại đem chư-tướng sẵn đến, bỏ vây Lam Năng vào trong trùng-vi. Lam Năng phần-khởi hết sức hùng-dũng, đâm bên tả, thích bên hữu, xông đáng trước đỡ đằng sau, giao-chiến một hồi lâu, vụt dẫu mũi gươm sáng lóe vung ra, thì Đường tướng-quân đã bị chém phăng mất đầu rồi. Lợi Dụng vừa buống lỏng tay gươm một cái, cũng bị phải Lam Năng chém ra một đao tự trên đỉnh đầu phang xuống,

toác ra làm đôi, đầu óc nát ra như cám, Mã Tân trông thấy nổi giận, hét to lên rằng:

— Không sợ roi ta à !

Cây roi vung ra như kim-long quá-hải vút qua đôi mắt Diệp Thiên đập ngay vào giữa não. Mã Tân đánh Diệp Thiên rồi liền vung roi xông vào đánh Lam Năng. Lam Năng nổi cơn hung hét lên một tiếng. Mã A-Ma không kịp chống đỡ, liền bị phải Lam Năng một dao chém chết. Bàn Ma-La nổi cơn nóng lêu như lửa bốc, vung cây búa ra trùng ngay phải cánh tay tả Lam Năng ngã sa xuống ngựa. Lam Năng phải bỏ cây đại-dao, rút lấy dao găm ra còn đánh giết được và mười người, mới bị phải Mã Tân đánh cho một roi ngã lún chiêng, liền xông lại cắt lấy thủ-cấp, chừng một hồi lâu, đôi con mắt Lam-Năng còn xạ hào-quang ra trùng-trùng. Mã Tân cầm lấy thủ-cấp giơ lên bảo Tần Vinh rằng :

— Ta đã lấy được thủ-cấp tên giặc đầu-đẳng nhà mày rồi, mày còn cố đánh làm gì nữa !

Tần Vinh trông thấy, kêu lên một tiếng, ngã lún xuống ngựa mà chết. Quân giặc thấy đều buông qua bỏ giáp phục xuống đất mà xin hàng. Bàn Ma-La bảo Mã Tân thu lấy quân tàn-binh và hải-cốt chư-tướng, đem về sơn-trại liệm-táng trước. Rồi bắt quân hàng-tốt làm hướng-dạo chia đường đi đánh các trại Dương-giốc, Yến-vĩ.

Nhắc lại Phùng-Ngọc đợi đến ngày mồng tám tháng chạp, đem quân kéo thẳng đến Sái-dầu, suốt dọc đường không có ngăn trở tí gì. Khi kéo đến Sái-dầu, trông thấy trên núi tinh kỳ xan-xát, mà không thấy động-tĩnh gì cả. Trời đã gần về chiều hôm, Phùng-Ngọc bèn truyền cho quân-sĩ phân ra các nơi đóng trại. Quân trong sơn-trại trông thấy, phi-báo về phủ Đô-đốc. Quý-Nhi truyền lệnh quân-sĩ không

được vọng-dộng. Đến ngày hôm sau, bại-quân lục-tục chạy về báo rằng : « Hồng mất rồi ! đại-vương bị vây ở trại Tam-giác mất rồi ! » Một lát nữa lại thấy người về báo rằng : « Lam đại-vương với Diệp, Tần hai tướng-quân đều bị giết mất cả rồi, quan-quân đã kéo đi đánh phá các trại ». Quý-Nhi nghe thấy báo cả mừng ; liền cùng Mai tiều-thư đều cưỡi ngựa tể ra cửa ải, sai Hoàng Doãn mở cửa ra đánh. Lý Kỳ nói :

— Tôi nghe tin đại-vương đã bị hại rồi, Đô-đốc không nên ra trận nữa.

Quý-Nhi hét lên rằng :

— À, thế ra mày thấy sự biến đã chực muốn làm phản à !

Mai tiều-thư liền lấy lưu-tinh-trùy ra hét to lên rằng :

— Ta đây vì Lam đại-vương mà giết quân phản-lặc này đi mới được.

Nói rút lời, thì trùy lưu-tinh đã đập ngay vào mặt Lý Kỳ. Quân-sĩ trông thấy đều sợ run cả lên. Hoàng Doãn hét sai mở cửa ải xông - sát xuống núi. Phùng-Ngọc với Lý công-chùa đương kìm cương ngựa đứng đôi ở trước cửa cờ, trông thấy Hoàng Doãn tự trong ải đi ra. Phùng-Ngọc hỏi lên rằng :

— Tướng đi tới đó là tên chi ?

Hoàng-Doãn nói :

— Tôi là Hoàng Doãn, là bộ-hoàng Đô-đốc.

Phùng-Ngọc nghe nói cả mừng, liền giơ kiếm giả-cách đấu với Hoàng Doãn và mười hiệp. Hoàng Doãn giả-cách thua chạy. Phùng-Ngọc liền phi mã kịp đuổi theo, giả-cách hét lên rằng :

— Mày có chạy đi đường trời !

Lý công - chùa liền đốc binh-mã đánh xông vào sơn-trại, Lam Khuê vội-vàng chạy ra đóng cửa ải. Hoàng

Đoãn vùng dao ra chém quay ở dưới ngựa. Quân Dao-man kéo đồ xô vào. Mai tiểu-thư tiếp được binh liền tung ra xung-sát, giết quân giặc đến nỗi kêu khóc rầm trời, lẫn khe sa hốc mà chết đầy cả hang núi. Quí-Nhi thấy Phùng - Ngọc đã tiến vào cửa ải rồi, liền lên về hoa - viên cải-trang. Phùng-Ngọc liền sai Hoàng Doãn vây bọc nơi trại gốc bắt hết cả họ hàng Lam Năng và trăm người, và xét sổ xem những người nào có chức-sự đều thu bắt cho hết đem gồng cùm cả lại, đợi khi đánh phá các trại xong cả, đều giải kinh để chính-pháp. Phán-phát dẫu vào đây, Phùng-Ngọc bèn sai Mai tiểu-thư dẫn đường, đưa mình với Lý công-chúa đến hoa-viên vào bãi-kiến ông bà Tư-trai. Phùng-Ngọc quí xuống đất mà thưa rằng :

— Bất-tiểu này không ngờ lưu-lạc tha-phương, để lụy đến cha mẹ phải chịu kinh sợ, thực là tội tai con.

Phùng-Ngọc nói rồi nhỏ nước mắt khóc. Sa phu-nhân dắt Phùng-Ngọc đứng dậy. Tư-trai nói :

— Cha mẹ mảy mủn không có Quí-Nhi, Kim-Liên hai con dẫu đồng-mưu giúp đỡ, thì xuyết nữa cũng khốn !

Phùng - Ngọc nghe nói, liền bảo người mời hai nàng ra để bái-tạ. Hai nàng k ông-chị ra. Lý công-chúa nói :

— Hôm nay tốt ngày, Hoàng-lang nên cùng làm lễ thành-thân với Quí-thư là phải.

Tư-trai liền sai người đi sắm-sửa hoa-chức. Quí-Nhi nghe biết như vậy, liền cho người gọi Mai tiểu-thư vào nói chuyện.

Mai tiểu-thư hỏi rằng :

— Chẳng hay thư-thư hỏi chuyện gì vậy ?

Quí-Nhi khóc mà rằng :

— Tôi đây không gặp được em Kim-Liên thì không còn được đến ngày nay. Tôi trước đã hứa với em tôi rằng về

sau cùng thờ Hoàng-lang, vậy xin nhờ tiểu-thư bầm với công-chúa cho, để cho Kim-Liên được dự vào sổ tiểu-tinh, thì tôi xin lấy phận ti-nhi hầu tiểu-thư suốt đời.

Nói rồi lại xùi-xụt khóc. Mai tiểu-thư cả kinh mà rằng :

— Thư-thư sao lại nói quá ra làm vậy, nếu lại được Kim-Liên cùng làm chị em nữa thì càng hay, không những một nàng, dẫu đến trăm nàng nữa cũng chẳng là thừa.

Nói chưa dứt lời. Sa phu-nhân đã dắt Lý công-chúa tiến vào. Quí-Nhi vội-vàng lau nước mắt ra nghénh-tiếp. Công-chúa nói :

— Chẳng hay thư-thư có việc gì mà lại không vui làm vậy ?

Mai tiểu-thư liền đem lời Quí-Nhi thuật lại, Lý công-chúa mỉm cười mà rằng :

— Thế ra Quí-thư cũng lấy thương-tình lượng bụng chị em mình dấy thôi.

Liền lại hỏi rằng :

— Chẳng hay Tạ hiền-muội thế nào, tôi chưa được biết mặt, bây giờ ở đâu ?

Mai tiểu-thư nói :

— Đề tôi vào mời chị ấy ra.

Nói rồi liền chạy vào trong phòng diu kéo ra, nét mặt Kim-Liên khi ấy hãy còn vẻ ủ-ê giọt lệ, trông càng xinh-đẹp. Công-chúa cả mừng mà rằng :

— Hoàng-lang thực là chùa hoa, đều gặp được những hoa phi-phàm cả !

Hai người thi-lễ tương-kiến xong, công-chúa cười mà rằng :

— Thôi, hiền-muội chớ lo, mau mau sắm sửa làm tân-nương đi.

Kim-Liên khóc mà rằng :

— Tuy rằng một cây cù-mộc, vốn sẵn lòng che-chở cho thân cát-dắng. Song thiếp hãy còn cái thù hai đời chưa báo, cái tang ba năm chưa trả

nghĩa xong. Thời dẫu được chẵn ấm gối êm, nỡ lòng nào ăn nằm cho yên được. Vậy chỉ cầu công-chúa cho mượn cái đầu Lam Năng, để cho thiếp được làm lễ phát-tang thành-phục, thời dẫu chết cũng cam lòng. Huống-chi lại được hầu gần để đỡ việc rầy quét thì còn gì bằng nữa !

Kim-Liên nói rồi khóc cực thảm-thiết. Lý công-chúa thất-kinh hỏi rằng :

— Chẳng hay hiền-muội sao lại thương đau như vậy ?

Sa phu-nhân bèn đem đầu-duôi sự-trạng của Kim-Liên, thuật lại một lượt. Lý công-chúa nói :

— Nguyên là truyện đầu duôi như thế, hiền-muội cũng chớ phải lo, đề ta nói với Hoàng-lang là xong việc.

Công-chúa lui ra nói chuyện cho Phùng-Ngọc biết. Phùng-Ngọc nói :

— Nếu như vậy, thì việc hôn họ Tạ hãy hoãn lại. Đợi ta hoàn-hôn với Trương-thị xong đã, rồi sẽ nghị đến.

Tư-trai nói :

— Con ta nói phải lẽ,

Ngày hôm sau, Hoàng Doãn mới biết ra rằng Qui-Nhi nguyên là con dâu Tư-trai, Phùng-Ngọc mới chính là con trai của Tư-trai, nửa kinh nửa mừng, vội-vàng tới đều chúc mừng Tư-trai. Phùng-Ngọc lấy lễ hàng cháu ra bái-yết. Hoàng Doãn cả mừng mà rằng :

— Hiền-diệt là người anh-tuấn, mà nàng cháu dâu lại là bậc kỳ-nữ trong thiên-hạ, thực đáng mừng lắm !

Tư-trai sai bày tiệc yến ở trong hoa-viên, đề khoản-dãi Hoàng Doãn, đương lúc uống rượu, bên ngoài chợt có tin báo rằng :

— Tuần-phương là cha con Hoàng

Nhượng và các vị tướng-quân đều đến hiến-tiếp.

Phùng-Ngọc nghe tin cả mừng, ra ngoài trước trại lên ngồi trên trường, các tướng-sĩ ầm-ầm kéo về đến nơi : cha con Hoàng Nhượng về dâng thủ-cấp Tô Doãn-Sơn là Ngụy-phiêu-ky tướng-quân ở Miêu-mi và thủ-cấp Lý Đường-Tôn là Ngụy-dô-đốc ở Thượng-trấn. Bàn Ma-La thì dâng thủ-cấp Lam Năng và Lưu-Tán ở núi Kê-quan ; Đan Dũng thì dâng thủ-cấp Tần Vinh và Chung Nuy-tử ở trại Dương-giốc ; Mã Tân thì dâng thủ-cấp Diệp Thiên và Từ Tử-Tân ở Yến-vĩ ; Triệu Tín thì dâng thủ-cấp Trương Tinh ở Tử-liêm-chương ; Giả Kỳ thì dâng thủ-cấp Hứa Phụng-Nguyên ở Hoàng-tử-sơn ; giặc-giã vùng Khoan-đắc thế là yên hết. Phùng-Ngọc đều lần lượt ủy-lạo các tướng-sĩ xong rồi, liền sai người dựng lên hai lá cờ trắng, bên tả lập đàn đặt bài-vị Tạ Thượng, Tạ Nhân ; bên hữu lập đàn đặt bài-vị cha mẹ Hoàng Nhượng. Rồi sai đem thủ-cấp các tướng giặc bày ra hai bên tả hữu. Phùng-Ngọc đổi mặc áo trắng, lấy lễ con rera làm lễ diếu-tang. Kim-Liên thì mặc áo gai cầm gậy vòng, vãi sớ trắng chum đầu, thị-nữ đưa dẫn đến trước linh-vị. Mai tiều-thư với Lý công-chúa cũng cùng ra dự lễ. Kim-Liên đốt hương khóc lạy rồi đứng dậy đỡ lấy linh-vị khóc cực thê thảm, khóc đến nỗi như gió lạnh buốt xương, nhặt nguyệt cũng phải mờ ám, núi non cũng phải thảm-sầu ! Khóc một hồi lâu, rồi xoay mình trở lại hướng vào Phùng-Ngọc, Lý công-chúa và Mai tiều-thư, thấp nển lên toan cúi xuống lạy bốn lạy. Lý công-chúa và Mai tiều-thư vội-vàng đỡ dậy. Kim-Liên ngánh lại thị-nữ mà rằng :

— Ta với mày cùng lạy tạ Qui-Nhi đi, kiếp này không đền ơn được,

thời kiếp sau xin làm khuyển - mã để đền nghì...!

Nói vừa rút lời, trong tay áo liền rút ra một ngọn dao chủy-thủ vung lên toan cắt cổ, may nhờ Mai tiểu-thư nhanh tay, giật được dao ném xuống đất mà rằng :

— Em sao lại thế, cả nhà họ Tạ chỉ còn trông cậy về có một mình, thời phải nên lưu cái thân ấy để sẽ thương-nghị với Hoàng-lang, xin lập đền thờ ông cha nhà mình, kể còn vô-số công việc lớn-lao chưa làm xong, mà em đã vội tự-tử ngay, thì còn mong gì nữa.

Kim-Liên nghe lời ngồi xếp xuống đất tựa vào Mai tiểu-thư khóc nức-nở. Phùng-Ngọc trông thấy quang-cảnh ấy, cũng thương cho Kim-Liên mà khóc xụi-xụi. Lý công-chúa sai thị-nữ đỡ Kim-Liên đưa vào, Quý-Nhi vội-vàng ra hoa-viên tiếp rước đem vào, theo ngồi kề bên làm bạn, nói chuyện khuyên-giải trăm đường. Bên ngoài thì ông bà Tư-trai đưa các tướng vào làm lễ viếng. Phùng-Ngọc thay Kim-Liên đều đáp lễ lại cả. Lễ xong, sai nhỏ cờ trắng và linh-vị phân-hóa. Lại đem thủ-cấp các tướng giặc để sang bên hữu, để tế diện cha mẹ Hoàng-Nhượng. Phùng-Ngọc sai mổ trâu bò yến - hường quân-sĩ, xong cuộc rồi tan. Ngày hôm sau, Tư-trai sai Hoàng-Doãn sắm-sửa hoa-chức để làm lễ thành-hôn cho con dâu. Quý-Nhi biết ý mời bà Sa-thị lên thưa rằng :

— Thưa mẹ, xin mẹ nói cho ông biết, để ông bảo Hoàng-lang hãy trước làm lễ thành-hôn với Kim-Liên muội-tử, để cho yên-ủi tấm lòng.

Kim-Liên nghe biết ý, nhất-định thế chết không dám tiếm hơn Quý-Nhi. Hai nàng mĩ-nhân, người nọ nhường người kia trời, lâu mãi không quyết-định. Mai tiểu-thư cười mà rằng :

— Tôi có một điều này là êm cả. Lý công-chúa hỏi :

— Chẳng hay em có điều gì nghĩ hay làm vậy ?

Mai tiểu-thư nói :

— Gì bằng để cả hai nàng cùng thành-thân trong một ngày hôm nay, để cho cùng yên lòng cả, và lại giản-tiện hơn, vừa làm tiện cho Hoàng-lang một thể.

Tư-trai nghe nói cả mừng mà rằng :

— Mai tức-nhi nói phải đó, thôi cả mấy chị em hôm nay đều cùng tiệc đuốc hoa, cùng uống chén hợp-hoan cho vui-vẻ.

Bốn nàng đều mừng rỡ. Đêm hôm ấy tới ngay chốn hoa-viên bày tiệc, bốn nàng đều trang-sức như thiên-tiên, rước đón ra trước đình. Quý-Nhi muốn nhường Lý công-chúa đứng đầu. Công-chúa nói :

— Thư-thư nhường thế là làm, tôi mà dám tiếm hơn thư-thư, thời Mai tiểu-thư cũng dám tiếm hơn tôi, lẽ đó sao cho đáng, chỉ nên theo thứ-tự ai gặp Hoàng-lang sau hay trước mà định mới phải.

Tư-trai nói :

— Lời công-chúa nói phải đó, Trương tức-nhi không được quá khiêm-nhường nữa.

Quý-Nhi mới phải nghe lời tự-vị. Nhã-nhạc tấu lên, trước làm lễ lạy thiên-dạ, sau lạy ông bà, sau nữa năm vợ chồng cùng giao-bái, đưa vào động-phòng cùng hợp-cần giao-bối, giai-nhân tái-tử mãn tiệc vui vầy, thiên-cổ chưa có tiệc đuốc-hoa nào lạ như thế bao giờ. Phùng-Ngọc trông thấy Quý-Nhi người đậm-dà mà tươi-nhuận, tỉ với khi mới gặp ở thôn Mai-hoa lại càng xinh-đẹp ưa nhìn. Lại ngắm đến Kim-Liên thì thực là :

Vẻ người băng-tuyết dáng người tiên,
Đôi tám đương vừa tuổi thiếu-niên.
Điểm nhợt máng ngai vàng nguyệt chéch
Xanh rờn tóc phụng vẽ mây in.
Miệng cười tươi-tắn hoa đào nở,
Vai đáng thẳng-bằng bóng liễu nghiêng.
Nét bút khôn đem truyền vẽ đẹp,
Tiêu-hồn còn lăm vẽ say điên !

Phùng-Ngọc trông thấy như vậy. mừng không kể xiết. Kim-Liên cũng liếc mắt trông trộm Phùng-Ngọc thì thấy ; mi phân yền nguyệt, mắt sáng thục-tinh ; răng lựa đôi-mỗi, mũi như trái mật ; thần sáng-lãng như băng-thanh ngọc-nhuận, khí hiên-ngang như hổ-bộ long-hành ; thực là bậc văn-võ toàn-tài, công-khanh xuất-thế. Kim-Liên trông thấy như vậy trong bụng mừng thầm. Uống xong một tuần rượu, Lý công-chúa dắt Mai tiều-thư đứng dậy mà rằng :

— Đới chúng ta đi đánh bài đi !

Mai tiều-thư nói với Phùng-Ngọc rằng :

— Thôi mời chàng đi em giấc Dương-dải cho khoái-hoạt !

Phùng-Ngọc nắm giữ hai nàng lại mà rằng :

— Tiều-sinh đã kính mời hiền-thê chén nào dẫu, mà đã vội đi đánh bài thế, xin cặn chén này đã nao !

Lý công-chúa nói :

— Tôi say quá rồi, cho tôi xin kiếu thôi.

Phùng-Ngọc nhất-dịnh cố dặng giữ cho được, sai thị-nữ rót rượu đem lại trước mặt hai nàng khuyên mời mỗi người uống một chén. Mai tiều-thư nói :

— Thôi, hai nàng mỹ-nhân đã sốt ruột lắm rồi, chàng cứ giả vờ mời rượu mãi.

Lý công-chúa bực cười, cầm cán

quạt ngọc sẽ đập vào Mai tiều-thư mà rằng :

— Mày chỉ pha trò cười mãi, không có phép-tắc gì cả.

Mai tiều-thư cả cười, đều nhận lấy chén rượu uống mà lui ra. Kim-Liên muốn cáo-từ lui về bên phòng mình. Phùng-Ngọc nắm giữ đóng ngay cửa phòng lại. *Trướng ló giáp mặt hoa đào, vẻ nào chẳng mặt nết nào, hăng ra...* Ngày hôm sau, các tướng đều kéo đến chúc mừng. Tư-trai sai bày tiệc khoản-dãi chư-tướng, và bày trò chơi chích-sắt đánh bài. Đương khi uống rượu vui-vẻ, chợt có ngựa lưu-tinh về phi-báo rằng : « Hồng mất rồi, Mai đại-vương đang bị vây ở Hoàng-nghê-chương nguy lắm ! » Phùng-Ngọc nghe tin cả kinh. Thật là :

Vừa vui duyên mới chưa tan cuộc !
Lại mắng tin dẫu luống giết mình.

HỒI THỨ XXVII

Mưu chế-thắng, dẹp yên tặc-dã,
Biều khải-hoàn, dâng tấu Triều-dinh.

Trong khi Phùng-Ngọc làm lễ thành-thân cùng Quý-Nhi, ngày hôm sau, chư-tướng đến mừng. Tư-trai sai bày tiệc khoản-dãi. Đương lúc uống rượu, chợt thấy ngựa lưu-tinh chạy về phi-báo rằng : « Mai đại-vương bị bại-trận, phải chúa Nam-lĩnh là Giang Vạn-Dụ vây ở đèo Hoàng-nghê, thế rất nguy-cấp ! » Phùng-Ngọc cả kinh, liền viết công-văn đề tâu về, và đem tất cả những thủ-cấp các tướng giặc và thủ-cấp Lam Năng đóng cả vào hòm, cùng dâng giặc bắt được hơn nghìn người đem giam cả vào tù-xa, lại điều-bát một vạn quân sai Giả Kỳ, Hoàng Doãn đem giải nộp về quân-món để biễn-tiếp. Chỉ lưu Lý công-chúa ở lại trấn-thủ Sài-dầu, dân áp-các đô-ấp Khoan-dã để bảo-hộ gia-quyển, còn thì đem hết các tướng-sĩ

kéo thẳng đến đèo Hoàng-nghe.

Nguyên trại Nam-lĩnh là thuộc về mán Vĩnh-an ở đất Lão-bình, phía đông-nam cách xa huyện hơn tám-mươi dặm, ở trong khoảng giữa muôn ngọn núi, cao hơn bốn trăm trượng, chu-vi hơn một trăm dặm, bốn mặt cao ngất, ở giữa mở rộng thùng ra, chỉ có một con đường nhỏ thông vào, cực-kỳ hiểm-trở có thể thủ-hiềm được. Bốn mặt lại có núi Liêm-tử, núi Nha-cốc, núi Ngũ-bi các ngọn núi. Đời Tống năm Cảnh-viêm thứ hai, Thừa-tướng Văn Thiên-Tường đã từng qua đất ấy lập trại-sách để cố-thủ, đến bây giờ trong thành Nam-lĩnh hãy còn đền thờ Văn Thừa-tướng. Giang Vạn-Dụ từ khi chiếm-cử đất ấy, tự-chung đến hơn mười vạn, cùng với chủ trại Tân-diên Lưu Hán-Giang cùng làm ý-giốc, thể rất hung-hăng. Nghe tin Triều-dinh sai Hoàng Phùng-Ngọc đem binh-mã hai trại đến đánh, liền họp chư-tướng lại thương-nghị mà rằng :

— Quân Dao-man hung-hãn, nếu cứ để cho nó kéo đến Nam-lĩnh này hạ-trại dẫu vào đây thời khó lòng mà đánh phá được. Giở bằng ta đón nửa đường mà đánh úp lấy, các người nghĩ thế nào ?

Kiều-tướng Lục Tại-Bắc nói :

— Tôi liệu chừng quân Dao-man kéo đến Nga-phụ tất là đóng dinh trại nghỉ ở đó. Chứa-công muốn đón đánh, thì phải sai người đến đó mai-phục, đương đêm khởi lên cướp trại thì tất là toàn-thắng.

Giang Vạn-Dụ nói :

— Kế ấy rất hay !

Lập-tức sai các kiêu-tướng là : Đặng Tất-Tin, Hùng Tự-Tân, Mạc Hán-khanh, Chu Thiệu-Đường đều đem một vạn quân đến Nga-phụ mai-phục các nơi xa xa, đợi mãi mấy ngày không thấy gì cả. Lại sai người

sẽ đi dò-la thám-thính. Té ra là quân-sư Gia-Cát Đồng khi kéo quân đến Bạch-vân, đêm hôm ấy ăn lầm phải thứ cá bấu, thành bệnh tiết - ly, bụng đau như cắt, uống thuốc không dẫn, đã thấy phần nguy-cấp, Mai Anh lấy làm lo-buồn họp chư-tướng lại thương-nghị mà rằng :

— Hoàng-tướng-công lấy việc quân-tình lớn-lao này giao cho ta đương một mặt, không ngờ quân-sư lại mắc bệnh như thế, dùng-dưỡng mãi không tiến-binh đi, sợ vạn-nhất lâm-lỡ chẳng, thì sao cho phải ?

Tống Kim-Cương nói :

— Phải nên bàn với quân-sư mới được.

Mai Anh nghe lời đến trước giường quân-sư hỏi rằng :

— Thưa quân-sư, nay trong bụng người đã hơi khoan-khoái chưa ?

Gia-Cát Đồng nói :

— Nay tuy đã bớt đau, song tinh-thần hãy còn mỗi-một, không thể dậy ngay được. Hoàng-tướng-quân có giao mặt Nam-lĩnh này cho đại-vương, thời đại-vương nên đem binh kịp tiến đi, chậm-trễ mãi sợ lâm-lỡ ra chẳng. Song đại-quân ta đóng đây đã lâu, sợ quân giặc nó biết thì nó tất dự-bị đến cướp trại ta. Đại-vương nên đề-phòng từng bước, chờ để cho nó thừa-khích mới được.

Mai Anh khóc mà rằng :

— Tôi nay mà đi, quân-sư phải nên khéo tự điều-dưỡng mới được.

Gia-Cát Đồng gật đầu. Mai Anh lui ra, cắt một viên ti-tướng và năm trăm quân ở lại trông nom quân-sư. Còn tự mình thì đem quân tiến đi, không đầy một ngày đã kéo đến Nga-phụ, vì không am-tường địa-thể không dám tiến lên nữa, bèn chia quân ra hạ-trại. Thời chỉ thấy :

*Rừng hoang vắng vắng bóng tà,
Chim bay xao-xác biết là về đâu?*

Chừng đến trống canh hai, chợt thấy trước trại tiếng reo nổi lên âm-âm, biết là có quân giặc đến cướp trại. Mai Anh vội-vàng nhẩy ra cầm kích kim ngựa đứng trước cửa trại, truyền lệnh cho quân-sĩ không được loạn-động. Nói chưa dứt lời, thời chợt nghe thấy tiếng pháo nổ, quân giặc bốn mặt kéo xô đến đánh. Mai Anh chống-cự không nổi, liền đem Nguyệt-Nga thúc binh ra đánh ừa đi. Song địa-thể khi-khu không thể đánh tung ra được, xung-sát đến nửa đêm, thế nào Nguyệt-Nga lạc mất Mai Anh, một mình dò tay dò kiếm, tả-xung hữu-đột, tìm mãi đến quá nửa đêm, tìm không thấy dấu cả, trong bụng hoang-mang, trông thấy phía đông-nam có một đám binh-mã vây dày đặc, Nguyệt-Nga liền phẩn-dũng đánh xông vào, trông ra thì là Tống Kim-Cương và Vạn Nhân-Địch bị khốn ở đó. Nguyệt-Nga kịp hỏi rằng :

— Chẳng hay đại-vương ở đâu ?

Tống Kim-Cương nói :

— Thạch tướng-quân đã bị tử-trận rồi, tiêu-tướng đi tìm mãi đại-vương chưa thấy dấu cả.

Nguyệt-Nga nói :

— Mau mau theo tôi ra đây !

Hai tướng liền theo Nguyệt-Nga xung-sát ra ngoài trùng-vi, đi đến núi Dương-dề, vừa dừng tại trước cửa núi thì sắc trời đã bình-minh, bên sai quân-sĩ lên trên đỉnh núi dòm xem, thì thấy một ngọn núi ở đằng xa về phía đông-nam có vô-số binh-mã vây bọc. Nguyệt-Nga liền sai Vạn Nhân-Địch đi trước, Tống Kim-Cương đi sau, tự mình đi giữa, xung-sát xông lên trước núi, thì quả là Mai Anh bị vây ở đó. Vạn Nhân-Địch xông-đột lên hai ba lần, đều bị trên bắn xuống

phải lùi lại. Nguyệt-Nga khoa đòi gươm xông lên trước, năm người tướng giặc đều xông lại đánh. Nguyệt-Nga giả cách thua, chạy đảo về trận nửa. Tướng giặc không bỏ, cứ sẵn ngựa đuổi theo. Nguyệt-Nga liền lấy ra năm tay nỏ liên-chỉ, dùng phép bắn liên-châu bắn chĩa ra hai bên, năm tướng đều chết lẫn ra cả. Nguyệt-Nga liền quay đầu ngựa xông lên, giơ tay hô lên một tiếng, mùa gươm xông thẳng lên. Theo sau một đội man-binh vũ-gươm múa mộc cứ theo riết Nguyệt-Nga âm-âm đánh xông vào trận, giết được binh-mã trong trận giặc đều phải đổ xô giạt lùi. Tống Kim-Cương liền thúc quân xông lên đánh giết, quân giặc phải chạy rẽ bên đông rạt bên tây. Mai Anh thấy trận-cước chuyển-động, biết rằng đã có cứu-binh kéo đến, liền thúc quân đánh ra, đánh rớt tan quân giặc rồi hợp binh lại làm một, muốn tìm đường tháo đi. Lại chợt nghe thấy tiếng súng nổ, Giang Vạn-Dụ lại đốc-suất đại-dội binh-mã đến đánh. Mai Anh người ngựa mỗi-một không dám luyến-chiến, cứ trông về quãng không-khoảng mà chạy, không ngờ chạy đến đèo Hoàng-nghe, liền xông vào cướp lấy trại, đem binh lên đóng trên đỉnh núi, truyền cho quân-sĩ chia giữ các đường hiểm-yếu, lại sai và mười tên tiêu-tốt chia đường đi đến trại quân Phùng-Ngọc để cáo-cấp. Phán-phó vừa xong, thì Giang Vạn-Dụ đã kéo quân đến, chỉ-huy quân-sĩ vây-bọc xung-quanh núi kín như giào sắt. Mai Anh ở trên núi ngày đêm đi tuần-phòng, mãi đến hơn mười ngày lương-thảo đã hầu cạn cả, mà cứu-binh thì không thấy tin-tức gì. Mai Anh kinh-hoảng, liền họp chư-tướng lại thương-nghị mà rằng :

— Nay lương-thảo đã hết, mà đợi mãi cứu-binh không thấy đến ; nếu cứ giữ mãi ở trong xo núi này ngồi đề

đợi chết, gì bằng chúng ta xuống núi liều chết mà đánh một trận, họa may ở trong đất chết mà cầu sống lại được chăng ?

Các tướng nghe nói đều lấy làm phải. Đợi đến đêm khuya im-ả, Mai Anh, Nguyệt-Nga đi lên trước, Tống Kim-Cương đi giữa, Vạn Nhân-Địch đi sau, reo ầm lên một tiếng rồi xung-sát đánh xuống núi. Giang Vạn-Dụ liền đem quân sẵn lại đánh, thì Nguyệt-Nga đã xung-sát đánh ra khỏi trùng-vi rồi, ngảnh lại trông lũ Mai Anh thì đều bị bắn dữ quá phải lùi lại. Nguyệt-Nga khóc oà lên, muốn liều mình lại đánh trở vào. Bọn nữ-binh ngăn lại mà rằng :

Nếu bây giờ mà lại đánh trở vào thì không lẽ nào sống được nữa, gì bằng ta tìm đường mà đi đến trại quân Hoàng tướng-công, cầu phát-binh lại cứu là hơn.

Nguyệt-Nga nghe lời phải đem bọn nữ-binh theo con đường lớn mà đi. Đi được nửa ngày, chợt nghe có tiếng đánh nhau reo ầm-ầm, Nguyệt-Nga liền thúc ngựa lên núi trông xem, thì thấy về phía tây-bắc có một cánh quân kéo lại, trông reo cờ mở dấy lấp cả cửa núi, biết là có cứu-binh kéo đến, nhưng phải quân giặc chặn đường. Nguyệt-Nga liền xuống núi đem quân đánh vào cửa núi. Tướng giặc là Lục Tại-Bắc trông thấy cả thảy quân của nàng ít-ôi, lấy làm khinh-thường cũng không ra lau-trở. Nguyệt-Nga liền đánh xông vào trong lũy, tung nữ-binh ra xung-sát vào trong trận, đánh giết quân giặc chạy tan rã cả ra. Lục Tại-Bắc bấy giờ mới hoảng sợ, vội-vàng vác cây thương xông ra cự-chiến, liền phải nữ-binh xúm quanh đến trước ngựa, phang chặt chân ngựa, Tại-Bắc ngã ngựa, chúng liền chém lấy thủ-cấp, đánh tan quân giặc mở đường cho cứu-binh tiến lên. Mai tiều-thư bắt gặp liền hỏi thăm tin-tức Mai Anh.

Nguyệt-Nga cả khóc mà rằng :

— Nay quân của Mai đại-vương lương-thảo đã hết, mà xung-sát mãi không ra được, xin có-nương phải hỏa-tốc lại cứu mới xong.

Mai tiều-thư cả kinh, không kịp đợi có toàn đại-binh, chỉ cùng với Nguyệt-Nga đem lũ Bàn Ma-La vội-vàng chạy đến đèo Hoàng-nghe. Giang Vạn-Dụ dò biết tin rằng có quân Dao-man sắp kéo đến, đã giải vây kéo về Nam-lĩnh rồi. Mai tiều-thư đến yết-kiến Mai Anh, rồi sắp trại đóng ở dưới núi, đề đợi đại-binh đến nơi rồi cùng tiến-phát. Ngày hôm sau, Phùng-Ngọc đem chư-tướng đến nơi, cùng Mai Anh tương-kiến, rồi khởi-binh kéo đến Nam-lĩnh. Khi đến nơi, ngựa mặt lên trông Nam-lĩnh thì thấy :

*Gò cao quanh khắp rẫy,
Giáo tủa dựng đầu non.
Rừng tuyết hùm kêu rống;
Cánh sương vượn véo-von.
Tanh xông mây bát-ngát,
Xương dãi cỏ hao môn.
Hiềm-hóc trông mà khiếp,
Thềm xui dạ chạnh buồn !*

Phùng-Ngọc xem-xét địa-thế, rồi truyền quân hạ trại, sai người đến trại Nam-lĩnh hạ chiến-thư. Giang Vạn-Dụ phê vào chiến-thư rằng : « Ngày mai quyết-chiến ». Ngày hôm sau hai bên ra đối-lũy bày trận, Phùng-Ngọc với Mai-Anh đều kìm ngựa đứng ở dưới cửa cờ, trông thấy Giang Vạn-Dụ mặt to tai lớn, râu dài năm chòm, ra bộ đĩnh-dạc chớ không tục. Phùng-Ngọc có ý khen thầm là kỳ-dị, thúc ngựa ra trước trận mà rằng :

— Người không xem như Lam Năng dũng mãnh dường nào, thế mà thiên-binh kéo đến thì như xương ra ngay. Người sao không đầu-hàng sớm đi, cho khỏi bị chu-lục.

Giang Vạn-Dụ cả giận mà rằng :
— Người sao dám giết Lam đại-

vương ta, ta chỉ cốt ra báo - thù đây, đức nào dám dụ-hàng ta được.

Nói rồi ngoảnh lại bảo tả - hữu rằng :

— Chư-tướng ra bắt lấy tên kia cho ta !

Đặng Tất-Tín liền thét lên nhảy ra. Nguyệt-Nga ở sau lưng Mai Anh liền nhảy ra tiếp-chiến, đôi tay múa đôi kiếm, đánh nhau hơn ba-mươi hiệp, Nguyệt-Nga quay ngựa giả-cách chạy. Tất-Tín sẵn lên đuổi theo. Nguyệt-Nga liền lấy ra một cái lưới gấm vút quay đầu ngựa tung lưới gấm ra một cái chụp ngay được Tất-Tín ngã quay xuống ngựa. Quân-sĩ liền chạy xô lại bắt trói, Thiệu Chu-Đường, Hùng Tự-Tân đều nhảy ngựa ra cứu. Vạn Nhân-Địch, Đan Dũng vội-vàng chạy ra đánh chặn lại, đánh nhau đến hơn năm mươi hiệp. Mai tiều-thư trông thấy Giang Vạn-Dụ ở mé trong đương ngóng trông ra, liền nghĩ thầm rằng nếu bắt được Giang Vạn-Dụ thì là xong việc. Nghĩ vậy liền thúc ngựa xông lên như gió bay chớp giây, phóng ngọn kích đâm ngay vào giữa bụng Giang Vạn-Dụ. Vạn-Dụ thất-kinh, vội-vàng chống đỡ, đánh nhau đến hai ba mươi hiệp. Mai tiều-thư liền vốc lấy ra một nắm thần-đậu cầm ở tay, ném tung vào giữa mặt Giang Vạn-Dụ, đậu tung ra rào-rào rơi tủa vào mặt, làm cho mặt Vạn-Dụ trắng như tuyết bị cháy sạm đen như gio, râu mày đều nóng lên hơi-hổi, đau nhức không chịu được, xuýt nữa ngã ngựa. Phùng-Ngọc liền vung roi lên chỉ-huy, chư-quân đều sẵn lên xung-xát, hùng-dũng không thể ai đương được. Hùng Tự-

Tân không kịp gỡ mình, bị Đan Dũng phang cho một mũi ngân-giễn quay. Chu Thiện-Đường hoang-ma thất-thố, bị Vạn Nhân-Địch nhảy bắt sống trên mình ngựa, ném qu xuống đất, quân-sĩ chạy xô lại trói, liền múa thương tuốt gươm giết đi binh-mã Giang Vạn-Dụ đều bỏ giáp vứt đồ binh mà chạy. Vạn-chạy về đến trên núi, dặn bảo quân-sĩ khẩn-giữ cửa ải, rồi trở về trở thành, thì thấy mặt xưng húp lên, xuất đến cốt-tủy. Bèn nhảy xuống ngựa, đi vào đến trước thềm, trên hòn đá mài còn đọng nước mài dao, liền lấy tay thấm lấy lên trên mặt, thì thấy hơi bớt đau nh. Vạn-Dụ cả mừng, vào nằm ngửa ghế ngựa, nhắm nghiền cả mắt lại, sai tả-hữu lấy nước mài dao sắp lên mặt luôn luôn, thời thấy dần bớt đỡ. Nguyên là Mai tiều-dùng phép ném xung mặt lên không dùng nước dỉ sắt bôi thì khỏi, cái nước mài dao ấy cũng dỉ sắt, may cho Giang Vạn-Dụ chưa đến chết, tình-cờ lấy bôi khỏi. Khi ấy Giang-Vạn-Dụ có n viên đại-tướng mà chỉ còn sống có một viên là Mạc Hán-Khanh, Vạn-Dụ lại bị phải Mai tiều-thư đánh lang-bái, nên cũng ngợp sợ, chỉ người giữ chặt các cửa ải, không d thò cổ ra nữa.

Thực là :

*Qua cơn sống sót là may,
Rùa đành rút cổ từ rầy dám ra.*

(Còn nữa)

ĐÔNG-CH

VĂN-UYÊN

DỊCH THƠ TÀU

(Thơ thất-ngôn luật-thi)

送魏萬之京

Tiễn bác Ngụy Vạn vào Kinh

唐人李頎

(Của ông Lý Kỳ đời Đường)

朝聞遊子唱離歌。

昨夜微霜初渡河。

Ai đem dựng khúc biệt-ly này.

Đồ tạt hơi sương sớm dạo ngay.

鴻雁不堪愁裏聽。

雲山況是客中過。

Ái-ngại tai sâu nghe tiếng nhận,

Xa-xăm bước khách giục đường mây.

關城樹色催寒近。

御苑砧聲向晚多。

Đá nghe vườn nọ thu rồi đó,

Cây trúc rừng kia tuyết đến đây.

莫是長安行樂處。

空令歲月易蹉跎。

Chơi đất Tràng-an ai biết chán,

Rắn ai tháng tháng lại ngày-ngày.

Lời giải kiêm lời bình

Thơ này là thơ tiễn bạn vào làm quan chốn kinh-hoa, mà tả ra tình-cảnh buồn-bã nhớ mong, rồi kết lại về nghĩa khuyên-nhủ, thuộc về thể tổng-biệt. Đây, khúc hát là khúc hát biệt-ly, chuyển đồ là chuyển đồ sáng sớm, nào là tiếng nhận bên tai sâu, nỗi mình ái-ngại; nào là đường mây trong nước khách, nỗi bạn xa-xăm; lại thấy làn cây nó trở cảnh, mà lo-lang cho tuyết; nghe tiếng đá nó nghe vại, mà ngại-ngùng cho thu, cảnh nào chẳng là cảnh buồn, tình nào chẳng là tình nhớ. Nhưng mà buồn không nhớ không, thì cũng vô-ích; cho nên lại phải có lời đính-ninh với bạn rằng đất Tràng-an đó là đất ăn chơi, dễ hao-phí mất ngày tháng, khuyên ai đừng có ham về yên-hoa, mà thiệt mất thì-giờ chính-trị, đừng có

họm màn phú-quí, mà lỡ mất cơ-hội công-danh. Phàm thơ tổng-biệt, tổng-biệt mà buồn nhớ, xưa nay vẫn là phần nhiều; tổng-biệt mà khuyên-răn, xưa nay thật là có ít. Truyện có câu rằng: « Tương-tri nghĩa ấy mới là tương-tri », dịch-giả cũng trộm đem câu ấy mà khen cho người Đường vậy.

題黃鶴樓

Đề lầu Hoàng-hạc (1)

唐人崔顥

(Của ông Thôi Hiệu đời Đường)

昔人已乘黃鶴去。

此地空餘黃鶴樓。

Người tiên xưa cưỡi hạc vàng cút,

Ở đây chỉ những lầu Hạc trơ.

黃鶴一去不復返。

白雲千載空悠悠。

Hạc vàng đã cút chẳng về nữa,

Mây trắng nghìn năm còn phất-phơ

晴川歷歷漢陽樹。

芳草萋萋鸚鵡洲。

Sông bực Hán-dương cây xát-xát.

Cỏ liền Anh-vũ bãi xa-xa.

日暮鄉關何處是。

煙波江上使人愁。

Ngày chiều làng cũ đâu chẳng tá?

Mây nước trên sông khách thần thờ!

Lời giải kiêm lời bình

Thơ này là thơ dâng-cao làm-cảnh, mà tả ra tình hoài-cổ, ngụ về ý tư-hương, thuộc về thể dâng-lâm. Phàm di du-lâm, mà lên cái lầu cổ, cái đài cổ, hay hoặc cái thành cổ, v.v., những kẻ tâm-thường, cái thân tuy rằng lên được cao, nhưng con mắt chưa tắt đã trông được xa, cái lòng chưa tắt đã gửi được rộng; cho

(1) Xưa có người đạo-sĩ là Phí Văn-Thư đắc-đạo thăng-tiên, rồi cưỡi con Hoàng-hạc bay về; người đời sau nhân gọi lầu ấy là lầu Hoàng-hạc.

... bài thơ ít có kẻ viết ra được đột-ngột ly-kỳ. Duy những kẻ văn-nhân chí-sĩ, thường nhân khi dăng-lăm mà phát-sinh ra được những mối vô-hạn cảm-tình. Cái cảm-tình đó một là cảm-tình về cái lịch-sử của cồ-nhân. Hai là cảm-tình về sự hành-vi trong thân-thể. Cái lịch-sử của cồ-nhân, thì tùy địa-diểm mà biến-thiên, hoặc là cái lịch-sử đáng khen, hoặc là cái lịch-sử đáng chê, hoặc là cái lịch-sử đáng mộ. Mà sự hành-vi trong thân-thể, hoặc là đối với thế-giới, hoặc là đối với bang-quốc, hoặc là đối với gia-hương, đều có cái dây điện vô-hình cảm-xúc đến ngòi

bút cả. Cho nên những thơ dăng-lăm của những khách hữu-tình, thường thấy lăm-li đột-ngột, cảm-khái li-kỳ. Mà bài thơ này từ thể-cách cho đến tình-hoài lại càng lạ lắm. trong khi khởi-bút lạc-bút, hình như một hơi viết ra, khiến người không biết đăn mà mô-tróc được về bút, thực cũng đáng khen thay ! Xưa kia đã có người phẩm-bình Đường-thi cho bài này là đệ-nhất ; nay xin đem ngòi bút rông-rải theo trong thể-cách mà dịch ra, để bạn tri-kỷ trong làng thơ ta cùng thưởng.

TÙNG-VÂN

THƠ MỚI

Nhớ người Quảng-yên

Gặp-gỡ nhau chi để biết nhau.
Bước đường đôi ngã rẽ đôi sầu.
Mây chiều Cát-hải theo buồm lá,
Cỏ mặt Dương-loàn quấy vó câu.
Nhất-kiến ầu là duyên-nợ trước,
Trùng-phùng xin hãy hẹn-hò sau.
Đa-lông ắt có ngày du-lâm,
Bạn tốt non sông đủ mọi màu.

Thượng-dinh cư-sĩ

Ngày hạ

Thiều-quang chín chục vút như tên,
Én lặn oanh đi dậy tiếng quên.
Gan óc bồn-chồn hơi lửa lựu.
Nước non trang-diềm mảnh tiền sen.
Kẻ mong di gió đưa tin lại,
Người ngóng con rồng hút nước lên.
Bát-ngát trời xanh cùng đất trắng,
Này đàn đảo-vũ lễ cầu-yên.

Ngẫu-vịnh

Chẳng giàu sức-tích chẳng quan sang,
Con cháu nhà nho chẳng chịu xoàng.
Tuyết-nguyệt phong-hoa tràn quý-tị,
Cầm-kỳ thi-tử tít-cung-thang.
Tưởng mình giáo mác lương và chực,
Quên thói ăn chơi nợ tám tăng.

Kia trước thế nào giờ thế nhỉ.
Đời phen say tỉnh cũng băng-khuàng.

Mông-liên

Tự-thán

Ngồi buồn nghĩ lại trách mình ta,
Chưa chút đèn-bồi nghĩa mẹ cha.
Áo mặc cơm ăn thêm tuổi hồ.
Nhà người dất khách khó phôi-pha.
Cúi khôn nỡ ngó ba con trẻ,
Đoái lại càng thương chút vợ già.
Đã vậy thời hay rằng vậy vậy,
Miễn là giữ trọn đạo năm ba.

A. LÊ-THI

Cảm-tác

Đã trót lời-thôi cái nợ đời,
Nợ đời chưa trả dạ chưa ngơi.
Quyên-sinh thoát-tục đã bao kẻ,
Tịch-cốc tông-tiên được mấy người?
Chót-vót thành sầu con giế khóc.
Lênh-đênh bề khổ cánh bèo trôi.
Xiết bao nặng nợ mà không vỡ,
Bác-ái lòng kia ấy ấy ai !

II

Ngoài hai mươi tuổi trạc thanh-xuân.
Mái tóc xanh-xanh đã bạc dần.

Non-nước biết chẳng lòng cảm-khái,
 Gió-mưa quen mãi mặt phoang-trần.
 Nước nhà chung gánh vai còn nặng,
 Xuất-xử đôi đường dạ khó phân.
 Biết hỏi cùng ai ai có biết,
 Khóc cười cười nói những thương thân.

III

Khi tức xông lên ngắt tận trời.
 Chí cao phận thấp thế thì thôi !
 Tìm đâu cho thấy người tri-kỷ.
 Than-thở cùng nhau cái cõi đời.

TRẦN HUY-LIỆU

Vô đề

Đôi cảnh càng thêm ngán nỗi lòng,
 Nhớ ai ai có nhớ ta không ?
 Bồn bề bát-ngát tình lai-lãng,
 Một bóng mơ-màng dạ nhớ mong.
 Dặm liễu xa vời muôn giế khóc,
 Phòng vãn héo-hắt ngọn đèn giông.
 Quyết lên cung quế thăm di Nguyệt,
 Hỏi nước sông Tương độ mấy giòng.

NGUYỄN BACH-LIÊN

THỜI-ĐÀM

Việc sông Ruhr. — Nước Đức đã chịu — Cứ theo điện-tín mới ở bên Tây sang gần đây thì nước Đức đã xin thôi sự « tiêu-cực phản-kháng » (*résistance passive*), nghĩa là không âm-mưu phản-đối việc nước Pháp đóng quân ở hạt sông Ruhr nữa và thuận ra thương-thuyết điều-đinh với nước Pháp. Các báo tây cho đó là một sự đắc-thắng của quan thủ-tướng Pháp POINCARÉ đã quả-quyết vững-vàng cho đến Đức phải chịu và Anh cũng phải nhut. Vì, như các kỳ trước đã nói, Đức dám phản-kháng là mong ở Anh có ám-trợ, nay phải chịu như thế này thì tức là Anh có ý nhut không sẵn lòng ngầm giúp nữa. Nay Đức đã đổi diu như thế thì vấn-đề sông Ruhr sẽ giải-quyết ra thế nào ? — Các báo tây ở đây bình-phẩm việc ấy có nói đại-khái như sau này:

Xem các điện-tín gần đây thì biết được hai điều: một là nước Đức thôi sự « tiêu-cực phản-kháng », hai là hai ông thủ-tướng nước Pháp và nước Anh POINCARÉ và BALDWIN đương thương-thuyết với nhau một cách rất thân-thiện, tỏ ra sự giao-thiệp nước Pháp và nước Anh đã tốt hơn trước. Coi chừng không-khi Âu-châu đã đến buổi sáng-tạnh, không có chút gì vẩn-đục nữa, và thế-giới có lẽ sắp đến ngày được hòa-bình thật đây. Mong rằng tình-thế mỗi ngày một tốt hơn ra, và các bạn Đồng-minh sẽ thừa lúc nước Đức đã phải chịu mà cùng nhau nghĩ cách bắt nước ấy phải trả nợ. Nhưng mà Đức

thôi không phản-kháng nữa và chịu nhận quân Pháp đóng ở hạt Ruhr, nghĩa là mới bắt đầu công-nhiên ra điều-đinh với Pháp mà thôi, chứ chưa gọi là giải-quyết xong việc gì cả. Được thế cũng là một cái kết-quả hay rồi và nên mong rằng nước Đức sẽ lấy lòng thành-thực mà thương-thuyết với Pháp. Chính-phủ Đức thời đã hiểu thế rồi; nhưng quốc-dân Đức thời nghĩ làm sao ? Và thứ nhất là cái số ít người có thể-lực to, như các bọn chủ công-nghệ lớn ở Đức, nghĩ thế nào ? Trong lời tuyên-bố ở Nghị-viện ngày 13 tháng 8 của Thủ-tướng Đức STRESMANN có nói rằng : « Nước Đức dùng cách tiêu-cực phản-kháng là vì dân Đức tin rằng công-lý ở mình. Công-lý ấy, Chính-phủ Anh ngày nay cũng thừa-nhận cho ta... Về phần Chính-phủ Đức thời cũng đồng-ý như thế và xin đem việc chiếm-cử hạt sông Ruhr ra một tòa án vạn-quốc để xét xem việc ấy có hợp với van-pháp-công-lý không... Bao giờ họ chịu trả lại ta hạt sông Ruhr, bao giờ các xứ ở miền sông Rhin lại thu-phục được về nội-địa của ta, bao giờ hết thấy những dân Đức đương bị án-chế trong hạt hai sông ấy được khai-phóng về với ta, thì bấy giờ ta sẽ đem hết sức kinh-tế của ta để giải-quyết cái vấn-đề bồi-thường cho hợp lẽ và không hại đến đường làm ăn sinh-hoạt của ta. » — Ấy là lời thủ-tướng Đức nói hai tháng về trước. Nói còn cứng cổ như thế mà cả đảng ai-quốc ở Nghị-viện đã phản-đối rồi; ngày nay Thủ-tướng Đức đã đổi diu và

chính hẳn thì không biết đảng kia phản-đối đến thế nào? — Hiện ở *Bavière* là nơi bọn quân - đảng vẫn thịnh - hành lắm, suy-tôn vương-tước *Rurnrecht* và thống-soái *Hindenburg* làm lãnh-tụ, vẫn phản - đối với Chính-phủ *Berlin*. Đến bọn chủ công - nghệ lớn, thì nói chuyện bồi-thường là bọn ấy không ưng rồi, vì trả bồi-thường cho Đồng-minh tất thiệt-hại đến lợi-quyền của bọn ấy. Bọn điền-chủ lớn cũng vậy. Như thế thời tuy Chính-phủ Đức đã công-nhiên chịu, chưa chắc nghị-viện Đức và quốc-dân Đức có chịu không, và thế nào bọn quân-phiệt ở *Bavière* cũng xuân-động, không khỏi được. Đức chuyển này tất có nội loạn, nhưng nếu kết-quả sự nội-loạn ấy mà đến phân-liệt Đế-quốc Đức, thì sự đó lại càng lợi cho Pháp lắm. — Còn hai ông thủ tướng Pháp Anh thương-thuyết với nhau một cách thân-thiện hơn trước thì điều đó chẳng lấy gì làm lạ. Trước kia Chính-phủ Anh tưởng rằng việc chiếm-cứ sông *Ruhr* không có lợi gì nên có ý nhạt với Pháp, nay thấy việc có thể có lợi được, tất quay về dễ huê với Pháp. Nhưng tuy vậy mà Anh vẫn sợ Pháp có thế-lực quá, thứ nhất là sợ Pháp xui được dân mấy tỉnh sông *Rhin* phản-lia với Đức và tuyên - bố độc-lập để thu vào trong giới-tuyến kinh-tế của Pháp. Nước Anh xưa nay vẫn có tính ghen-ghét nước nào hơn mình; cứ xét những trận đánh nhau của Anh tự thế-kỷ thứ 17 đến giờ đều là ghen Pháp và muốn tảo-chiến Pháp cả; năm 1914 khai-chiến với Đức cũng là thấy Đức có thể mạnh hơn mình, nhưng đánh được Đức rồi thì thành ra Pháp lại có thể mạnh, nên từ khi đình-chiến lại có ý ngấm về bè với Đức mà phản lại Pháp; ấy đầu-đuôi mọi sự giao-thiệp Pháp Anh chỉ có thể mà thôi. Cho nên dù Đức đã chịu hay Đức không chịu, cái then-chốt việc chính-trị trong thế-giới bây giờ là sự Anh-Pháp ghen nhau vậy, ngoài mặt thân mà trong lòng thật không ưa nhau chút nào. Nước Pháp ngày nay may được quan Thủ-tướng *Poincaré* là người cứng-cát lắm, có thể đối-địch với Anh mà không sợ kém vậy.

Ông Giám-quốc mới nước Mĩ.—

Giám-quốc nước Mĩ *HARDING* mất đi, thời Phó Giám-quốc là *CALVIN COOLIDGE* lên thay. Theo như hiến-pháp nước Mĩ, khi nào ông Giám-quốc chánh mệnh-một, thì ông phó tiện-thị lên kế chân cho đến mãn-khoá; như thế tiện được một điều, là trong nước khỏi phải xôn-xao vận-động việc bầu-cử Giám-quốc mới giữa sau khi mới bận việc tổng-tàng Giám-quốc cũ.

Người ta nói rằng nội các Giám-quốc nước Mĩ, ông *COOLIDGE* này là người nghèo hơn cả. Thiên-hạ lấy thế làm khen, vì nước Mĩ là một nước lắm kẻ giàu, mà ông quốc-trưởng lại giữ được thanh-bạch như thế cũng là một sự lạ. Lại còn một điều lạ nữa, là ông nghiệp làm trạng-sư mà tính ít hay nói, rất ghét những lời diễn-thuyết phù-phiếm, những câu thù-tạc vô-vị. Ông là dòng-dõi một cựu-tộc ở nước Mĩ, tổ-tiên ông ở Anh sang lập nghiệp ở đất *Virginie* châu Mĩ tự năm 1606. Nhà ông chỉ dờ dờ làm ruộng làm thợ, dẫu có ai làm đến quan to rồi sau cũng quay về nghề nông cả. Ở *Plymouth* (đất *Vermont*) có một cái trại, dờ dờ nhà ông kế-nghiệp ở đấy. Chính ông đã làm đến Nghị-trưởng Nguyên-lão-viện, làm đến Phó Giám-quốc trong nước, mà những ngày rảnh việc về nghỉ nhà quê cũng cùng phu-nhân trồng cây cuộc đất ngoài vườn, không lấy thế làm đề-tiện. Thân làm tổng-đốc đất *Massachusetts* mà vẫn ở một cái nhà nhỏ thuê mỗi tháng 150 quan. Khi nào bận việc quan không thể đi xe điện về nhà kịp thời đánh máy nói cho một nhà khách-sạn nhỏ ở tỉnh giữ cho cái buồng chừng 10 quan để ngủ đêm. — Ấy tính ông giản-dị như thế. Người Mĩ cảm-phục cái đức-tinh của ông và khen ông không phải là một « kẻ săn bạc » (*dollar hunter*).

* *

Lời bàn về sự giải-tán điều-ước đồng-minh nước Anh với nước Nhật. — Kỳ trước nói về hội-nghị *Washington* đã nói rằng kết-quả của Hội-nghị ấy là giải-tán điều-ước đồng-minh nước Anh với nước Nhật. Có người đã gọi sự đó là một sự « li-dị về ngoại-giao » (*un divorce diplomatique*). Nay sự li-dị ấy ảnh-hưởng đến việc giao-thiệp các nước thế nào ? Báo Tây bàn về vấn-đề ấy như sau này :

Nghị-viện nước Anh mới quyết-nghị trừ một triệu *livres sterling* để kinh-doanh cửa bể *Singapore* (Tân-gia-ba) làm một nơi chiến-cảng. Hiện đã khởi-công rồi. Chiến-cảng ấy mà làm xong thì thành một nơi yếu-miền lắm, chấn-hám được cả hải-phận Á-Đông, vừa giữ được mặt An-độ, vừa giữ được mặt Úc-châu (*Australie*), không tàu chiến của nước nào ở phía Bắc đến gần đây được. — Nước Anh đặt chiến-cảng ở Tân-gia-ba như thế là có mục-dịch gì ? Mục-dịch phòng-bị Nhật-ban là bạn đồng-minh cũ của mình. Ước đồng-minh ấy đã giải-tán tự Hội-nghị *Washington* rồi. Kỳ-thực thời nước Anh nước Nhật trước tuy công-nhiên vẫn đồng-minh với nhau đây, nhưng âm-muội vẫn là cạm - tranh nhau, có đồng-minh mà không có đồng-tâm vậy. Là bởi rằng lợi-quyền xung-dột nhau. Nội trong khoảng Thái-bình-dương, dù ở Úc-châu, ở *Canada*, ở Nam-Mĩ hay ở nước Tàu, lợi-quyền nước Nhật ở đâu cũng là xung-dột với lợi-quyền nước Anh và nước Mĩ. Nay ước đồng-minh đã phá thời sự xung-dột ấy trước còn ngấm-ngấm, giờ sẽ công-nhiên vậy. Nước Anh đặt chiến-cảng ở Tân-gia-ba, tuy chưa nói ra, mà thực là có ý đối với Nhật phòng-bị trước vậy.

Và cái thế-lực bành-trướng của nước Nhật thật là mạnh-mẽ vô-cùng. Trong khi chiến-tranh, Nhật chiếm được địa-vị cả

các nước Âu-châu ở Á-Đông này; đồ hàng xuất-cảng gấp năm gấp mười khi trước. Nhưng Anh sợ Nhật nhất là sợ người Nhật tràn sang các thuộc-địa của mình. Năm 1914, ở Ấn-độ chỉ có chừng ba chục người Nhật ; ngày nay ở thành *Bombay*, người kiều-cư Nhật đã nhiều đến lập được một sở « câu-lạc-bộ » (*club*) và hai nhà băng. Lại bông của Ấn-độ bây giờ bán cho Nhật-bản nhiều hơn là bán cho nước Anh, Nhật-bản mua về chế-tạo ra vải rồi lại bán lại cho Ấn-độ. Về đường chính-trị thì người Ấn-độ không bao giờ phục người Anh và càng ngày càng có cảm-tình với người Nhật. Có người đã nói rằng : « Nhật-bản với Ấn-độ là hai nước ăn gạo. Trong thế-giới này có một cái văn-minh ăn gạo, cũng như là có một cái văn-minh ăn lúa mì. Người Anh cũng biết thế. » — Bởi người Anh biết thế nên người Anh có ý nghi-kỵ và phòng-bị.

Nhưng cái tài buôn-bán, cái tài doanh-nghiệp của người Nhật còn không đáng sợ cho người Anh lắm bằng dân-số nước Nhật mỗi ngày một tăng lên rất dữ. Cứ xét số thống-kê, hiện nay nước Nhật đã có ngót 70 triệu người, chỉ năm-mười năm nữa thì được đến 100 triệu ; cứ tính trung-bình như bây giờ thì mỗi năm tăng được ước 85 vạn người. Đất nước Nhật-bản, và cả thuộc-địa Nhật-bản (*Cao-li*, *Đài-loan*), không đủ nuôi cho một số người nhiều như thế, Nhật-bản tất phải bành-trướng ra, tất phải tìm đất thực-dân ở ngoài. Hiện nay thời người Anh người Mĩ cố ý cấm cửa không cho vào đất nước và thuộc-địa của mình, gây ra một cái ác-cảm đối với người Nhật đã lâu.

Bởi các lẽ đó mà cái mối cạnh-tranh Anh-Nhật, cũng như mối cạnh-tranh Nhật-Mĩ sẽ là một sự lo cho cuộc hòa-bình thế-giới. Trong khi còn điều-ước Đồng-minh nước Anh với nước Nhật thì mối cạnh-tranh ấy còn ngấm-ngấm chưa lộ ra, nay

ước đã phá rồi, Anh công-nhiên đặt chiến-cảng ở Tân-gia-ba là có chủ-y vậy.

Nhưng Nhật vừa phải cái thiên-tai dữ-dội mới rồi, cũng còn phải lâu năm mới khôi-phục lại được, Anh cũng chưa phải lo gì gấp vậy.

Việc động đất ở Nhật - bản. —

Lãnh-sự Nhật ở Hải-phòng đã thông-báo cho biết số thiệt-hại của Nhật-bản về việc động đất mới rồi.

Tổng-số những người bị-hại ở thành *Tokyo*, và các quận *Kanagawa*, *Shizuoka*, *Chiba* và *Saitama*, tới nay tính được là :

Xác chết 10 vạn 3 nghìn

Bị thương 12 vạn 5 nghìn

Mất không tìm thấy. . 23 vạn 5 nghìn

Nhà đổ và cháy là 53 vạn 4 nghìn nóc. Số tổn-hại ước từ 7, 8 cho đến 10 ngàn triệu « viên » (*Yen*).

Dân-số thành *Tokyo* bây giờ rút xuống có 1.430.000 người. Trong thành đã yên-đốn, dân bị nạn đã trở về chỗ cũ lập tạm lều túp để ở. Những nhà của người riêng dựng tạm như thế đến ngày 20 tháng 9 tính được 3 vạn 2 nghìn nóc, và số người ở được 16 vạn 8 nghìn người. Có nhiều người đã bắt đầu buôn-bán rồi. Số người ấy ở vào mấy quận *Asakusa*, *Shibuya* và *Honjo* lại nhiều lắm, và mỗi ngày mở ra đến 200 cái cửa hàng mới.

Trong số những người bị-nạn ở *Yokohama* thì hiện có 6 vạn 2 nghìn người ở những nhà không bị đổ; 5 vạn 3 nghìn người ở nhờ nhà bà con; 8 nghìn người ở lều túp của thành-phố lập tạm ra; 4 vạn người ở những lều túp của mình dựng ra hay là ở các nhà trường còn có chỗ bỏ không.

Người Âu và người Mỹ đi chạy nạn đã trở về *Yokohama* mỗi ngày một nhiều. Ngày nay đã được ước 130 người.

Những kế-hoạch dùng để cấp-cứu, như phát đồ ăn đồ mặc, thuốc men và nhà cửa cho người bị nạn đã thấy kiến-hiệu lắm. Ngày nay Chính-phủ Nhật đương trù

cách mở dần các nhà băng, các sở bảo-hiêm và nghĩ đường khôi-phục các công-nghệ trong nước.

Thành-phố *Tokyo* và *Yokohama* đã bắt đầu xây dựng lại, và trong bản-đồ có dự-định đặt nhiều những công-viên và nơi không-khoảng để phòng khi có thiên-tai như thế nữa thì tiện đường chạy chốn.

Chính-phủ Đông-Pháp ta ngay hồi đầu có trích ra 10 vạn đồng, phái một chiếc tàu và hai quan thầy-thuốc sang cấp-cứu, hiện đã đến nơi và Chính-phủ Nhật-bản đã có lời cảm ơn quan Toàn-quyền. Trong các thành-phố lớn ở ta đều có mở lạc-quyền cho Nhật-bản.

— Về việc động đất Nhật-bản, bản-chi có tiếp được bài lai-cáo sau này của một ông bạn đọc báo ở Thượng-hải (Tân) thuật lại tường-lắm. Ông có gửi cho mấy cái *cartes postales*, trông thâm-lắm, nhưng tiếc ảnh không được rõ, nên truyền in ra không được. Bài lai-cáo như sau này:

« Ngày mùng 1 tháng 9, các nước đều nhao-nhao về động đất dữ-dội ở Đông-kinh (*Tokio*), Hoành-tân (*Yokohama*), mà các nhà địa-chất-học nước Áo nói rằng lần này có lẽ kịch-liệt nhất, cổ kim chưa từng thấy bao giờ. Mấy xứ ở ven bờ Thái-bình-dương vốn có liên-lạc với Nhật-bản, có kẻ hăm-mộ cái giang-sơn cầm-tú kia mà đến, có kẻ vụ-học-thức mà chẳng quản đường xa muôn dặm, tìm tới Đông-kinh là chốn Trường-an thứ nhì đương-thời mà thu-hấp văn-minh mới; lại người Âu-châu nhân nghĩ mát mà đến, hoặc nhân buôn-bán mà đến, nói tóm lại người xứ nào cũng có họ hàng qua lại trên mấy đảo ở « Đông-dương », thế mà bỗng thình-lình nổi lên cái tai-nạn bất-kỳ, cả một hải-cảng trù-mật Hoành-tân biến ra tro lửa, lại 2 phần ba Đông-kinh cũng theo làn khói đen mà bay đi, thì những kẻ ở trên lục-địa, tuy vững như Thái-sơn, mà chẳng rõ bà con thân-thích kia còn hay mất, tài nào khỏi nao-nao được ? Các báo, các tạp-chí để thương cũng đã kể rõ các

tiền-tức rồi, bây giờ tôi chỉ tóm lại đề chư-quân rõ cái địa-thế.

« Bốn cái đảo con hợp thành nước Nhật-bản, vốn là đất núi lửa (*pays volcanique*), đất động nhiều, người Nhật vẫn cho là thường, nhưng có động thì động ít thôi, hư-hại bất-quá năm ba cái nhà mỏng-mảnh là cùng, chứ có đâu dữ-dội như lần này. Trong nước Nhật, Đông-kinh là đô-thành, hoàng-cung nghị-viện, đại-học-đường, trứ-danh nhất là Thương-khoa-đại-học-đường, cả hoàn-cầu chưa từng có một sở nào lớn như vậy, lập nên để chuyên dạy về buôn-bán, các sở buôn-bán đều tại đó cả. Dân-số gần 3 triệu, tức đông gấp 3 thành Thượng-hải, mà đến cái về hoa-lệ cũng chẳng kém gì. Trong thành có đường Ngân-tòa, phồn-hoa phảng-phất như Đại-mã-lộ ở Thượng-hải. Đông-kinh thật là trung-tâm của văn-hóa Nhật-bản. Về đời Đường, Trường-an là chốn các học-sinh Á-châu tập-nập đến, ngày nay Trường-an đã thành tro thì Đông-kinh giữ cái địa-vị ấy vậy.

« Còn Hoàn-hải, tuy không đông bằng Thượng-hải, nhưng đó là trung-tâm của thương-nghiệp và kinh-tế Nhật-bản, là hải-cảng của việc buôn-bán với ngoại-quốc, nên cũng có một cái địa-vị rất trọng-yếu. Người ngoại-quốc rất đông; người Quảng-đông, Phúc-kiến sinh-nhai ở đó có dư vạn.

« Ngày mồng 1 tháng 9, ở Đông-kinh có gió lớn, mây kéo đầy trời, ôn-độ rất cao, người người khó chịu, đến gần 12 giờ trưa bất-thình-linh đất động rất mạnh, các nhà lớn, lâu cao đều theo nhau đổ ào xuống, rồi gió vẫn thổi càng mạnh, lửa cháy hơn 20 chỗ, các ống nước đều vỡ tan nên đành bó tay mà xem lửa cháy. Bao nhiêu chỗ ăn chơi thanh-lịch, cùng hoàng-cung và mấy phố lâu-dài san-sát như gần Nhật-bản-kiều, *Ginza*, đường Ngân-tòa đều đổ cả, chỉ còn thấy móng-mảnh bề sở những gạch, những ngói, chỗ chỗ còn vai cái cột vẫn trơ trơ hình như đứng thì gan với trời xanh. Có cái lâu cao nhất tên *Asakusa* đổ xuống làm chết lây đến mấy trăm mạng. Nhà Giáo-dục-bộ chỉ còn hai cái cửa sắt, còn ở Á-bỉ môn và nhà thương lớn cũng còn được một cái cột đá. Được 5,6 giờ thì hai phần ba thành Đông-kinh hóa ra chốn hỗn-mang... cháy mất 31 vạn 6 nghìn

870 nóc, người chết ước đến 6,7 mươi vạn bị thương nặng nhẹ đến 1 vạn, còn những thầy chết trương dưới sông trôi theo làn nước như bè gỗ ở sông Nhĩ-hà, trên bờ cùng trong hầm xương lớn, người đè lên nhau mà chết như rừng, nói đến phát rùng mình. Kể sống đua nhau chạy lên Vũ-quốc-kiến trốn nạn, tụ-tập có hơn 2 nghìn, thành ra cầu đã yếu sức, gãy tan, cả bấy nhiêu người rơi xuống sông chỉ còn vài người biết lội là sống sót; các cu-li xe, lơ-thơ được cái áo lót mình trắng, đầu đội nón như cu-li ở xứ ta, chân không lư lướt kéo xe bò đi chở đồ, còn người chạy nạn, ngoài bộ quần áo chết thân, không còn mong được tí gì. Có chỗ phải bắc cầu phao để cho dân qua sông, lính tuần-cảnh bồng súng, xếp hàng hai bên giữ trật-tự; dân dẫu có qua khỏi cũng khó kiếm vật ăn, đành kéo nhau đến các máy vạy nước uống để trừ cơn. Sau phải có lính lấy thuyền đi tải gạo về phát chẩn, mỗi người mỗi ngày được chừng một nắm gạo. Dân Nhật vốn ăn ít, chứ giá dân khác có lẽ lỏi-thôi lắm đấy nhỉ? Tôi còn nhớ có người bạn qua Đông-kinh về nói chuyện, ngồi ăn trên sân, nào bát nào chén, cái gì cũng nhỏ li-ti, bát cơm thì và một cái là hết, nhưng thấy có con hầu qui bên cạnh, không dám làm mặt chó sói mất thể-diện, bụng tuy đói như cáo, mà cũng dè-dè và một bát đến 5,6 miếng.

« Các giây điện đều đứt cả, phải dùng tàu-bay để truyền-báo tin-tức. Còn đến di-dân thì đã có xe lửa riêng chở đi, chứ ở đó còn mong gì; mỗi ngày đến mấy mươi chuyến, người ngồi đầu ngồi đuôi, hết chỗ leo cả lên nóc chễm-chệ ngồi, trông thấy mà nửa buồn cười, nửa rơi lụy. Hoàng-đế hoàng-hậu và thái-tử đều vô-dạng. Đó là tình-cảnh Đông-kinh, tuy đồ nát cũng nhiều, nhưng còn một phần ở bắc y-nghuyên, lâu-dài vẫn nguy-nga, đường-xá vẫn phong-quang, nên cái cảnh tiêu-diệu dưới nam giảm được nhiều mà thành hầy còn hi-vọng trùng-tu. Đến như Hoàn-hải thì thật khổ. Lửa cháy dữ-dội đến nỗi giây thép trong nhà *Chartered Bank*, sau khi đã yên ổn, người ta vào nắm vẫn còn nóng, đợi đến 10 ngày mới nguội. Cả một thành vĩ-dại không còn chỗ nào nguyên, các lữ-quán chứa hàng mấy nghìn khách đều đổ xuống dè chết cả. Tờ

án lúc đó đương xử thì đất động, náo quan tòa, náo trạng-sư, náo bên nguyên bên bị, đều bị những gạch ngói, rầm gỗ đổ ụp che lấp mất cả. Nhà Cô-nhi-viện của Pháp cũng bị hủy-hoại. Đất động ở Hoành-tân mạnh hơn ở Đông-kinh, còn cái cảnh khờ-não thì cũng phảng-phất, chỉ thêm người ngoại-quốc chết rất nhiều. Chỗ kia, cổ đạo ra làm lễ mai-táng, sau lưng có người đàn-bà Anh tiến đến xin cổ làm lễ chôn cho chồng mình. Cổ hỏi thầy đầu thì người đàn-bà ấy rưng-rưng nước mắt, dơ ra cái khăn tay, trong đựng một nắm tro đen, đó là di-hải của chồng!

« Bây giờ mà muốn độ cái số hại của Đông-kinh, Hoành-tân và mấy xứ gần đó thì chưa thể được, các báo còn phân-vân nói phỏng chừng, nhưng có thể lấy số trung-bình là người chết 230 vạn và quyền - thất đến 50 vạn vạn bạc. Nước Pháp tổn về chiến-tranh trong mấy năm cũng bằng như vậy. Nhật-bản 5 năm đánh nhau với Đức, lợi bao nhiêu chỉ trong mấy phút đó thiêu mất cả. Tích cũ 3 năm...! »

« Ấy cái bi-cảnh của Nhật-bản như vậy đó. Các nước dầu không ưa chi, nhưng gặp lúc người ta cũng là người mà làm-than khờ-não, cũng đổi lòng duy-kỷ, đua nhau đến giúp đỡ, như Mĩ, năm trước đây bao nhiêu phen phân-đối, náo-dộng cả toàn-cầu, người người đều cho trận Nhật-Mĩ không tránh được, thế mà đến lúc này họ sai hạm-đội tới trước nhất hộ-cửu, lại quyền trong mấy ngày được hơn 1000 vạn. Từ-bi thay! Rồi đến Anh, Pháp, v. v., cũng có phái tàu riêng đến. Còn Trung-quốc mấy tháng nay cực-lực dễ-chế về việc Nhật không chịu trả hai cửa Đại-liên, Lữ-thuận, cả nước đồng lòng tuyệt-giao kinh-tế, bây giờ lại hết lòng giúp đỡ. Các tỉnh giàu thóc gạo như Giang-tô Tích-giang, An-huy đều chở gạo đến. Các báo ngày ngày đăng tiền quyền không ngớt, tòa Nội-các cho 20 vạn, đốc-quân Đông-tam-tỉnh Trương Tác-Lâm cho 50 vạn, Đoàn kỳ-Thụy 30 vạn, Tao Côn-tử là người đương âm-mưu làm tổng-thống 1 vạn, Lê Nguyên-Hồng là tổng-thống cũ bây giờ chạy đến Thượng-hải 1 vạn, v. v. Còn các hội, các công-sở quyền không kể hết được.

« Người Nhật-bản có tiếng ái-quốc, xem như cơ-hội này cũng biết họ thực như thế.

Nhà phú-hào Nam-kỳ thả cho một lúc đến 500 vạn, còn những số 120 vạn đến 30 vạn cũng nhiều, đến số vài vạn thì đã là thường rồi. Thật người Nhật đối với quê-hương có cái mĩ-diêm đặc-biệt. Một nước như vậy, trách nào họ giàu mạnh cũng là phải.

« Thế là Trung-quốc giữ cái thái-độ quân-lũ đối với Nhật-bản trong lúc này, không phụ cái thanh-danh của các thánh-hiền đã mấy nghìn thu khua chuông gõ mõ mà dạy lũ dân đen cái đạo xử-thế. Hoặc có kẻ vẫn giận, vẫn nói xấu Nhật-bản, nhưng trong bụng họ lúc này, không thể cầm lòng được. Thường tôi gặp các người Tàu hay hỏi: « Nhật-bản động đất, anh nghĩ sao? » thì họ khoa tay khoa chân nói lớn tiếng: « Chúng nó ngạnh, nhưng trời còn ngạnh bằng mười kia. » Có chỗ thì bình-tĩnh, kết-luận một câu: « thị thiên-thượng áp-phục Nhật-bản đích kiến-ngao. »

« Người ta nói Nhật lợi về cuộc chiến-tranh được 20 vạn vạn đồng. Trời muốn phạt cái lòng bất-nhân đó, nên ngoại số người chết lại đeo thêm một món vĩ-đại là 50 vạn vạn đồng. Thế là trời cảnh - cáo cho mà biết (天警) để chữa mình, đừng có mang cái dã-tâm đối với các nước hèn-yếu nữa. Ông trời vốn là một bậc huyền-bi cao-xa, dầu đến tội được biết, nhưng tôi chỉ hân-khoan có một điều là: « Thế kỷ thứ 20 có phải lúc kết-luận cuộc sinh-tồn của quả đất bần này không? Nội trong vạn-quốc lịch-sử, chưa từng có lúc nào thế-giới trải một hồi đa-nạn như vậy. Bắt đầu là trận Âu-chiến đã rung trời động đất một phen ghê-gớm, rồi lại đình-chiến, thì nước này nước nọ, quá chán-chường cái thân nô-lệ, quá mong-mỏi cái cuộc ị-do, thì nhau phản-kháng các nước kuộc nhân trận đánh đã yếu dần để vọt lại nền độc-lập. Tóm lại, từ năm 1914 trở đi, có lẽ không ngày nào không có hàng nghìn vạn con người xâu-xé nhau trên một khoảng đất con-con; như nước Tàu « to dầu mà đại-nay, có lúc nào các đốc-quân dẹp binh mà ngồi nghỉ đâu? Kể lại đến trận động đất không-tiền khoáng-hậu ở Nhật-bạn. Lấy con mắt nhà Nho, chỉ vụ đạo-đức mà cảm-hóa từ-di, thì chắc phải than cho cái vật-chất-văn-minh đã quá làm người đời. Các nước lớn, gần 200 năm nay, nhờ hơi nước.

địa-khí, mĩ-y-móc, nổi lên cái cuồng mộng thôn-tính các nước nhỏ, bất-kỷ hay dõ, chỉ cốt nhiều tiền nhiều bạc, không cần nghe đến tiếng than của con giun con giế, không cần xem đến cảnh khổ của cá chấu chim lồng, dầu có thành-công đạt chí nữa, nhưng thiên-lý vẫn không xa : « Bội nhi nhập giả bội nhi xuất. »

« Nhưng . . . nhưng . . . đó chẳng qua là những lý-tưởng người đời cho là quá cũ rồi, tôi vẫn xin lấy cái chủ-nghĩa hoà-nghi mà phán-đoán, bởi tình với lý bao giờ cũng xung-đột nhau, dễ mà có nước nào chịu chú-ý đến hai chữ : « Thiên-cảnh »

« Kết-luận : Nước Nhật vốn có nghị-lực, có thông-minh và biết đồng-lâm, nên trong 40 năm đất-tận-cải-cách theo văn-hóa-mới, bại Nga phục Tàu, chiếm Cao-li, rồi nghiêm-nhiên chen chân vào hàng liệt-cường. Lần này, tuy bị cái nạn lớn như vậy, nhưng đã thấy người Nhật đề-xướng việc trùng-tu Đông-kinh, Hoành-tân ; tôi rất tin lắm, và tôi mong rằng trong 10, 20 năm sau này, trên đồng tro tàn kia, sẽ nổi lên 2 cái thành to hơn, đẹp hơn, giàu hơn Đông-kinh và Hoành-tân năm 1923. — T. TRÚC-ĐÌNH (Thượng-hải, ngày 22 tháng 9 năm 1923) »

Việc nước Tàu. — Việc bầu Tổng-thống định đến ngày 13 tháng 9 tây, nhưng bữa ấy bầu không xong, vì không đủ số nghị-viên đến bầu, nghe đâu còn thiếu đến một trăm người nữa mới đủ lệ. Vậy tòa Nội-các, hiện nay chỉ còn có 4 người thôi, vẫn cứ nhiếp-chính cho đến ngày bầu được Tổng-thống mới. Nay đã trù-tính cho kỳ bầu sau này, vào tháng 10 tây, được đủ số và bầu cho xong. Nhưng thiết-tưởng trù-tính cách gì cũng chẳng bằng cách dãi cho thật hậu các ông nghị-viên đi bầu, thế là nhiều người ham tiền mà đến đông. Song nghe nói đâu có mấy viên đốc-quân lại lót tiền cho nghị-viên đứng đến bầu. Như thế thì còn dùng-dăng mãi chưa biết bao giờ xong.

Hiện nay thời nước Tàu không có chính-phủ gì cả. Vì Nội-các không thể nhiếp-

chính được mãi, và xét trong hiến-pháp không có dự-định điều đó. Trước ngày 13 tháng 9, Nội-các đã là không hợp-thức rồi, sau ngày 13 tháng 9 thời lại là không hợp-thức lắm nữa. Ngoại-giao-đoàn đương lấy điều đó làm khó nghĩ, nhưng ngoại-giao-đoàn cũng không có thể nào đòi khác được.

Tổng-thống cũ Lê Nguyên-Hồng thời đã dời Thiên-tân ra Thượng-hải ngày 11 tháng 9 để mong cùng với bọn nghị-viên trốn ở đấy mưu khôi-phục lấy quyền. Nhưng mà nghe thiên-hạ tiếp lãnh-đạm lắm, và có báo nói rằng ông đã tuyên-bố không muốn can-thiệp việc chính-trị nữa. Lại có báo đồn rằng ông sắp xuống biệp-lực với Tôn Văn ở Quảng-đông. Theo điện Reuter thì chính-phủ Bắc-kinh có tư xin với công-sứ Pháp là ông DE FLEURIAU cấm không cho Lê Nguyên-Hồng ở tô-giới Pháp ở Thượng-hải mà vận-động phản-đối Chính-phủ.

Tình-thế ở Nam-phương vẫn còn bối-rối lắm. Quân Tôn Văn vây quân Trần Quýnh-Minh ở Huệ-châu ba tháng mà vẫn chưa đánh lấy được. Còn tài-chính của Tôn thì quần-bách lắm. Hiện phải bán các công-sở, tịch-ký các đền chùa, đặt ra vô số những thuế mới mà không đủ tiêu. Suốt trong hàng tỉnh không đâu được yên-ôn và dân-gian cực-khó quá ; giặc-giã như rươi.

Cải án Lâm-thành chưa giải-quyết xong mà bọn thổ-phỉ vẫn cứ xâm-phạm đến người ngoại-quốc và tàu buôn của ngoại-quốc ; ngày tháng bầy một bọn vào cướp chiếc tàu *Balny* của Pháp ở Tứ-xuyên ; ngày 12 tháng 9 lại bọn khác cướp phá tàu *Yuyagn-maru* của Nhật ở Phúc-châu. Những việc ấy toàn là việc giao-thiệp lồi-thôi cho Tàu cả. Nhưng Tàu còn có chính-phủ đâu nữa mà chịu trách-nhiệm vào đấy ? Đối với cái tình-thế ấy, các nước đã bàn lập lấy một đội quân vạn-quốc để tự hộ-vệ lấy sinh-mệnh và tài-sản người ngoại-quốc ở Tàu. Đó mới là cái nguy cho nước Tàu sau này.

Việc nước Tàu rối bết như thế, mà các Hoa-khieu ở bên ta ngày mồng 10 tháng 10 mới rồi làm lễ Kỷ-niệm Dân-quốc to lắm. Chẳng qua là một cuộc mua vui cho họ và một cách trảng-quan-chiêm đối với lũ «Ố-nàn» mình mà thôi, chứ Dân-quốc họ thì hay-ho gì mà kỷ-niệm.

Quan Toàn-quyền Merlin đã đến Hà-nội. — Quan Toàn-quyền MERLIN đi kinh-lược khắp Nam - kỳ, Cao-miền và Trung-kỳ, đã đến Hà-nội ngày 21 tháng 9 vừa rồi. Trong Phụ-trương bằng chữ Pháp của bản-chí có in và dịch bài diễn-thuyết của ngài đọc trả lời quan Phó Toàn-quyền chúc-mừng ở Hà-nội, và bài ngài đọc khi yết-kiến Hoàng-Thượng ở Huế; xem mấy bài ấy cũng biết đại-khái cái chính-kiến của ngài.

Sự-trạng quan Toàn-quyền MERLIN thế nào, bản-chí đã kể rõ trong mấy số trước (Xem N. P. số 68). Ngài là một bậc thượng-quan rất lão-luyện, trước khi sang đây ngài đã làm Toàn-quyền ba bốn nơi, theo như lời ngài nói, suốt mặt địa-cầu này chỗ nào nước Pháp có thuộc-địa là ngài cũng có cai-trị qua cả. Như vậy thời về việc thuộc-địa ít người có kinh-lịch được bằng ngài. Từ khi ngài bước chân sang đây đến giờ, ngài cũng đã quan-sát được nhiều, và nghe có người thuật lại rằng ngài hết lòng khen đất Đổng-Pháp và dân Đổng-Pháp ta, cho là cảnh đẹp người khôn hơn cả các thuộc-địa khác ngài đã từng qua và thực đáng đứng đầu các thuộc-địa của Đại-Pháp vậy. Ngài nói rằng Chính-phủ Đại-Pháp cử ngài sang cai-trị bên này thật là một sự vinh-hạnh cho ngài. Về phần quốc-dân ta thì được ngài là một bậc lão-thần của qui-quốc sang cai-trị thực cũng là một sự vinh-hạnh cho ta vậy.

Ta mong-mỏi rằng ngài làm được nhiều điều ích-lợi cho dân được nhờ và kính-chúc ngài trọng-nhậm ở đây được phúc lành sức mạnh luôn-luôn.

Cái tai-nạn lụt ở Bắc-kỳ. — Nhật bản phải cái tai-nạn động đất, Bắc-kỳ ta phải cái tai-nạn nước lụt, tuy không hại bằng, nhưng cứ cách một vài năm lại phải một lần thì cũng quá khổ. Năm nay hại cũng nhiều lắm. Bắt đầu từ tháng bảy tây nước ngập cả tỉnh Cao-bằng, rồi tràn dần xuống trung-châu mà ngập nhiều nơi về tả-ngạn sông Nhị-hà, thuộc tỉnh Bắc-giang, Bắc-ninh, Hải-dương, Hưng-yên, lắm nơi nước vào muện quá, dân không đủ thì giờ mà tái-gia nữa, mùa-màng mất hết sạch, đói kém khổ-sở quá. Bán ruộng, dợ con, ăn mỳ, di ở, cảnh dân bị lụt chỉ còn có thể mà thôi; nghĩ mà ái-ngại thay! Làm dân An-Nam thật khổ đủ điều. — Đối với cái cảnh khổ hằng năm ấy, những ông bác-vật tài giỏi biết bao nhiêu, lương cao biết thế nào, cũng phải bó tay không cứu được, mà cái vấn-đề trị-thủy vẫn chung - qui không giải - quyết xong, nghĩ có chán không? ...

Việc bầu-cử ở Bắc-kỳ. — Độ này là mùa bầu-cử ở Bắc-kỳ. Nhưng vụ năm nay xem ra không có gì là cái vẻ náo-nhiệt như mấy năm trước.

— Ngày chủ-nhật 7 tháng 10 bầu nghị-viên thành-phố Hà-nội, nhưng hôm ấy không đủ số người bầu, không ai được trúng cử cả. Chủ-nhật sau là ngày 14, bầu lại. Về phần nghị-viên An-nam có 4 ông, về phần nghị-viên Tây có những 8 ông, mà dân Tây còn lấy thế làm không bằng lòng, muốn xin thêm lên 12.

Bốn ông nghị ta mới trúng cử là những ông sau này:

Lê Văn-Phúc, chủ nhà in.

Đỗ Thận, chủ nhà báo.

Nguyễn Hữu-Tuấn, tức Long-ký, buôn bán.

Sơn Xuân-Hoan, buôn bán.

Tám ông nghị Tây là những ông: Bel-lonnet, Janvier, Dr Loubet, de Louven-court, Luzet, Michelot, Sicard, Thibault.

— Ngày thứ hai 15 tháng 10, Hội-đồng Tư-vấn Bắc-kỳ đã họp để bầu tòa Trị-sự mới.

Các ông tri-sự mới như sau này:
 Nguyễn Hữu-Thu, nghi-trưởng,
 Bùi Huy-Tin, Chánh Thư-ký,
 Nguyễn Thừa-Đạt, Phó Thư-ký,
 Bạch Thái-Bưởi, tri-sự,
 Nguyễn Hữu-Cự, tri-sự,
 Nguyễn Hữu-Tiếp, tri-sự,
 Nguyễn Xuân-Tanh, tri-sự.

Bàn góp về việc làm Tự-diễn. —

Bàn-chi tiếp được một bài « Bàn góp về việc làm Tự-diễn », cứ y nguyên-văn đăng sau đây để rộng đường công-luận. Xem ý tác-giả không muốn lấy những thi-văn mới làm tài-liệu cho Tự-diễn. Thiết-tưởng thế cũng nghiêm-quá. Các thi-văn mới thời phần nhiều tạp-nhập thật, nếu đem ra làm mẫu cho người làm văn thì không tiện thật, nhưng việc làm tự-diễn là một việc cóp nhặt, thấy đâu nhặt đó, không nên phân-biệt cũ mới. Những thi-văn mới rất tạp-nhập, há lại không được một vài câu đặt hay, giảm ba chữ dùng khéo hay sao? Hễ thấy thì nhặt để cho rộng câu thí-dụ, miễn là nhặt cho đích-đáng, cho câu thận, còn không hề là thơ-văn của người nào; nếu nhất-thiết bỏ cả thơ-văn mới, thì chẳng cũng hẹp và thiên-lâm dư?

— « Quốc-âm ta ngày nay đã đến cái thời-kỳ sinh-hoạt. Bộ Việt-Nam-tự-diễn, trong bấy lâu nay, quốc-dân ta thật đã sẵn lòng mong-mỏi. Nay hội Khai-tri đã bắt đầu khởi-công làm bộ tự-diễn; tuy công việc còn to-tát khó-khăn, chưa dám kể ngày kể tháng mà mong thành-hiệu được. Nhưng xem ra quốc-dân ta đối với sự đó, ai nấy đều sẵn lòng hoan-ngheh, mà mong cho chóng đến ngày thành-tựu; ấy là cái lòng chung của toàn-thể mọi người vậy. Tôi lại thiết-nghĩ việc quốc-âm lại là việc có trách-nhiệm chung cho cả quốc-dân nữa, há những một lòng hoan-ngheh mong-mỏi mà thôi. Vậy tôi cũng xin có mấy lời thiết-tưởng bàn góp về việc tự-diễn. Một là đề dự lấy một phần trách-nhiệm nhô-nhật. Hai là đề tỏ ra cái tấm nhiệt-thành đối với quốc-dân. Ba là đề cho rộng đường dư-luận. Xin các ngài lượng cho.

« Mới rồi tôi có xem báo Nam-Phong về kỳ 74, nói về việc khởi-thảo bộ Việt-âm-tự-diễn. Các ngài đã đem tài bác-nhã, hóa bụng nhiệt-thành, lời lẽ thí-du, thực đã đích-đáng rõ-ràng, đủ khiến cho người ta phần-phát hưng-khởi. Tôi cũng lấy làm cứ do cái

phương-châm thể mà thực-hành, thì lo gì thành-tựu không được sớm-sủa; mà khi đã thành-tựu rồi, cũng lo gì không có kết-quả hẳn-hoi. Nhưng tôi lại trộm thấy ở trong phạm-lệ các ngài thảo ra, có một điều thủ-thiện-khí rộng quá, như điều thơ văn thì lấy cả mới cả cũ, mà thơ văn thì lấy những tập thơ Nguyễn-Khắc-Hiếu, Trần-Tuấn-Khải, vân-vân, để hợp với những câu của cổ-nhân mà làm câu thí-dụ dẫn-chứng. Cứ như tôi thiết-tưởng, thì đã gọi là tự-diễn, chắc là nên lấy những câu có điều-cổ, như những câu ca-dao tục-ngữ, hay là những câu ở các truyện các tích, và những câu thi-ca đối-đáp của cổ-nhân; như cụ Nguyễn Du, cụ Yên-đồ, vân vân; những thơ văn ấy xã-hội đã phổ-cập, quốc-dân đã công-nhận, những tài-liệu ấy nếu nhặt được càng nhiều để làm câu thí-dụ dẫn-chứng cho mọi chữ trong tự-diễn thì càng hay, mà còn gì quý báu hơn nữa. Đến như những thơ văn mới của các người ở hiện-thời, hoặc đăng ở các báo-chí, hoặc bán ở mọi hàng sách, ai thích văn người nào, thì biết văn người ấy mà thôi, xã-hội chưa phổ-cập; thơ văn mới thì kẻ khen cũng lắm, mà kẻ chê cũng nhiều, quốc-dân chưa công-nhận. Nếu đem những thơ văn ấy ra mà tạp-nhập thí-dụ dẫn-chứng, thì sợ rằng chưa hợp-thức với sự làm tự-diễn, và chưa xứng-ý với quốc-dân chăng. Còn như trong Đông-dương-tập-chí, Nam-Phong-tập-chí, thì tôi thiết-tưởng cũng chỉ nên lấy những câu sao-lục của cổ-nhân ra mà thôi.

« Tôi bàn đây, không phải là có ý dám đề-ngang khinh-trọng gì văn mới văn cũ cả. Duy những văn-chương ở hiện-thời, ví như cái hoa đương phát-sinh. Đương lúc bắt đầu ham-hở, ai chẳng muốn vơ nhặt lấy cả những hoa nọ hoa kia, để mong cho đông-dúc lấy rừng cây. Nhưng cái hoa đương lúc phát-sinh, chưa có đình-giá, chắc là về sau phải trải qua bao nhiêu ngày tháng phôi-pha, nắng mưa biến-đổi; rồi cái hoa nào là cái hoa yếu-ớt diên-cường, sẽ tiêu-diệt dần đi; cái hoa nào là cái hoa chân-chính già-dạn, sẽ kết thành quả; đến bấy giờ sẽ có đình-giá hẳn-hoi; phẩm-giá đã định rồi, mới có thể thu lại để dành ở trong kho, mà mong có ngày đem ra làm giống được. Tôi nói thí-dụ đó, chính là cái công-lệ của con nhà làm văn-chương xưa nay, mà cũng

là cái chính-tắc của con nhà làm tự-diễn xưa nay vậy. Duy, các ngài lúc mới khởi-luận, cứ thủ-thiện cho rộng ra là phải, bởi vì xuân-hoa thu-thực, tinh-thái kiêm-thu, đó cũng là cái lòng « thánh-nhân lạc thủ ư nhân dĩ vi thiện » xưa nay. Nhưng há lại chẳng nên thêm lấy những bài công-bình công-luận của quốc-dân, đề mà so-sánh lựa-lọc, khiến cho bộ tự-diễn này có công hẳn là có hiệu, có nhân hẳn là có quả đấy dư ? Chữ rằng « tuân vu sở-nghiên », xin các ngài xét cho. Kính chúc quốc-dân. Kính-chúc các ngài. Kính-chúc bộ tự-diễn mới khởi-thảo của Việt-Nam ta. — **TRÚC-PHA** »

Giới-thiệu sách mới. — Truyện Nữ quân-tư diễn nghĩa, hiệu Mạc Đình-Từ ấn-hành lần này là lần thứ hai, chắc là một bộ tiểu-thuyết có ý-nghĩa hay, bổ-ích về đường luân-lý, nên mới được xã-hội nhiều-người hoan-nghehnh như vậy. Huống-chi truyện ấy là một truyện nghĩa-hiệp lương-duyên, có tay kỳ-nữ, mà lại gặp

tay hiệp-sĩ, một bên thì giữ-gìn giá trong ngọc trắng, một bên thì định-ninh dạ sắt lòng son, tả ra lắm đoạn ly-kỳ lý-thú, cũng đáng làm gương cho những kẻ dang-tử dâm-nhi. Vậy Bản-chi cũng vui lòng giới-thiệu cùng chư độc-giả. Sách in đóng làm một quyển, cả thấy 261 trang, giá bán chín hào.

— *Ngọc trai nước giếng* là sự - tích nàng Mị-Châu con vua Thục kết-hôn với Trọng-Thủy, sau bị chồng lừa, phải thác oan mà hoá thành ngọc châu. Đến bây giờ qua Cỗ-loa mà thăm nơi di-tích, hãy còn trông thấy này Loa-thành, này Ngọc-tĩnh, khiến người hoài-cổ càng tưởng-tượng đến anh-hùng sự-nghiệp, lại càng ái-ngại cho liệt-nữ oan-hôn. Nay ông Nguyễn Mạnh-Bồng khéo tìm-tòi mà phổ-diễn ra thành truyện, lại khéo pha-phách lấy lời văn, cho là « Ai-tình tiểu-thuyết ». Nhưng xem truyện này không những chỉ đau-dớn về ai-tình, cốt là xét biết lấy những cô-tích ở trong lịch-sử, cũng không phải là vô-ích. Sách có 50 trang, giá, bán hai hào.

TẬP KỶ - YÊU CỦA HỘI « KHAI - TRÍ TIỀN - ĐỨC »

Tiệc tháng ngày 22 tháng 9 năm 1923. — Tiệc tháng ngày thứ bảy 22 tháng 9 có ý trọng-thề hơn các tháng khác, là vì Hội có hoan-nghehnh quan Thống-sứ Bắc-kỳ MONGUILLOT và có mời các quý-quan và quý-phu-nhân xưa nay vẫn có bụng ân-cần đến việc Hội. Vậy bữa ấy, ngoài các hội-viên có tới hơn 60 ông, có những quý-quan và quý-phu-nhân sau này đến dự tiệc : quan Thống-sứ MONGUILLOT, quan Nguyên-soái BLONDIAU, quý-phu-nhân và lệnh-ái, quan Nguyên-Khâm-sứ Kinh TISSOT, quan Công-sứ Nghệ-an CHATEL, quan Công-sứ Hà-dông LACHAUD và quý-phu-nhân, quan Chánh sở kiểm-tra Tài-chính NORÈS, quan Chánh sở kinh-tế LOCHARD và quý-phu-nhân, quan Đốc-ly Hà-nội MOURROUX và quý-phu-nhân, quan Đốc-trưởng Bách-nghệ HIÉROLTZ và quý-phu-nhân, các quan cai-trị ở phủ Toàn-quyền DOUGUET, LE

PRÉVOST, MARTY, LAGRÈZE, các quan cai-trị ở phủ Thống-sứ YVON, ALBERTI, MANAU, VAYRAC, các ông chủ nhật-trình Tây MAZET và quý-phu-nhân, DE MASSIAC, CUCHEROUSSET.

Tiệc vui-vẻ lắm, tỏ tình thân-mật người Pháp với người Nam.

Tiệc xong có cuộc hoà-nhạc, vừa nhạc tây, nhạc ta và nhạc tàu. Nhạc tây thời ông Được, học-sinh trường Thuộc gây violon, lệnh-ái quan Thiệu-Hoàng đánh piano. Đàn ta thì ông Thận-đức Nguyễn Hữu-Quát cùng với các ông Hội Nhà-hoa đánh cây đàn *Thần-đức*, gây nhiều điệu mới nghe thực êm-ái. Đàn tàu thì ông Vương Văn-Phú và mấy ông nữa đánh mấy, khúc hay nhất trong nhạc-bộ Tàu. Các quý-quan, quý-phu-nhân và các hội-viên ta được ngồi nghe mấy tay tài-tử ấy, ai cũng lấy làm ngợi khen. Trong các quý-phu-nhân có mấy bà sành âm-

nhạc lắm, thấy người Nam ta đánh ba thứ đàn đều giỏi cả, có ý thăm-phục là có tài-tình vậy.

Nói tóm lại thì tiệc này về-vang cho Hội và nổi tiếng cho cái tài âm-nhạc của người nước ta.

Giấy xin vào Hội. — Trong tháng vừa rồi, có những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội, hạn trong hai tháng, các ngài hội-viên có điều gì dị-nghị xin viết thư về cho Hội biết.

A. Xin vào chân tán-trợ

1. — Ông Cao Đầu-Ngư, Đốc-phủ-sứ hữu-trí, ở Sài-gòn (do quan Hội - trưởng Hoàng Trọng-Phu giới-thiệu, đã nộp 100 đồng vào Hội).

B. Xin vào chân chủ-trì

2. — Ông Bùi Trạc, tri - huyện Hoàn-long, Hà-đông.

3. — Hoàng Cung, ingénieur des Arts et métiers, directeur technique à la Manufacture des Tabacs de l'Indochine, Hanoi.

4. — Lê Văn - Trang, secrétaire à la Banque industrielle, 78 Avenue Paul Doumer, Haiphong (Do ông Lê Văn-Phúc giới-thiệu).

5. — Nguyễn Đệ, commis à la Résidence Supérieure, 18 boulevard Đồng-khánh, Hanoi.

6. — Nguyễn Thiệu, ingénieur T. P., négociant, 18 boulevard Đồng-khánh, Hanoi.

7. — Phạm Hữu-Tĩnh, adjudant retraité, village de Yên - ninh, phủ de Yên-khánh, Ninh-bình.

8. — Trần Văn - Hoán, quán làng Dương-hồi, tổng Yên-trung, phủ Nghĩa-hưng, tỉnh Nam - định, hiện tu ở chùa

Giặc tỉnh Nghệ - an (Do ông hội - viên Nguyễn Văn-Quy giới-thiệu).

9. — Trương Văn-Phát, huyệu honoraire, Saigon (Do quan Hội - trưởng Hoàng Trọng - Phu giới - thiệu, đã nộp 20 đồng vào Hội).

10. — Vũ Văn-An, diplômé de l'Ecole supérieure de Commerce de Lille, négociant, 18 boulevard Đồng-khánh, Hanoi.

C. Xin vào thường hội-viên

— Ông Đỗ Công-Hồ, làng Thanh-nghĩa, xã Duồn-xá, tổng Bồ-xá, huyện Bình-lực, tỉnh Hà-nam, hiện làm thợ ở Hauts Fournaux, Nouméa, Nouvelle Calédonie, n° 1836.

Hội-viên mới. — Những ông kê tên sau này có giấy xin vào Hội đã đăng trong báo số 73 (Juillet 1923), nay hết hạn hai tháng, không ai dị-nghị được nhận vào Hội kể từ ngày 1 tháng 10 năm 1923 :

Vào chân chủ-trì

Ông Bùi Huy - Lợi, — Nguyễn Công-Thanh, — Nguyễn Hữu - Thanh, — Nguyễn Văn - Hoạch, — Nguyễn Văn-Long, — Nguyễn Văn-Thông, — Nguyễn Xuân-Rong, — Trần Văn-Hiến, — Trịnh Đình-Cầu, — Vũ Đình-Siễn, — Lê Văn-Định. (Cả thảy 11 ông).

Việc làm Tự-diễn. — Bắt đầu từ tháng 10 tây, hội-dồng làm tự-diễn mỗi tháng họp hai kỳ, ngày 15 và ngày 30 hay 31 cuối tháng, vào tám giờ tối. Các ông có chân hội-dồng đều làm ở nhà, tùy chữ ngắn chữ dài, mỗi lần làm tự 20 đến 50 chữ, đến kỳ hội-dồng thì đem ra đối-chiếu với nhau và bàn thật kỹ để đặt nghĩa cho nhất-định. Hiện nay đã làm đến chữ ai. — Hoặc có tiếng gì

nghe hay nghĩa gì nghe thì đáng báo để
hỏi rộng cả quốc-dân.

Hiện báo *Trung-Bắc* và báo *Thực-nghiệp*
đều có mở một mục « điều - tra » để
giúp cho việc làm Tự-diễn.

— Trong tháng mới rồi Hội nhận được
mấy tập tục-ngữ ca-dao của quan Từ
Đạm, Tổng-đốc Hải-dương, của ông
Đặng Quang-Hữu, hội-viên thành-phố
Hải-dương, và Tôn-thất Quán ở Tourane
gửi về, xin có lời cảm ơn cả các ngài.

— Ông Phạm Quỳnh lại xin được trường
Bác-cổ cho tất cả những tài-liệu của
ông HENRI OGER làm quan cai-trị ở
bên ta trước, đã nhặt năm xưa để làm
một bộ Tự-diễn tiếng An-Nam. Những
tài-liệu này nhiều lắm, xếp đầy ba hòm,
vừa tranh vẽ, vừa các câu thí-dụ từ
chữ A cho đến chữ X, kể sưu-tập
cũng đã công-phu lắm, tuy còn bẽ-bộn
và hơi bác-tạp, nhưng khéo chọn lọc
cũng lợi-dụng được nhiều. Ông OGER
năm trước làm phó-sứ tỉnh Nghệ-an lại
bắt cả hạt tỉnh Nghệ mỗi làng phải
nộp một tập khai rõ về các phong-tục,
ca-dao, nghề-nghiệp, v. v. trong làng ;
cả thầy tới mấy nghìn quyển, khi về
Tây giao cả lại cho trường Bác-cổ. Nay
trường Bác-cổ cũng cho cả Hội Khai-
trí để làm tài-liệu cho bộ Tự-diễn.

**Cuộc đấu-xảo của hội Khai-trí
tiền-dức tại Hanoi.** — Mở từ ngày
25 Novembre đến ngày 10 Decembre 1923.

Xưa nay các nhà mỹ-nghệ hình như
cho cuộc đấu-xảo là một trường đề bày
các đồ hàng chiêu khách, cho nên ta đã
thường trông thấy nhiều đồ đã đem đấu-
xảo bốn năm lần, hay là những món hàng
ngày bày trong chợ, hay bày trên giá hàng

trong phố. Như vậy thì sao gọi là đấu-
xảo được?

Hội Khai-trí Tiền-dức đặt ra cuộc đấu-
xảo này cốt ý duy-tri lấy cái tính đặc-biệt
một cuộc thi khéo đề chấn-hưng mỹ-nghệ,
như bên Pháp có cuộc thi gọi là « Salon »,
cho nên bản-hội đã định chỉ nhận vào cuộc
thi ấy các đồ-đặc thật khéo mà mẫu-mực
đều đặn vừa được thích-thời, vừa được
đắc-dụng ; còn những đồ tạp-nhập kiểu
nọ lẫn kiểu kia, làm không dụng công thi
quyết-nhiên bản-hội không nhận. Vậy các
nhà muốn đấu-xảo này xin chú-ý cho,
mà phát-minh ra nhiều kiểu mới, vừa đẹp
vừa tiện-lợi, mà lại chau-chuốt kỹ-càng,
đem đến thi thì bản-hội sẽ hoan-ngheh
lắm.

Cuộc đấu-xảo này chia làm hai ban :
một ban thi toàn đồ cổ ; một ban thi
toàn đồ tân-tạo, hoặc đồ vẽ, đồ sơn, thêu,
dệt, chạm, khảm, sứ, sành, v. v. (những
bản vẽ phác làm mẫu thì không nhận).

Kể từ ngày 13 đến 18 Novembre, ai có
đồ-đặc muốn dự cuộc đấu-xảo này, thì
phải đem đến tại nhà Hội-quán ở phố
Hàng-Trông Hanoi. — Ngày 19, Bản-hội
cử Hội-dồng chọn các đồ-đặc ấy để cho
dự-thi. — Ngày 20, các nhà có đồ-đặc
mà phải loại, thì phải đến nhận các đồ-
đặc ấy về. — Từ ngày 21 đến 24, thì Bản-
hội sửa-soạn và bày-biễn. — Ngày 25
Novembre bắt đầu mở cuộc để công-chúng
vào xem.

Lời hẹn trước. — Ai ở các tỉnh có
đồ-đặc muốn đấu-xảo, thì phải cậy bà-
con ở Hanoi, thay mặt cho mình, đem
đến tận nhà Hội, chờ gửi hàng tàu-
thủy hoặc gửi tại nhà Giấy-thép thì
bản-hội không nhận. Khi đã tan cuộc
rồi, thì đồ-đặc của ai lại phải lại nhà
Hội mà lãnh về.

Ban Mỹ-thuật Hội K. T.
cáo-bạch.



Ảnh quan Toàn-quyển MERLIN

Cliche Luret